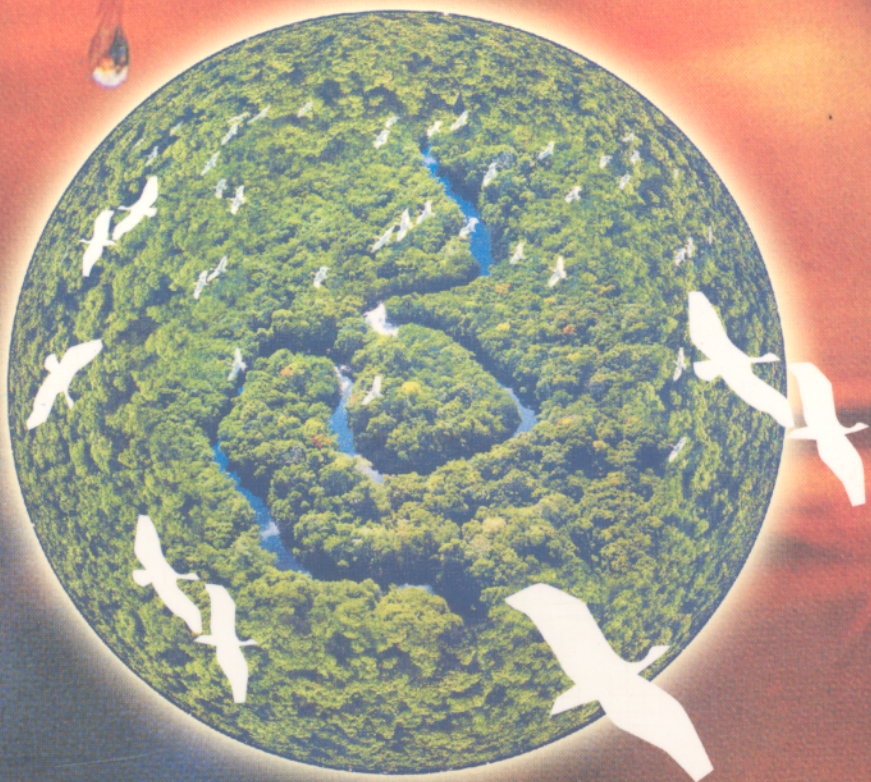


THẾ ĐẠT

& DU LỊCH

du lịch sinh thái



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

THẾ ĐẠT

Du lịch
và
Du lịch sinh thái

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2003

Lời giới thiệu

Thực tiễn du lịch truyền thống của Việt Nam đã được triển khai từ những năm 1978-1979. Nhưng du lịch và du lịch sinh thái chỉ được chú ý đến từ những năm 1995-1996. Đến nay nhiều địa phương đã đạt những kết quả đáng kể trong hoạt động này. Sau khi có pháp lệnh về du lịch đầu năm 1999, du lịch sinh thái ngày càng được chú ý đến trong sự phát triển chung của hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch, đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Cuốn sách "*Du lịch và du lịch sinh thái*" bước đầu giới thiệu một số kinh nghiệm về hoạt động du lịch và du lịch sinh thái. Đây là một cách tiếp cận cần thiết, làm cơ sở thực tiễn và lý luận cho việc đổi mới nội dung hoạt động của ngành du lịch nước ta theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

Cuốn sách gồm 6 chương như sau:

Chương I: Tổng quan về ngành kinh tế du lịch của Việt Nam

Chương II: Tài nguyên du lịch của Việt Nam

Chương III: Các loại hình du lịch của Việt Nam

Chương IV: Loại hình du lịch sinh thái

Chương V: Vấn đề phát triển nguồn nhân lực của du lịch

Chương VI: Tổ chức và quản lý kinh tế du lịch

Bước đầu đề cập đến lĩnh vực du lịch và du lịch sinh thái nên cuốn sách có thể còn chưa được đầy đủ và hoàn chỉnh. Chắc chắn qua kế hoạch phát triển của nền kinh tế của đất nước giai đoạn 2001-2010, trong đó có kế hoạch phát triển kinh tế du lịch, tác giả sẽ có thêm nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tế để cuốn sách được bổ sung, hoàn chỉnh hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

*CHƯƠNG I***TỔNG QUAN VỀ NGÀNH KINH TẾ
DU LỊCH CỦA VIỆT NAM**

Từ dưới các triều đại phong kiến của Việt Nam đã có một số nhân vật là vua quan, nhà nho, nhà thơ trong khi thực hiện một số công việc được giao, đã giành thời gian để tham quan một số cảnh quan nổi tiếng của đất nước. Còn người dân lao động thì chưa có điều kiện đi du lịch, mà chỉ tham gia các dịp lễ hội ngay trong địa phương mình là chính.

Đến thời thực dân Pháp đánh chiếm và đặt ách cai trị từ cuối thế kỷ thứ XIX đã có một số người Pháp, trong đó có nhà văn, nhà khoa học, nhà tư bản thực hiện các chuyến du lịch cùng một số quan lại người Việt. Và theo kiến nghị của họ chính quyền thực dân Pháp đã xây dựng một số điểm du lịch khá khang trang ở Sa Pa, Tam Đảo, Đồ Sơn, Bạch Mã, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu v.v...

Từ sau năm 1975 khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng và thống nhất đất nước cho đến những năm 1979-1980 trừ một số điểm du lịch đã bị tàn phá, Nhà nước Việt Nam chưa có điều kiện để tổ chức hoạt động du lịch. Mãi những năm sau đó một số nơi đã chủ động tiếp tục đón tiếp du khách trong nước cùng một số ít du khách quốc tế. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng dần dần tổ chức và quản lý ngành du lịch thống nhất trong cả nước. Quốc hội Khoá VIII, kỳ họp thứ 9 từ ngày 27 tháng 7 năm 1991 đến ngày 12 tháng 8 năm 1991 quyết định đổi tên bộ Thương nghiệp thành Bộ Thương mại - Du lịch và chuyển chức năng và tổ chức quản lý du lịch từ Bộ Văn hoá - Thông tin sang Bộ Thương mại - Du lịch. Ngày 17 tháng 10 năm 1992 Hội đồng Nhà nước quyết định thay đổi một số tổ chức, trong đó Bộ Thương mại - Du lịch thành Bộ Thương mại.

Ngành du lịch của Việt Nam đã có nhận thức về phát triển lâu dài đúng hướng từ những năm 1986-1990. Năm 1990-1991 có quy hoạch tổng thể về phát triển du lịch thời kỳ 1995-2010 và

được phê duyệt năm 1995. Ngoài tình hình đánh giá sự khởi đầu của ngành du lịch từ sau năm 1975 cái mốc thời điểm cả nước hoàn toàn giải phóng, thống nhất cho đến năm 1991-1993 được nêu rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của du lịch, phương án tổ chức không gian du lịch trong nước, tổ chức các đơn vị quản lý du lịch, mối quan hệ quốc tế về du lịch trong chính sách, chiến lược hội nhập nền kinh tế thế giới. Bản quy hoạch nói trên đã thể hiện một số nhận thức đổi mới trong chiến lược phát triển bền vững của du lịch, nó được triển khai và được bổ sung điều chỉnh dần qua thực tiễn.

Điều thuận lợi là Đại hội Đảng IX đã có nghị quyết về phát triển ngành du lịch trong "Định hướng phát triển các ngành" như sau: "Phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Xây

dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, hình thành các khu du lịch trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các nước"⁽¹⁾.

Đại hội Đảng lần thứ IX đã có những định hướng phát triển của ngành du lịch như sau: "Nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch. Liên kết chặt chẽ các ngành liên quan đến hoạt động du lịch để đầu tư phát triển một số khu du lịch tổng hợp và trọng điểm; đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển và đa dạng hoá các loại hình và các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, lịch sử, thể thao hấp dẫn du khách và đẩy mạnh hợp tác liên kết với các nước trong hoạt động du lịch"⁽²⁾.

Các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước trên thế giới trong thập niên cuối của thế kỷ thứ XX đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh du lịch.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2001, trang 178-179.

(2) Sđd, tr.287.

Trong điều kiện thực tiễn của một số nước đã sớm đề ra phương châm đúng đắn là tổ chức và quản lý du lịch phải thực sự bền vững. Phương châm hoạt động kinh doanh du lịch phải bền vững đã sớm được nhiều nước ủng hộ và đã trở thành mục tiêu phấn đấu của các nước.

Tổ chức Du lịch thế giới đã có định nghĩa về du lịch bền vững như sau: "Du lịch bền vững là sự phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của du khách và của người dân sở tại trong khi vẫn quan tâm việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên bảo đảm sự phát triển hoạt động của du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững là kế hoạch hoá việc quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu của con người trong khi vẫn duy trì được sự toàn vẹn về đa dạng sinh học và về đa dạng văn hoá, sự phát triển các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ đối với cuộc sống của con người".

Trên cơ sở của định nghĩa này Tổ chức du lịch thế giới cũng nêu ra những nguyên tắc cơ bản của sự phát triển du lịch bền vững là:

- Những tài nguyên du lịch tự nhiên, lịch sử, văn hoá và những tài nguyên khác cần được bảo tồn đối với mục đích khai thác lâu dài trong tương lai mà vẫn bảo đảm được lợi nhuận cho cả tương lai.

- Những hoạt động về phát triển du lịch cần được quy hoạch và quản lý để không gây các vấn đề về môi trường và văn hoá - xã hội đối với khu vực.

- Chất lượng của môi trường chung được bảo vệ và cải thiện nếu thấy cần thiết.

- Cần chú ý sự hài lòng của du khách để tạo lập được uy tín và sự hấp dẫn của du khách đã có mặt và qua họ có thể phổ biến rộng rãi đối với những du khách chưa từng đến.

Chương trình 21 về du lịch và lữ hành do Ủy ban du lịch và lữ hành thế giới và Hội đồng về Trái đất đã xác định như sau:

- Đối với các cơ quan Nhà nước, các cơ quan quốc gia về du lịch (Tổng cục Du lịch, Bộ Du lịch...) và các đại diện những tổ chức thương mại thì nhiệm

vụ quan trọng nhất là việc xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách nhằm đưa mục tiêu phát triển bền vững trở thành trọng tâm, và xác định những quyết sách nhằm có thể thực hiện các bước cần thiết để biến những mục tiêu phát triển bền vững thành hiện thực.

- Đối với các doanh nghiệp thì mục tiêu cơ bản là xây dựng hệ thống và cơ chế hướng những vấn đề bền vững trở thành phần chủ yếu trong công tác quản lý, đồng thời xác định các nhiệm vụ phải thực hiện nhằm biến những mục tiêu phát triển bền vững thành hiện thực.

Qua sự nhận định nói trên của chương trình 21 về Du lịch và Lữ hành do Ủy ban Du lịch và Lữ hành thế giới và Hội đồng về Trái đất đề ra, đối với ngành du lịch của Việt Nam đã có một số lĩnh vực được thực thi trong các năm trước đây gồm:

- Đã bước đầu xây dựng các quy hoạch vùng, địa phương vừa coi trọng về tiềm năng du lịch trên cơ sở đó phát huy nội lực, coi trọng nhận thức của dân cư vùng, địa phương, tăng cường việc chỉ đạo trong quản lý du lịch có hiệu quả.

- Nhà nước, Tổng cục du lịch và các ngành thực sự chú trọng đầu tư về giao thông vận tải, về an toàn, về cơ sở hạ tầng, nơi lưu trú, sức khỏe, thông tin, ứng xử xã hội, đào tạo nhân lực, quảng bá du lịch.

- Bảo đảm việc nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch một cách ổn định.

- Chú ý một vấn đề mà cho đến nay du lịch ở các nước đã thực hiện đầy đủ là thu nhập từ du lịch chưa được phân bổ một cách chủ động, hợp lý đối với xã hội.

Hội nghị thượng đỉnh thế giới về môi trường và phát triển thường được nêu dưới tên gọi là Hội nghị về Trái đất ở Ri-ô đê Gia-nây-rô⁽¹⁾ năm 1992 thì sự phát triển bền vững được cụ thể hoá trong Chương trình 21 đã thông qua. Chương trình 21 nói trên là chương trình tổng hợp gồm các vấn đề về sự phát triển và môi trường ở quy mô thế giới để đảm bảo tương lai bền vững của trái đất. Người ta còn nhớ

(1) Rio de Janeiro.

trong báo cáo năm 1987 trước đó trong "Tương lai chung của chúng ta" do Uỷ ban môi trường và phát triển thế giới của Liên Hợp Quốc đã định nghĩa sự phát triển bền vững là sự phát triển nhằm "thoả mãn những nhu cầu của hiện tại mà không làm ảnh hưởng đối với những thế hệ tương lai về sự thoả mãn các nhu cầu của họ". Sau đó nhiều nước kể cả nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định sự phát triển bền vững chính là chính sách phát triển cơ bản đối với các ngành kinh tế - xã hội của cả nước. Vì vậy trên cơ sở khái niệm chung về sự phát triển bền vững, hoạt động của du lịch đã xác định sự phát triển của du lịch bền vững một cách đầy đủ hơn.

Theo Pháp lệnh Du lịch ngày 8 tháng 2 năm 1999 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Điều 1 đã khẳng định như sau: "Nhà nước Việt Nam xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao; phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi của

nhân dân và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước".

Điều 3 của Pháp lệnh Du lịch đã nêu rõ: "Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động du lịch; bảo đảm phát triển du lịch theo hướng du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam"⁽¹⁾.

Pháp lệnh Du lịch cũng quy định rõ.

- *Về điểm du lịch*: là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch.

- *Về khu du lịch*: là nơi có tài nguyên du lịch với ưu thế nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm thoả mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

- *Về tuyến du lịch*: là lộ trình nối các điểm du lịch, khu du lịch khác nhau.

(1) Các luật và pháp lệnh trong lĩnh vực kinh tế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2001, từ trang 857-858.

Tổ chức Du lịch thế giới cũng xác định những nguyên tắc về phát triển du lịch bền vững như sau:

- Những tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hoá, lịch sử cùng những tài nguyên khác cần được bảo tồn đối với mục đích khai thác lâu dài trong tương lai, song vẫn đảm bảo được lợi nhuận đối với hiện tại.

- Những hoạt động phát triển du lịch phải được quy hoạch và quản lý nhằm không gây ra các vấn đề có ảnh hưởng đối với môi trường và văn hoá - xã hội của khu vực.

- Chất lượng của môi trường chung được bảo vệ và cải thiện nếu cần thiết.

- Bảo đảm sự hài lòng của du khách ở mức độ cao để tính hấp dẫn và uy tín của điểm du lịch được bảo đảm.

- Bảo đảm và nâng cao hiệu quả kinh tế của du lịch.

- Thu nhập từ du lịch được phân bố rộng khắp trong toàn xã hội.

Trong chiến lược và chính sách phát triển kinh

tế - xã hội của Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2010 nói chung đã bao hàm cả chiến lược và chính sách phát triển du lịch của Việt Nam. Mục tiêu chính của du lịch trong thời kỳ này và các năm sau là phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, đồng thời về lâu dài vẫn giữ được vai trò quan trọng bảo đảm sự bền vững của nền kinh tế quốc dân kể cả môi trường, văn hoá và an ninh của đất nước. Để đạt mục tiêu trên ngành du lịch đã cụ thể hoá các mục tiêu như sau:

1. Trước hết là ngành du lịch phải tạo lập được những sản phẩm du lịch hấp dẫn trong khu vực và cả trên thế giới;
2. Thực sự khai thác có hiệu quả các thị trường đã có và các thị trường tiềm năng trong nước và trên thế giới;
3. Phát triển khoa học - công nghệ du lịch ở trong nước;
4. Phát triển nguồn nhân lực có tay nghề, có chất lượng của ngành du lịch.
5. Thực sự hội nhập khu vực, nâng cao vị thế du

lịch của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch của đất nước thông qua các Tổ chức du lịch quốc tế.

6. Tăng cường năng lực quản lý vĩ mô, khai thác có hiệu quả tiềm năng của các nguồn nhân lực và môi trường du lịch sẵn có. Xã hội hoá tổ chức và quản lý để phát triển bền vững kinh tế du lịch của đất nước.

Cùng với các mục tiêu cụ thể nêu trên, căn cứ vào điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội của từng địa phương, Nhà nước đã có sự quy hoạch các vùng du lịch lớn như sau:

1. Vùng du lịch Bắc Bộ: Vùng du lịch này được quy hoạch từ năm 1995 gồm 29 tỉnh kể từ tỉnh Hà Giang ở phía Bắc tiếp giáp với các tỉnh của miền Nam nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa đến tỉnh Hà Tĩnh ở miền Trung, các tỉnh từ tỉnh Lai Châu ở phía Tây đến trung tâm du lịch Hạ Long ở phía Đông. Vùng du lịch Bắc Bộ được phân thành năm tiểu vùng gồm: tiểu vùng Tây - Bắc, tiểu vùng Đông - Bắc, tiểu vùng Duyên hải Đông - Bắc, tiểu vùng Nam Bắc Bộ và tiểu vùng

trung tâm. Sau đây là danh mục các tỉnh nằm trong vùng du lịch Bắc Bộ.

Vùng du lịch Bắc Bộ có 3 khu vực phát triển truyền thống về du lịch là khu vực Hà Nội và phụ cận, khu vực Hạ Long và phụ cận và khu vực miền núi Sa Pa.

2. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi là vùng đất hẹp, phía Đông là biển Đông và phía Tây là dãy Trường Sơn chạy dài từ vùng núi phía Nam huyện Hương Khê thuộc tỉnh Hà Tĩnh tiếp giáp huyện Minh Hoá phía Bắc tỉnh Quảng Bình nối liền vùng núi phía Bắc Hải Vân, phía Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế và chạy suốt qua phía Tây tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi.

Vùng du lịch Bắc Trung bộ cho đến đầu thế kỷ thứ XXI có hai trung tâm và khu vực phát triển then chốt du lịch là tỉnh Thừa Thiên - Huế và thành phố Đà Nẵng. Vùng này có tài nguyên du lịch thiên nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn tiêu biểu là 4 di sản văn hoá thế giới gồm Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn ở Quảng Nam và Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở Quảng Bình.

3. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ gồm 26 tỉnh từ tỉnh Bình Định, Kon Tum đến tỉnh Tiền Giang, tỉnh Cà Mau. Vùng này có trung tâm du lịch là thành phố Hồ Chí Minh. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ được phân chia thành 4 tiểu vùng là tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gồm các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận; tiểu vùng Tây Nguyên ở Trung Bộ; tiểu vùng Đông Nam Bộ gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long và tiểu vùng Tây Nam Bộ gồm các tỉnh Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.

Vùng du lịch này có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt và các cơ sở hỗ trợ khác tạo điều kiện phát triển du lịch tốt trong những năm gần đây.

CHƯƠNG II

TÀI NGUYÊN DU LỊCH CỦA VIỆT NAM

Nói đến tài nguyên du lịch của Việt Nam trước hết là nói đến môi trường địa lý sẵn có. Nằm trên bán đảo Đông Dương ở Đông Nam Á, về đường thuỷ Việt Nam thuận tiện về địa lý là điểm gặp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Về đường bộ phía Bắc Việt Nam tiếp giáp nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa; phía Tây tiếp giáp hai nước Lào và Campuchia; phía Đông và Nam tiếp giáp biển Đông và Vịnh Thái Lan. Tổng chiều dài đường biển trên đất liền của Việt Nam là trên 3.730 km.

Việt Nam có diện tích đất liền và hải đảo khá lớn, trong số đảo có một số quần đảo. Tổng diện tích là trên 330.990 km², lại có vùng lãnh hải và đặc quyền kinh tế rộng. Về chiều dài từ Bắc xuống Nam là trên 1.650 km. Nơi đất liền rộng nhất từ miền Bắc là trên 600 km và ở miền Nam là trên

400 km; còn nơi đất liền hẹp nhất có chiều rộng là 50 km ở tỉnh Quảng Bình.

Riêng về núi, đồi, rừng đã chiếm đến 3/4 diện tích của cả nước. Hai vùng đồng bằng là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có đất đai màu mỡ từ lâu đời được khai phá phát triển cây lúa, ngô, đậu, khoai, các công công nghiệp, cây rau quả các loại. Cảnh quan núi, đồi, rừng của Việt Nam là nguồn tài nguyên cho du lịch truyền thống, du lịch sinh thái, trong đó ngọn núi cao nhất là đỉnh Phan-xi-păng cao 3.143 mét ở tỉnh Lào Cai. Núi đá vôi chiếm diện tích đến 50.000 km² có nhiều hang động đẹp nổi tiếng. Nhiều cảnh đèo dài ngoạn mục ở miền Bắc và miền Trung đất nước vừa góp phần thuận lợi cho giao thông vận tải, vừa là điểm du lịch sinh thái hấp dẫn như đèo Pha-Đình, đèo Giàng, đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Phượng Hoàng, đèo Ngoạn Mục v.v...

Bờ biển của Việt Nam trải dài trên 3260 km có đến 125 bãi biển với nhiều điểm san hô, nhiều cửa sông v.v... Gần bờ và xa bờ có trên 2.700 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Phú Quốc có diện tích lớn

nhất đạt 570 km^2 ; quần đảo Côn Lôn còn gọi là Côn Đảo nổi tiếng về di tích lịch sử, về phong cảnh ngoạn mục, về hệ sinh thái đa dạng v.v...

Đới khí hậu Việt Nam cũng có lợi thế cho hoạt động phục vụ du lịch nói chung. Nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa, cả gió mùa Đông Bắc và Đông Nam tạo nên sự đa dạng về khí hậu. Miền Bắc nói chung có bốn mùa khá rõ. Miền Nam có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.

Nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội là 23°C ; ở Huế là 25°C và ở thành phố Hồ Chí Minh là 26°C . Mức chênh lệch về nhiệt độ giữa các mùa trong năm ở miền Nam là khoảng 3°C chính là yếu tố khí hậu có lợi đối với loại hình du lịch nghỉ biển. Mức chênh lệch về nhiệt độ giữa các mùa trong năm cao nhất ở miền Bắc là 12°C . Mùa đông khí hậu tương đối lạnh hơn ở khu vực núi rừng, cũng là điều kiện có thể phát huy lợi thế hình thức du lịch nghỉ núi.

Rõ ràng đới khí hậu nói chung đa dạng và địa hình đa dạng của Việt Nam có sự tác động trực tiếp đến sự đa dạng về sinh học và từ đó trong hoạt động của du lịch có nhiều lợi thế của các hệ sinh

thái phong phú, đa dạng mà Việt Nam có thể tận dụng đạt hiệu quả thiết thực. Quả thực hiếm thấy đất nước nào có những hệ sinh thái như hệ sinh thái đồi núi rừng, hệ sinh thái Karst⁽¹⁾, hệ sinh thái biển-đảo, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái cát, hệ sinh thái hồ v.v... và khoảng 12.000 loài thực vật, 7.000 loài động vật, trong đó có nhiều loài quý, hiếm đặc hữu có giá trị sinh học lớn như ở nước ta.

Cho đến nay Việt Nam có các hệ sinh thái tài nguyên du lịch như sau:

I. HỆ SINH THÁI RỪNG - NÚI VÀ HANG ĐỘNG, THÁC NƯỚC.

Việt Nam có 107 khu rừng được bảo vệ với diện tích gần 2.381.790 ha, trong số đó có một số khu có thể mở rộng; 12 vườn quốc gia, 61 khu bảo tồn thiên nhiên và 34 khu rừng lịch sử - văn hoá môi trường:

- **Các vườn quốc gia** gồm các khu rừng hoặc biển với mục tiêu là bảo tồn một hoặc vài hệ sinh thái,

(1) Karst.: đá vôi

mà mục tiêu đối với hoạt động du lịch là phát triển du lịch sinh thái.

- **Các khu bảo tồn thiên nhiên** gồm các khu rừng bảo vệ các thảm thực vật và động vật để phục vụ các công trình nghiên cứu. Ở các khu bảo tồn thiên nhiên này cũng có thể phục vụ hoạt động của loại hình du lịch sinh thái.

- **Các khu rừng lịch sử - văn hoá - môi trường** gồm các khu rừng vốn có các di sản lịch sử văn hoá, các khu nghỉ dưỡng với phong cảnh có giá trị về thiên nhiên đối với sức khoẻ của du khách, với hình thái môi trường cảnh quan gây ấn tượng tốt đối với du khách.

Trong các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng lịch sử - văn hoá - môi trường nói trên có một số tài nguyên du lịch cho đến nay đã thực sự phát huy vai trò đầu tàu đối với các loại hình du lịch của đất nước:

a. Trước hết phải kể từ phía Bắc Việt Nam là **Vịnh Hạ Long**. Tại kỳ họp lần thứ XVIII phiên họp ngày 14 tháng 12 năm 1994 của Hội đồng Di sản

thế giới đã khẳng định Vịnh Hạ Long là di sản thế giới với những núi đá vôi nhô lên trên mặt nước biển tạo nên một cảnh quan độc đáo tự nhiên với các di sản khảo cổ học hiếm thấy trên thế giới. Đến ngày 29 tháng 11 năm 2000 ở kỳ họp lần thứ XXIV của Hội đồng Di sản thế giới thì Vịnh Hạ Long được công nhận chính thức là di sản thế giới lần thứ hai về tiêu chuẩn là giá trị của địa chất địa mạo vùng đá vôi đã bị biển làm chìm ngập. Thắng cảnh đá vôi kỳ vĩ nói trên mang ý nghĩa toàn cầu.

Theo các nhà sử học Việt Nam hơn 700 năm trước đây Vịnh Hạ Long đã được các vua chúa cùng các nhà văn, nhà thơ trong nước và nước ngoài đến tham quan và để lại nhiều lời ca ngợi cảnh đẹp kỳ vĩ của Việt Nam ở vùng đất tỉnh Quảng Ninh địa đầu phía Bắc của đất nước. Những tên đất, tên người đang lưu giữ các chiến công lẫy lừng của Bạch Đằng, Vân Đồn, Cửa Lục với các anh hùng dân tộc Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư từ các thế kỷ thứ X - XIII.

Trong di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long đến nay còn một số điểm du lịch chưa được quy

hoạch đầu tư tốt để tăng giá trị thực sự của tuyến du lịch hấp dẫn khi khách du lịch thực hiện tuyến du lịch quan trọng này.

Trước hết là điểm du lịch ở đảo Soi Sim. Đảo này là một hòn đảo trong cụm trung tâm của Vịnh Hạ Long có diện tích rất đáng kể cách đảo Ti-Tốp 1 km về phía Tây - Nam và cách hang Sừng Sốt 1,2 km về phía Đông. Đảo Soi Sim có một bãi tắm nhân tạo sạch đẹp và có quy hoạch xây dựng một số công trình như cầu tàu nằm, lầu ngắm vịnh, nhà nghỉ sinh thái sử dụng năng lượng mặt trời trên đỉnh núi, công trình khinh khí cầu dành cho du khách chiêm ngưỡng Vịnh trên độ cao 200m.

Điểm du lịch thứ hai là đảo Nầm Bò cách cảng tàu du lịch 12 km về phía Đông-Nam. Trên đảo này năm 1994 đã phát hiện ra động Mê Cung với vẻ đẹp độc đáo của các nhũ đá, măng đá và các ngách nhỏ trong động v.v... Cũng ở động này các nhà khảo cổ học đã phát hiện một số mảnh gốm thô, vỏ ốc nước ngọt có khối lượng lớn kết thành các tầng dày theo dự kiến về niên đại là khoảng 10.000 năm

trước đây chứng minh Vịnh Hạ Long là nơi cư trú của những người tiền sử. Trên đảo Nấm Bò còn có một hồ nước nằm trong lòng núi, xung quanh là các dãy núi đá vôi vốn là dạng địa chất đá vôi của Vịnh Hạ Long. Và về phía Tây của đảo có một thung lũng lưu giữ hệ sinh thái rừng xanh nhiệt đới trong khung cảnh địa chất đá vôi.

Điểm du lịch thứ ba là hồ Ba Hầm trong đảo Đầu Bê về phía Nam của Vịnh Hạ Long. Chính là ba hang hàm ếch trên biển dẫn đến ba hồ nước có núi đá bao quanh. Du khách muốn vào hồ phải đợi nước thủy triều xuống rồi dùng thuyền nhỏ hoặc ca-nô xuyên qua ba hang để vào hồ. Bên trong hồ thể hiện rõ quần thể núi đá vôi với vách núi dựng đứng có các loài thực vật như ngũ gia bì, thiên tuế, cọ v.v... là những nguồn gen sinh học đa dạng độc đáo của Vịnh Hạ Long.

Theo dự kiến của các nhà du lịch ở Quảng Ninh, đảo Đầu Bò với hồ Ba Hầm sẽ là một điểm du lịch sinh thái và là một điểm nghỉ đêm trên Vịnh Hạ Long với cảnh hồ Ba Hầm là điểm kết thúc của chuyến du lịch sinh thái ở Vịnh Hạ Long. Trong đó

bao gồm các điểm du lịch Soi Sim - Mê Cung - làng chài Cửa Vạn - hồ Ba Hầm.

Điểm du lịch thứ tư là điểm du lịch làng chài Cửa Vạn. Đây là một trong bốn làng chài trên Vịnh Hạ Long chuyên đánh bắt và nuôi trồng các loài thủy sản. Làng chài này sẽ là một điểm nổi đón du khách trong "tua" du lịch sinh thái nói trên tham quan tìm hiểu cuộc sống của người dân làng chài.

Trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2001-2010 cùng với các điểm du lịch, đang được triển khai Nhà nước còn được đầu tư vào một số điểm có triển vọng vừa tạo các sản phẩm đặc thù bảo vệ môi trường sinh thái như các trung tâm du lịch chính là Hạ Long và các vùng phụ cận; Móng Cái - Trà Cổ; Uông Bí - Đông Triều - Yên Hưng và trung tâm du lịch biển Vân Đồn gồm 4 trung tâm du lịch phát triển bền vững hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

b. **Vườn quốc gia Bái Tử Long** là một hệ sinh thái biển thuộc Vịnh Bái Tử Long được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển từ khu bảo tồn thiên nhiên Ba Mùn thuộc huyện Vân Đồn tỉnh Quảng

Ninh thành Vườn quốc gia từ ngày 1 tháng 6 năm 2001. Vườn quốc gia này có diện tích 15.783 ha, trong đó có các đảo nổi có diện tích 6.125 ha; phần diện tích thêm, biển và bãi gian triều là 9.658 ha. Thuộc Vườn quốc gia Bái Tử Long có 14 hòn đảo lớn và trên 20 hòn đảo nhỏ, cù lao, hòn nổi. Những hòn đảo nhỏ này cho đến nay chưa có cư dân sinh sống.

Phần lớn các đảo ở đây là núi đất, chỉ xen kẽ một số đảo núi đá vôi vốn là khu vực hội tụ các yếu tố đặc trưng đa dạng sinh học cao. Nói chung các đảo này đều có độ che phủ rừng trên 40%, đặc biệt có nơi độ che phủ đạt đến trên 70%, nên ở đây đã có nhiều loại thực vật và động vật quý hiếm sinh sống, trong số này có 11 loài được ghi trong Sách Đỏ. Theo kết quả điều tra cho thấy Vườn quốc gia Bái Tử Long có trên 390 loài động vật biển, hầu hết là các loài động vật hải sản có giá trị kinh tế cao và có ý nghĩa về khoa học.

Ngoài ra, ở vườn này có hang Soi Nhụ vốn là di tích người cổ xưa sinh sống cách đây đến trên 2 vạn năm. Bãi cát Quảng Châu nước trong vắt được đánh

giá là bãi tắm lý tưởng, một yếu tố sinh thái đặc thù đối với loại hình du lịch sinh thái của vùng này.

c. **Vườn quốc gia Ba Bể** có diện tích 23.340 ha, trong đó có khoảng 7.610 ha núi đá vôi cùng sông, suối và hồ trên địa hình có độ dốc lớn được rừng nhiệt đới của tỉnh Bắc Kạn che phủ. Xung quanh vườn quốc gia trở thành khu đệm của vườn. Vườn quốc gia này đẹp nổi tiếng, đặc biệt là cảnh đẹp tự nhiên của hồ Ba Bể rộng. Trong Vườn quốc gia Ba Bể có nhiều điểm sinh thái hấp dẫn như hang Phượng với hàng ngàn con dơi, thác Tà Ken, ao Tiên v.v...

Hệ động vật, hệ thực vật ở đây có nhiều loại: động vật có vú, động vật lưỡng cư, các loài bò sát, dơi, bướm, cây hương, voọc, voọc mũi hếch chủ yếu sinh sống ở Khu bảo tồn tự nhiên Nà Hang. Hiện nay một số loài động vật như cây hương, voọc... có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Trong Vườn quốc gia Ba Bể có 5 nhóm dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông, Việt ở 9 làng, bản, thường canh tác trên các bãi đất bằng xung quanh hồ Ba Bể. Họ cấy trồng, đánh cá, thu hoạch các lâm sản.

Một số người dân còn sản xuất những vật dụng thủ công hoặc dệt vải, làm hàng mây tre v.v... Vài năm gần đây người dân ở xã Khang Ninh đã trồng một số loại cây ngoài gỗ để chủ động sử dụng nguyên liệu làm ra các mặt hàng thủ công mỹ nghệ theo sự hướng dẫn của Viện Kinh tế sinh thái.

Khách du lịch đến hồ Ba Bể có thể đi thuyền thăm hồ và kết hợp một số điểm dừng ở các bản, làng. Cảnh đẹp hấp dẫn thường để lại trong lòng du khách những ấn tượng về cảnh quan sinh thái độc đáo, hiếm thấy mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này. Đó là chưa kể đến những lễ, hội đặc thù của các cư dân ở các bản, làng lân cận đã trở nên rất hấp dẫn đối với khách du lịch.

d. *Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng* ở tỉnh Quảng Bình được thành lập năm 1993 có diện tích 41.000 ha nằm ở phía Bắc dãy Trường Sơn, cách thị xã Đồng Hới 45 km. Nếu kể cả các khu rừng bên cạnh Kẻ Bàng thì tổng diện tích có thể trên 115.000 ha là một quần thể rừng trên vùng đá vôi đa dạng tạo thêm nhiều dạng tài nguyên về kinh tế và đặc biệt về du lịch. Chính vùng Phong Nha - Kẻ

Bàng ở huyện Bố Trạch tiếp giáp huyện Tuyên Hoá và huyện Quảng Trạch là vùng đất đã ghi nhiều dấu ấn lịch sử hiện đại trải qua các năm dài chống Pháp, chống Mỹ, đặc biệt là địa danh có con đường mòn Hồ Chí Minh và bến phà Xuân Sơn đã ghi dấu chân của hàng vạn chiến sĩ qua sông tiếp tục ruổi rong không mệt mỏi vào chiến trường miền Nam anh dũng.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng lại gần kề Khu bảo tồn đa dạng sinh học Him Nậm Nô của tỉnh Khăm Muôn ở Trung Lào có diện tích chừng 75.000 ha có mối quan hệ về bảo tồn đa dạng sinh học đối với hệ sinh thái đá vôi chỉ chưa tách bằng con đường biên giới giữa hai nước. Riêng Khu bảo tồn Phong Nha - Kẻ Bàng có 8 nhóm tộc người là Vân Kiều, Khua, Trì, Sách, Mày, Rục, A Rem và Ma-coong khoảng 7.500 người, trong đó nhóm tộc Rục và A Rem đông hơn vốn trước đây sống trong các túp lều và trong hang động, chủ yếu bằng hái lượm, săn bắt. Những năm gần đây họ đã dần dần định cư trong một khu làng sâu trong Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng. Qua khảo sát

đến nay Khu bảo tồn này có trên 730 loài thực vật, trong số này có 23 loài có trong Sách Đỏ; 432 loài động vật, trong số này có 43 loài có trong Sách Đỏ. Một số loài thú quý hiếm như hổ, bò tót, sơn dương, chó sói, gà lôi... đã có ở đây. Các nhà khoa học gần đây còn phát hiện có một số loài đặc hữu là voọc Hà Tĩnh, vượn má trắng, chà vá chân nâu, cu li lùn, mang lớn và sao la.

Về rừng ở Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được xem là một dạng tài nguyên quý ở sự đa dạng sinh học thuộc hệ sinh thái độc đáo của đất nước. Nét đặc trưng nổi bật là phần lớn các loài cây đều nhỏ do mức độ tăng trưởng của chúng trên núi đá vôi chậm. Theo các nhà thực vật học một cây có thể phải mất khoảng từ 10 đến 100 năm, có khi lâu hơn mới đạt được đường kính thân khoảng 10cm. Nếu hệ sinh thái độc đáo này bị phá hoại thì rõ ràng phải đến hàng trăm năm mới có thể phục hồi được!

Trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng có động Phong Nha là hang nước dài nhất có nhiều thạch nhũ tráng lệ nhất, có cửa hang cao và rộng

nhất, có bãi cát và đá vôi cổ nhất ở châu Á, có hồ ngầm đẹp nhất và sông ngầm dài nhất, có hang khô rộng nhất và đẹp nhất so với các loại hang động ở các nước trong khu vực. Với cấu trúc vật chất của động Phong Nha nói trên người ta cho rằng một phần lớn của khu vực đá vôi hình thành động Phong Nha đã được tạo lập trên hàng trăm triệu năm trước đây.

Ngày 2 tháng 7 năm 2003 Tổ chức Giáo dục - Khoa học - văn hoá của Liên Hợp Quốc trong kỳ họp ở thủ đô Pari nước Cộng hoà Pháp đã chính thức công nhận Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới. Như vậy cho đến thời điểm này Việt Nam đã có năm di sản thiên nhiên thế giới là Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế, thánh địa Mỹ Sơn, phố cổ Hội An và động Phong Nha - Kẻ Bàng.

đ. *Một số các hang động khác:* Bên cạnh những danh thắng trên, Việt Nam còn khá nhiều hang động có thể coi là những điểm du lịch rất hấp dẫn. Có thể nêu một số hang động sau đây:

- Ở tỉnh Lạng Sơn có động Tam Thanh cách

thị xã Lạng Sơn có 3 km là một danh thắng gồm có ba động là Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh gần kề nhau đều ở phía Tây phố Kỳ Lừa trong dãy núi có hình đàn voi phủ phục trên thảm cỏ xanh. Hang động nằm ở lưng chừng núi và cửa hang nhìn về hướng Đông, cao khoảng 8m, có lối lên gần 30 bậc đá đục vào sườn núi. Trong động có tượng phật A-di-đà cùng nhiều nhũ đá đẹp. Bên phải vách động có khắc bài thơ của Ngô Thì Sĩ (1726-1780) lúc ông làm Đốc trấn Lạng Sơn. Chính ông đã phát hiện ra động Nhị Thanh và cho tu sửa lại. Động Nhị Thanh ở gần động Tam Thanh là động khá rộng có nhiều nhũ đá. Từ cửa động nhìn lên là ngôi chùa Tam Giác thờ Khổng Tử, Lão Tử và Phật Thích ca.

- Ở tỉnh Ninh Bình có một cảnh động khá đẹp được gọi là động Vân Trình nhìn trên lưng chừng quả núi cao 50 m. Đứng ở cửa động du khách ngắm cảnh đẹp của rừng núi hoang sơ cùng đồng ruộng xanh tươi nhất là buổi sớm hoặc buổi chiều.

Diện tích của động khá lớn khoảng trên 4.000 m² và sàn động ở chỗ cao nhất là trên 400 m; sàn

động thì bằng phẳng có nhiều vân hoa với những dáng dập hập dẫn. Từ ngã ba địa điểm Gián Khẩu trên quốc lộ số 1 và rẽ sang phía Tây theo đường 12B chừng 10 km đến thị trấn Me đi về phía Nam theo đường Thống Nhất khoảng 1 km là đến sông Hoàng Long. Từ bến sông này du khách dùng thuyền máy xuôi dòng trên nửa tiếng đồng hồ là đến động Vân Trình.

Từ trước động này có tên là động Giáng Tiên theo lý lẽ của người dân bản địa ở đây có các nhũ đá có hình dáng những nàng tiên mềm mại, đẹp đẽ đang nô đùa, nhảy múa. Trước vẻ đẹp tự nhiên độc đáo, hiếm có dưới các triều phong kiến các quan chức trong vùng và các vùng lân cận thường đến tham quan và cầu mong tài, lộc. Cũng vì phải phục dịch khó nhọc mà người dân sở tại đã dùng đất, đá lấp kín lối vào động, nên từ đó người ta gọi là hang Lấp và cả vùng đều lãng quên mất. Từ năm 2000 sau khi ngành du lịch Ninh Bình chính thức quản lý hang Lấp được đầu tư xây dựng để đổi tên là động Vân Trình thuộc thôn Vân Trình của xã Thượng Hoà, huyện Nho Quan.

Đến động Vân Trình du khách chiêm ngưỡng các nàng tiên cùng với các nhũ đá xếp thành các tấm chắn thẳng hàng cao tận vòm động che một "hoàng cung" phía sau. Vào trong hoàng cung du khách lại chiêm ngưỡng ngai vàng rực rỡ của vua cùng các rèm che, tán lộng bằng nhũ đá đủ màu sắc đẹp có thể hình dung ra dáng dấp các thiên thần hay nhân vật kỳ thú. Sau cung vua đến một khung cảnh khác cũng hấp dẫn cùng một bàn cờ tiên có các nàng tiên bằng nhũ đá đứng ngồi trật tự cùng những nhũ đá có những biểu tượng hấp dẫn.

Nói chung động Vân Trình bị bỏ quên lâu ngày đến nay mới bắt đầu được tôn tạo. Đây là một yếu tố sinh thái có giá trị đối với du lịch sinh thái cần phát huy tốt.

- Ninh Bình cũng vừa phát hiện một di chỉ khảo cổ học Đồng Vườn ở thôn Thượng Phường thuộc xã Yên Thành của huyện Yên Mô trên khu đất cao. Người ta tìm thấy ở đây nhiều mảnh gốm thô, vụn thủng, xương gốm có pha nhiều sỏi sạn; gốm ở đây chủ yếu được nặn bằng tay. Cùng với các mảnh gốm còn có rìu đá, hòn ghè, mảnh tước v.v...

Theo một số nhà khảo cổ học bước đầu nghiên cứu thì di chỉ khảo cổ học Đồng Vườn cách di chỉ khảo cổ học Mán Bạc ở phía Đông chỉ khoảng 2 km có niên đại khoảng 6.000 năm thuộc vùng cư trú của nhóm người cổ sống trên diện tích vùng đất khoảng 1.000 m². Tỉnh Ninh Bình đang xúc tiến đầu tư sử dụng tài nguyên quý này phục vụ du lịch nghiên cứu, du lịch sinh thái tuyến Hà Nội - Ninh Bình - Nam Định trong những năm tới.

- Tỉnh Hà Tây có một số hang động ở Hương Sơn với một số cảnh chùa cổ nổi tiếng như chùa Hương mà hàng năm thu hút rất nhiều du khách nội địa từ các tỉnh cùng không ít du khách quốc tế đến chiêm ngưỡng.

Ở tỉnh Lâm Đồng có thác Pôn-gua⁽¹⁾ có độ cao 30m và chiều rộng 100m. Thác này là một trong các thác kỳ thú ở phía Nam Tây Nguyên. Dòng nước trắng xoá của Pôn-gua chảy trượt qua những tầng thác đổ xuống sông Đa-Nhim âm vang, nhất là về mùa mưa, dòng nước dội vào các tầng đá văng

(1) Pongour.

xa làm cho bụi nước tung thành làn sương trắng làm tăng thêm vẻ đẹp huyền ảo, mộng mơ nên người dân bản địa đã rất thích cái tên được đặt ra từ lâu nay là thác Thiên Thai cùng với cái tên thác Pôn-gua vốn có trước đây đến nay người K'ho vẫn coi như một bảo vật thiêng liêng của mình. Theo tiếng K'ho được phiên âm ra Pôn-gua có nghĩa là "vùng đất sét trắng"⁽¹⁾.

- Những năm gần đây một số địa phương đã phát hiện thêm một số hang động mới. Ở huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An có ba hang động đẹp là *hang Nước*, *hang Tịnh*, *hang Thọng* ở khu vực Khe Gát (lèn Dơi) thuộc xã Thanh Thuỷ. Ba hang động này đều có chiều sâu khoảng từ 1.000 đến 1.500m; chiều rộng và chiều cao của mỗi hang là từ 15 đến 20m và có nơi trên 25m. Các hang động có nhiều nhũ đá tự nhiên với những hình thù hấp dẫn. Cách các hang động không xa có một thác nước cao chừng 20m. Một số nhà kinh tế du lịch

(1) Theo Sỹ Quảng, báo Du lịch của Tổng cục Du lịch Việt Nam số ra ngày 16 tháng 5 năm 2003, trang 9.

khẳng định Nghệ An lại có thêm một điểm du lịch sinh thái hấp dẫn nữa.

e. Hệ sinh thái rừng ngập mặn dọc bờ biển của Việt Nam có hệ sinh thái rừng ngập mặn. Hệ sinh thái đặc thù này tập trung rõ ở ven biển các tỉnh phía Nam, nhất là ở tỉnh Cà Mau⁽¹⁾. Vùng rừng ngập mặn này có nhiều bãi lầy ngập nước triều ven biển định kỳ, gần cửa sông có nhiều chất phù sa làm cho nhiều loại cây thân gỗ quen chịu nước mặn. Trên vùng đất ngập mặn quanh năm có nhiều loài động vật và vi sinh vật tạo thành một cảnh quan gồm nhiều loài chim, ong, bò sát và thú hoang dã quen sống ở vùng nước lợ, nước mặn bằng các chất mùn, chất bã của cành cây, lá cây bị phân huỷ.

Những năm trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 diện tích rừng ngập mặn ở bán đảo Cà Mau chiếm gần 200.000 ha và riêng huyện Ngọc Hiển có đến 150.000 ha. Nhưng đến nay diện tích còn

(1) Kỳ họp ngày 15 tháng 10 năm 1995 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh là tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau.

lại khoảng chưa đầy 40.000 ha do người dân ở đây đã tăng diện tích của các vuông nuôi tôm hình thành hệ sinh thái mới là cây đước - con tôm và theo thuật danh mới của một số nhà nông học là "cây đước rước con tôm".

Hệ sinh thái mới cây đước - con tôm hiện được không ít du khách trong tuyến du lịch ở đồng bằng sông Cửu Long thích thú vì họ cảm thấy cái mới hiếm thấy là khi lưu trú ở đây lại được thưởng thức các giống tôm tươi không phải qua biện pháp ướp trứ bằng nước đá hoặc bị chế biến. Điều này thể hiện loại hình du lịch sinh thái ở vùng cực nam Nam Bộ đang có sức thu hút về du lịch sinh thái.

g. *Rừng tràm* là một loại rừng mà Việt Nam đang có ở một số vùng đất như ở một số tỉnh phía Nam. Tỉnh Cần Thơ năm 1998-1999 đã triển khai dự án khai thác trên 1.900 ha rừng tràm thuộc Lâm trường Phương Ninh, Lâm trường mùa xuân và đội VIII của Nông trường Cờ Đỏ nhằm phát huy lợi thế sẵn có của loại hình du lịch sinh thái. Trong năm 2000 Cần Thơ đã tiến hành quy hoạch tổng thể khu rừng tràm ngập úng Phương Ninh, vùng Lung

Ngọc Hoàng kết hợp nuôi trồng cá đồng, bảo vệ chim hoang dã ở bãi và ao, đầm. Trên các diện tích khác người ta khoanh nuôi bảo tồn và phát triển rừng tràm. Kết quả đạt được đáng kể là các lâm, nông trường đã chú trọng nuôi trồng các loài lươn, rùa, cá, rắn... sống dưới tán rừng tràm ngập úng, thu hút được du khách nội địa đến tham quan, nghiên cứu khoa học v.v...

Diện tích rừng tràm năm 1960 ở đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở vùng Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười đạt trên 260.000 ha, nhưng từ năm 1995 đến nay bị thu hẹp đáng kể, riêng tỉnh Cà Mau chỉ còn khoảng trên 15.000 ha. Nói chung loại rừng này một phần đã bị đốn phá khai hoang và bị cháy. Những khu rừng còn lại được bảo vệ và phát triển là những nơi các nhà khoa học lâm sinh thường có mặt nghiên cứu và những nhà du lịch nội địa vẫn có mặt ở các tuyến du lịch sinh thái. Rừng tràm và rừng ngập mặn chính là hai kiểu rừng sinh thái đặc biệt mà các nơi khác không có, vì vậy ngành du lịch của Việt Nam có lợi thế về loại hình du lịch sinh thái này.

II. HỆ SINH THÁI ĐẦM LẦY

Hệ sinh thái đầm lầy xen kẽ chất bùn loãng "dở đất, dở nước" được tạo thành từ xa xưa từ các loại rừng ngập mặn là rừng mắm⁽¹⁾ và về sau là rừng đước⁽²⁾ ở miền Nam và rừng sú ở miền Bắc. Ngoài ra một số rừng khác như rừng vẹt, rừng dà, rừng giá v.v... cũng góp phần hình thành hệ sinh thái đầm lầy.

Hệ sinh thái đầm lầy khá phổ biến ven bờ biển của cả nước. Riêng từ ven biển của tỉnh Thừa Thiên - Huế đến ven' biển của tỉnh Ninh Thuận có 12 đầm, phá chiếm gần 21% chiều dài của bờ biển với kích cỡ, hình dáng khác nhau. Riêng phá Tam Giang ở Thừa Thiên - Huế được xem là loại phá lớn nhất trên thế giới. Ven bờ biển của tỉnh này có các đầm là đầm Sam, đầm Thanh Lam, đầm Thuỷ Tú, đầm Hà Trung, đầm Cầu Hai. Diện tích của phá Tam Giang-đầm Cầu Hai chiếm đến 216 km², dài 68 km và rộng là 2 - 10 km với độ sâu trung bình là

(1) Avicennia.

(2) Riapiculata.

1,6m và độ sâu lớn nhất là 4m. Trên phá đầm này có cửa Thuận An dài 6.000m, rộng 350m và độ sâu từ 2 đến 11m, còn cửa Tư Hiền có chiều dài 1.000m, rộng 100m và độ sâu chỉ có 1m. Từ Thừa Thiên - Huế trở vào có đầm phá Lăng Cô, Trường Giang, An Khê, Nước Mặn, Trà Ô, Nước Ngọt, Thị Nại, Cù Mông, Ô Loan, Thuỷ Triều.

Các đầm lầy ven bờ biển nói chung có giá trị bảo vệ chức năng của môi trường và là tiềm năng tài nguyên, nhất là tài nguyên sinh vật. Về chức năng bảo vệ môi trường các đầm lầy có vai trò hỗ trợ điều hoà tự nhiên ở vùng khí hậu khô, nắng nóng kéo dài, lượng bốc hơi cao, mưa lại thường tập trung hình thành đới khí hậu khắc nghiệt, đồng thời các đầm lầy cũng có tác dụng điều hoà, giảm thiểu tác động của môi trường về các chất gây bẩn từ những tiểu lưu vực ở các sông đổ về trước khi trôi ra biển bằng khả năng tự làm sạch.

Những tài nguyên sinh vật khá phong phú vốn là nguồn sống của cư dân trên vùng cát dài và rộng của đất nước. Còn tài nguyên phi sinh vật thì phần lớn là cát để xây dựng, sa khoáng, cát màu trắng để

làm nguyên liệu thuỷ tinh... Một kết quả nghiên cứu trong mấy năm gần đây là các nhà khoa học sinh thái đã thành công bước đầu tận dụng nguồn nước ngọt của các đầm lầy để hình thành các ao nuôi tôm trên cát.

III. HỆ SINH THÁI VÙNG CÁT BIỂN

Dọc bờ biển Việt Nam dài 3.260 km có gần 600.000 ha vùng cát biển trên đó có các điểm du lịch nổi tiếng. Ở tỉnh Quảng Ninh có bãi cát Trà Cổ, bãi cát Quảng Châu có nước biển trong vắt được đánh giá là các bãi tắm lý tưởng vốn là yếu tố sinh thái thiên nhiên đặc thù đối với loại hình du lịch sinh thái. Trên bờ biển ở các tỉnh miền Trung có nhiều điểm du lịch hấp dẫn đối với khách du lịch nhờ độ nước trong mát như Sầm Sơn ở Thanh Hoá; Cửa Lò ở Nghệ An; Thiên Cầm ở Hà Tĩnh; Nhật Lệ ở Quảng Bình; Cửa Tùng, Cửa Việt ở Quảng Trị; Thuận An, Lăng Cô ở Thừa Thiên - Huế; Mỹ Khê ở Đà Nẵng; Văn Phong - Đại Lãnh, Cam Ranh ở Khánh Hoà; Mũi Né ở Bình Thuận v.v... Cũng dọc bờ biển trên hiện đang có một số điểm du lịch nếu

biết tôn tạo, đầu tư thì có thể sẽ trở thành điểm du lịch phục vụ tốt đối với du khách nội địa như Quốc Lâm ở Nam Định; Kim Sơn ở Ninh Bình; Cửa Hội ở Nghệ An; Quảng Đông, Thanh Khê, Đá Nhảy ở Quảng Bình...

IV. HỆ SINH THÁI SAN HỒ

Hệ sinh thái san hô phát triển đều ở các vùng dọc bờ biển và cả ở các đảo. Như ở Vịnh Bái Tử Long ở phía Đông - Nam đảo Cát Bà và quần đảo Long Châu có các rạn san hô được phân bố khá dày. Chỉ ở đảo Cát Bà có khoảng 350 ha, trong đó có đến 75 ha san hô phát triển mạnh. Các rạn san hô này đều thuộc kiểu viền bờ. Còn ở Long Châu nhờ làn nước trong nên san hô phát triển tốt hơn trở thành điều kiện hấp dẫn du khách hơn khi họ tham quan bằng thiết bị thường.

Hệ sinh thái san hô chính là nơi quần tụ các loài sinh vật khác nhau gồm có sò lông, trai ngọc, bào ngư, ốc nón, ốc bảo bối, tu hài, sao biển, hải sâm v.v... Cho đến nay đã có 95 loài san hô ở vùng biển phía Bắc và gần 255 loài ở vùng biển phía

Nam. Như vậy cùng với thế mạnh sẵn có của hệ sinh thái biển đảo, hệ sinh thái vùng cát ven biển, hệ sinh thái san hô sẽ phát huy tác dụng quan trọng của loại hình du lịch sinh thái tuy rằng chúng mới được tổ chức, quản lý trong những năm sắp đến.

V. DI SẢN VĂN HOÁ.

Việt Nam là đất nước có khá nhiều di sản văn hoá hình thành nguồn tài nguyên du lịch phong phú. Các di sản văn hoá gồm loại di sản văn hoá vật thể và loại di sản văn hoá phi vật thể.

1. Di sản văn hoá vật thể có các di chỉ khảo cổ lịch sử, các làng xã, đô thị, thị trấn lịch sử, địa danh lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị, tác phẩm nghệ thuật, điêu khắc, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống nổi tiếng v.v... Tính đến năm 2002 Bộ Văn hoá - thông tin của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phân loại và xếp hạng trên 2.500 di tích lịch sử. Trong thực tế một số di tích lịch sử này hiện là những điểm du lịch quan trọng hấp dẫn như Cố đô Huế, Hội An, Văn Miếu ở Hà Nội đền Lý Bát Đế ở xã Đình Bảng ở

Bắc Ninh, Cố đô Hoa Lư ở Ninh Bình, Đền Hùng ở Phong Châu tỉnh Phú Thọ, thành Cổ Loa ở Đông Anh - Hà Nội, chùa Keo ở Thái Bình, chùa Hương, chùa Trăm Gian, v.v... ở Hà Tây, làng chiến đấu chống Pháp Cảnh Dương, làng chiến đấu chống Pháp ở Cự Nẫm huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, địa đạo Củ Chi gần thành phố Hồ Chí Minh, sông Bến Hải ở Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, thị trấn Khe Sanh chiến trường Điện Biên Phủ ở Lai Châu, di tích Tân Trào ở Tuyên Quang, đường 14 Buôn Ma Thuột - Plây-cu, đèo Hải Vân, hang Pắc Bó, núi Vụ Quang, đèo Mồng Gà, Ba Rền v.v... Trong các di sản văn hoá vật thể có những di sản tự nhiên quý giá như các hang động ở Vịnh Hạ Long, động Phong Nha ở huyện Bố Trạch (Quảng Bình). Còn những di sản văn hoá vật thể do con người Việt Nam qua các thế hệ xây dựng và được bảo tồn cũng không ít, trong số này trước hết có thể giới thiệu một số để thấy tình hình phong phú và đa dạng.

Ở tỉnh Thanh Hoá tại hai xã Vĩnh Long và Vĩnh Tiến thuộc huyện Vĩnh Lộc có di sản nghệ thuật kiến trúc là *Thành nhà Hồ* được xây dựng cách đây

trên 600 năm. Tháng giêng năm Đinh Sửu (1397) Hồ Quý Ly sai Đỗ Tĩnh là thượng thư bộ lại kiêm thái sử lệnh về An Tôn khảo sát, đo đạc thực địa và tiến hành đào hào, đắp thành, xây nhà tông miếu, đàn thờ thần, mở đường, lập phố. Sau ba năm đã hoàn thành công trình. Đến năm 1398-1400 thành Tây Đô trở thành quốc đô của nước Đại Việt dưới triều đại của nhà Hồ từ năm 1400 đến năm 1407. được lần lượt xây thêm các công trình như điện Hoàng Nguyên, cung Diên Thọ, cung Phù Cự, cung Đông, Thái Miếu, cung Tây Thái Miếu và những công trình kiến trúc làm nơi vui chơi, bơi thuyền gồm ao Vàng, ao Vôi, ao Gạo v.v... Các con đường từ thành Tây Đô xuống núi Đông Sơn dài đến 2.000m thì được lát đá xanh và xẻ thành phiến đẹp. Những loại vật liệu xây dựng trên phần lớn là dùng nguyên liệu tại chỗ cách Tây Đô 3-7 km; còn một số khác thì được chuyển từ Đông Đô - Thăng Long vào.

Trước một di sản nghệ thuật kiến trúc tầm cỡ được xây dựng từ xa xưa của đất nước, qua nhiều năm đã bị tàn phá, trong quy hoạch phục hồi các di

sản văn hoá vật thể như thành nhà Hồ sẽ được tôn tạo để hình thành tuyến du lịch sinh thái độc đáo Lam Kinh - Hàm Rồng - Suối Cá thần - Bến En của tỉnh địa đầu phía Bắc Trung Bộ của đất nước góp phần thực sự khôi phục di sản văn hoá vật thể quý và tăng thêm tài nguyên của ngành du lịch Việt Nam.

Đền Hùng thờ đức tổ Hùng Vương nằm trên núi Nghĩa Lĩnh ở huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. So với mặt biển khu đền trải rộng trên đồi cao 175m và cách Hà Nội trên 80km về phía Tây - Bắc. Đến triều đại nhà Lý, nhà Trần thế kỷ thứ XI-XIII mới được từ những miếu cổ bằng đá xây dựng lại có quy mô tương đối hơn. Đến thế kỷ thứ XV đền Hùng lại bị giặc Minh phá huỷ trong quá trình chúng xâm lược. Đến thời hậu Lê rồi thời nhà Nguyễn lại được xây dựng lại. Cuối thế kỷ thứ XV vào thời Hồng Đức lễ hội đền Hùng được tập trung về miếu thờ ở kinh đô Huế. Dưới triều vua Tự Đức (1848-1883) đền Hùng sau khi được trùng tu mới tổ chức lễ hội có tính chất trọng thể đối với cả nước. Từ đó đền Hùng thường xuyên được tu sửa. Ngày 18 tháng 9

năm 1954 Hồ Chủ tịch về thăm đền Hùng, Người căn dặn: "Ngày xưa các vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"⁽¹⁾. Sau đó chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tiến hành đợt trùng tu từ năm 1955-1956. Năm 1962 khu nhà Công quán và các bậc cấp xuống đền Giếng được xây dựng thêm. Năm 1986-1993 Bộ Văn hoá cho xây thêm nhà Bảo tàng gần khu Công quán.

Triều đại Hùng Vương liên tục qua 18 đời vua hiện diện ở vùng trung du Bắc Bộ và các vùng ở miền Bắc Việt Nam trước Công nguyên từ vị vua thứ nhất là Kinh Dương Vương đến vị vua thứ 18 là Hùng Duệ Vương Huệ Lang. Đến đời vua thứ năm là triều vua Hùng Huy Vương Viên Lang giặc Ân ở phương bắc sang xâm chiếm nước ta, lúc bấy giờ người anh hùng làng Gióng, tức phù Đổng Thiên Vương đã cứu nước vẻ vang và đến nay vẫn có đền thờ. Hằng năm chúng ta có tổ chức lễ hội Gióng, lễ

(1) Viện Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, tập 5, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 1993 tr 533

hội Phù Đổng kỷ niệm công lao to lớn của vị anh hùng dân tộc. Đến triều vua Hùng Duệ Vương là triều vua thứ 18 có con gái là nàng Tiên Dung lấy Chử Đồng Tử và hai vợ chồng đã cùng lập nên đạo Tiên, một đạo cổ xưa nhất ở nước ta. Cũng thời bấy giờ sau cuộc hôn nhân giữa Tản Viên với Ngọc Hoa, người dân được Tản Viên dạy các nghề làm ăn thiết thực nên đã ổn định được đời sống của họ.

Đền Hùng là một công trình kiến trúc uy nghi mang tính chất dân tộc tôn nghiêm tuy được trùng tu nhiều lần đã bị chiến tranh và thời gian làm hư hại gồm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ và nhiều khu nhà như nhà Chuông Trống, nhà Đại Bái, nhà Tiền Tế, nhà Cung Thờ v.v... Đền Thượng nằm trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh cứ theo con đường gồm 525 bậc là đến nơi. Bên trái của đền Thượng là khu lăng mộ của các vua Hùng rợp bóng cây xanh trên diện tích 50m². Cùng với khu lăng mộ còn có chùa và Tam quan trong khu đền thờ ở bên phải đền Hùng. Chùa thờ Phật theo phái Đại thừa. Tam quan gồm 3 gian và 2 chái. Đền Giếng nằm dưới chân núi Nghĩa Lĩnh. Sở dĩ người đời sau lập đền Giếng

này do theo một sự tích của hai người con gái của Vua Hùng thứ 18 là Tiên Dung và Ngọc Hoa khi chưa lấy chồng thì thường ra giếng nhỏ rửa mặt, soi bóng và chít khăn. Về sau Tiên Dung lấy Chử Đồng Tử và Ngọc Hoa thì lấy Sơn Tinh và hai đôi vợ chồng này đều thành tiên. Giếng sâu 2,5m với mức nước thường có trên 1 cm và đường kính là 90 cm. Giếng này được gọi là Giếng Ngọc trước bề thờ ở giữa đền gọi là Ngọc Tỉnh.

Đền Ngọc Sơn ở trung tâm thành phố Hà Nội trên bờ hồ Hoàn Kiếm giữa đảo Ngọc Sơn. Đảo này ngày trước được gọi là Tượng Nhĩ. Năm 1010 vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long đảo Ngọc Sơn được đặt tên là núi Ngọc Tượng và về sau đến đời nhà Trần mới lấy tên là Ngọc Sơn.

Người dân muốn vào đền Ngọc Sơn phải đi trên một cái cầu tên là Thê Húc dẫn đến cổng đền. Đền chính là hai ngôi đền liền nhau. Ngôi đền thứ nhất ở phía Bắc thờ đức Trần Hưng Đạo. Phía Nam là đền Trấn Ba. Đền Ngọc Sơn có 9 tấm bia ghi lịch sử của ngôi đền. Hằng ngày không chỉ khách trong nước, mà nhiều đoàn du

khách nước ngoài khi lưu trú ở Hà Nội đều đến tham quan đền Ngọc Sơn.

Đền Đồng Nhân là đền thờ Hai Bà Trưng ở xã Đồng Nhân huyện Thanh Trì nay là phường Đồng Nhân ở quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Năm 110 trước Công nguyên nước Việt bị nhà Tây Hán chiếm và tên thái thú Giao Chỉ là Tô Định đã giết Thi Sách, chồng bà Trưng Trắc. Hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị đứng lên đánh đuổi Tô Định và được người dân ở các quận Cửu Châu, Hợp Phố và Nhật Nam hưởng ứng đã thu được thành trì và tự xưng làm vua.

Không lâu vua nhà Tây Hán sai Mã Viện đem quân sang đánh. Hai Bà chống không nổi phải rút quân về Cẩm Khê và phải tự vẫn. Người dân Việt Nam đã lập đền thờ ở nhiều nơi để tưởng nhớ công đức của hai vị nữ anh hùng dân tộc. Dưới triều vua Lý Anh Tông năm 1142 đền thờ Hai Bà Trưng được xây dựng.

Lễ hội đền Hai Bà Trưng vào ngày mồng 6 tháng giêng là ngày vua Bà đăng quang; ngày mồng

6 tháng hai là ngày hội chính. Trước ngày lễ chính từ ngày mồng 4 tháng hai dân làng Đồng Nhân bắt đầu tế lễ và ngày mồng 5 là lễ rước nước, rước kiệu, bơi thuyền ra giữa sông lấy nước, nấu trầm hương để tắm tượng và thay áo quần. Cùng với lễ rước kiệu có múa rồng, đấu cờ, đấu võ... Lễ đền thờ Hai Bà Trưng hàng năm thể hiện nét đẹp sắc sảo về sự đoàn kết hữu nghị của 4 làng là Hạ Lôi chính là quê hương của Trưng Trắc và Trưng Nhị; Hát môn là nơi tụ nghĩa, tế cờ và khởi nghĩa; Phụng Công là nơi Hai Bà đóng quân và Đồng Nhân là nơi rước được tượng hoá đá của Hai Bà Trưng.

Đền Quán Thánh có tên là Trấn Vũ Quán được xây vào năm 1010 khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long. Vua nhà Lý cho rước bài vị đức Thánh Huyền Vũ và người dân gọi là đền Trấn Vũ hoặc là đền Quán Thánh. Đức Thánh Huyền Vũ đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm đến ba lần. Lần thứ nhất vào đời Hùng Vương thứ 6; lần thứ hai vào đời vua Hùng Vương thứ 7 và lần sau liên tiếp chống những mưu đồ phá hoại người dân của bọn tà ma yêu quái. Hằng năm vào dịp mùa xuân người dân các vùng

lân cận về dự lễ dâng hương tôn kính vị phúc thần, vị thánh hoàng của kinh đô Thăng Long.

Đền Gióng ở làng Phù Đổng thuộc huyện Từ Sơn có hai đền là đền Thượng thờ Phù Đổng Thiên Vương có công đánh giặc Ân đời Hùng Vương, tức Thánh Gióng, còn đền Hạ thờ mẹ của Thánh Gióng.

Ở làng Xuân Tảo thuộc xã Xuân Đỉnh huyện Từ Liêm ngoại thành Hà Nội cũng có đền thờ Thánh Gióng. Đền này còn được gọi là Đền Sóc. Ngay ở trên núi Sóc Sơn thuộc huyện Mê Linh cũng có Đền Sóc Sơn thờ Thánh Gióng. Như vậy đền thờ Thánh Gióng ở nhiều nơi và các hội Gióng cũng được tổ chức ở các đền này.

Hội Gióng ở đền Sóc, Xuân Đỉnh tổ chức vào ngày mồng 6 tháng giêng; đền mở cửa rộng và chiêng trống nổi lên từng bùng. Sau cuộc lễ đám rước Kiệu Thánh từ đền ra Giếng để Thánh Gióng chứng kiến các vật chứng lịch sử được nhân dân gìn giữ trang trọng. Đến hội Gióng, Sóc Sơn là điểm chót của cuộc hành hương. Hội Gióng diễn ra trong ba ngày từ mồng sáu đến mồng tám và ngày mồng

bảy là ngày hội chính. Người dân làm lễ dâng hoa tre và làm lễ chém tướng giặc. Thanh hoa tre dài đến 50cm và rộng 1cm; phía đầu hoa tre được vót xơ bông và nhuộm các màu, đặc biệt là màu vàng. Sau lễ dâng hoa tre do các làng của các huyện lân cận mang đến cùng thì chủ tế hô: lễ tế, tranh hội. Tất cả các hoa tre đều được người ta tung lên trước sân đền và được người dân trong cuộc lễ có mặt cướp lấy để cầu may.

Ngày mồng tám tháng giêng hội Gióng Bộ Đầu cũng được tổ chức ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Tượng Thánh Gióng được các nghệ nhân tạc bằng gỗ có chiều cao 15m. Sau lễ thánh người dân thi gậy giật giải để diễn lại sự tích của Thánh Gióng nhổ tre đằng ngà đánh tan giặc Ân.

Đền Voi Phục ở phường Cầu Giấy bên cạnh hồ Thủ Lệ nên người dân Hà Nội cũng gọi là đền Thủ Lệ. Trước cửa đền có đắp hai con voi quỳ ở cổng nên có tên là đền Voi Phục.

Đền được xây dựng năm 1065 thời vua Lý Thánh Tông thờ thần Linh Lang đại vương theo truyền thuyết đã đánh quân nhà Tống do Triệu Tiết

chỉ huy cuộc xâm lược. Đền đã được trùng tu nhiều lần. Ngày 21 tháng 12 năm 1873 một toán lính Pháp hung hăng tàn phá đã bị quân ta phục kích ở cổng đền Voi Phục giết chết và ở đường Giảng Võ tên tướng Pháp là Phờ-răng-xi Gác-ni-ê⁽¹⁾ cũng bị giết chết. Ngày 18 tháng 5 năm 1882 ở ngôi đền này Tôn Thất Thuyết và Lưu Vĩnh Phúc phục kích đánh bại một toán quân Pháp và giết chết hai tên chỉ huy là Vin-le và Hăng-ri Ri-vi-e⁽²⁾. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 giặc Pháp tái xâm lược Việt Nam, chúng đánh thẳng lên Sơn Tây và đốt đền Voi Phục năm 1947. Năm 1953 nhân dân trong vùng đã đóng góp tiền và công sức tu sửa lại đền và từ sau năm 1954 cho đến nay đền Thủ Lệ được tu sửa nhiều lần. Năm 1994 nhân dân ở phường Cầu Giấy đã quyên góp tiền đúc lại quả chuông có chiều cao đến 93cm và đường kính miệng chuông là 70cm.

Đền thờ Trần Hưng Đạo: Trên địa phận xã

(1) Francis Garnier.

(2) Viller, Henri Rivière.

Yên Giang thuộc huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh đền thờ tướng quân Trần Hưng Đạo được xây trên bờ sông Bạch Đằng. Trước kia đền này được xây ở khu hậu đồng, nhưng năm 1936 được chuyển về ở vị trí hiện nay sát cạnh miếu Vua Bà.

Đền thờ Trần Hưng Đạo được kiến trúc theo kiểu chữ Đinh gồm 3 gian tiền đường, 2 gian bái đường và 1 gian hậu cung. Du khách đến viếng thăm ngôi đền thờ vị tướng tài nhà Trần sẽ được chiêm ngưỡng những hiện vật còn lưu giữ lại gồm các câu đối ca ngợi công lao của Trần Hưng Đạo, một bộ kiệu bát cống chạm trổ điêu khắc công phu cùng bốn đạo sắc của triều vua nhà Nguyễn phong tặng các chủ nhân ngôi đền.

Hằng năm lễ hội đền Trần Hưng Đạo được tổ chức đúng vào ngày mồng 8 tháng 3 âm lịch.

Đền Trà Cổ còn được gọi là đền Thiên Hậu Thánh Mẫu: Là một ngôi đền cổ xưa, lúc đầu chỉ là một mái lán nhỏ và được người dân trong vùng tu bổ dần dần trên một khu đất rộng. Đền có tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu nên người dân trong vùng thường gọi là đền Thiên Hậu Thánh Mẫu. Theo

truyền thuyết của người dân trong vùng pho tượng bà Thánh Mẫu này trôi từ ngoài biển khơi vào. Trong khu vườn của đền có một cây chay cổ thụ có tuổi độ 700 năm.

Lễ hội đền Trà Cổ thường diễn ra hàng năm vào ngày 23 tháng 3 âm lịch. Người dân ở phường Trà Cổ thuộc thị xã Móng Cái và các huyện khác ở tỉnh Quảng Ninh thường về dự lễ hội đông đúc.

Đền Cửa Ông: Đền Cửa Ông nằm trên một ngọn núi thấp sát bờ biển ở thị xã Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh. Du khách nhìn từ đây một cảnh quan có các yếu tố sinh thái vừa nguyên sơ, vừa do bàn tay con người tạo dựng thành của vùng than Cẩm Phả và Vịnh Bái Tử Long hùng vĩ.

Đền Cửa Ông được xây từ đầu thế kỷ thứ XIX gồm ba khu vực chính là khu đền Hạ, khu đền Trung và khu đền Thượng. Ở khu đền lúc đầu thờ người anh hùng địa phương là Hoàng Cầm, sau thờ Trần Quốc Tảng là con trai thứ ba của Trần Quốc Tuấn, người có công trấn ải vùng cửa Suốt. Như vậy ngôi đền Cửa Ông thờ gia đình của Trần Quốc Tuấn và các cận thần của ngài với 34 pho tượng lớn

nhỏ được chạm trổ tỉ mỉ và có giá trị nghệ thuật gồm có pho tượng của Trần Quốc Tuấn, của Thánh mẫu là vợ của Trần Quốc Tuấn, của hai công chúa con Trần Quốc Tuấn, của Trần Quốc Tảng, Trần Anh Tông, Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Dã Tượng, Phạm Ngũ Lão, Lê Phú Trần, Đỗ Khắc Trung... cùng một số câu đối và đồ thờ v.v...

Hằng năm lễ hội đền Cửa Ông diễn ra từ ngày mồng 3 tháng 2 âm lịch và kéo dài 3 tháng.

Khu lăng mộ nhà Trần: Thuộc xã An Sinh ở huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh trên khu đất có bán kính khoảng 20 km có những di tích lịch sử nằm rải rác thờ tám vị hoàng đế nhà Trần tuy được xây từ thời nhà Trần (1226 - 1400), nhưng đến thời Hậu Lê và thời nhà Nguyễn được trùng tu gồm có một ngôi đền và 8 lăng mộ. Riêng ở thôn Nghĩa Hưng có nhà thờ chung 8 vị vua nhà Trần cùng lăng mộ của vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Giản Định đế. Còn ở khu Trại Lốc có lăng mộ của Trần Anh Tông; ở khu Khe Gạch có lăng mộ của Trần Minh Tông; ở khu Đống Tròn có lăng mộ của Trần Dụ Tông; ở khu Khe Nghệ có lăng mộ của

Trần Nghệ Tông. Ở xã An Sinh ngoài các khu làng mộ nói trên còn có các điện miếu là nơi để lễ mỗi lần người dân địa phương đến phúng viếng tôn nghiêm.

Trong các di sản văn hoá vật thể các công trình về chùa thờ Phật thì không chỉ ở các thành phố, thị trấn mà các làng xã từ miền núi đến miền xuôi đều có chùa. Có ngôi chùa rất cổ qua nhiều thế hệ cư dân đã trùng tu, hoặc nâng cấp. Sau đây xin nêu một số chùa nổi tiếng:

Chùa Trấn Quốc ở thủ đô Hà Nội được xây vào năm 541 hiện nay còn có một bức tượng đức Phật trong tư thế đang thâm nhập cõi niết bàn:

Chùa Một Cột cũng ở thủ đô Hà Nội được xây năm 1.049 dưới triều vua Lý Thái Tông. Tương truyền nhà vua nằm mơ thấy đức Phật hiện lên trên một đoá hoa sen và trao cho ông một đứa bé. Vua liền cho xây ngôi chùa này theo dáng một bông sen để tưởng nhớ điều đã nằm mơ.

Chùa Quán Sứ ở trung tâm Hà Nội được xây từ thế kỷ thứ XVII và được chọn làm trung tâm tập hợp của Hiệp hội Phật giáo Việt Nam.

Chùa Quỳnh Lâm: Trên dãy đồi của xã Tràng An thuộc huyện Đông Triều từ đời nhà Tiền Lý, vào cuối thế kỷ thứ V chùa Quỳnh Lâm được xây dựng và trải qua các triều đại sau được trùng tu nhiều lần. Từ thế kỷ thứ XI và cả đến thế kỷ thứ XVIII ngôi chùa này trở thành trung tâm Phật giáo của Việt Nam.

Theo một số tài liệu lịch sử thì chính dưới triều nhà Lý nhà sư Không Lộ đã cho đúc pho tượng Di Lạc cao đến 6 trượng bằng đồng và một tấm bia đá lớn cao đến 2,5m có viền hoa văn hình rồng uốn khúc. Pho tượng Di Lạc bằng đồng này được coi là một trong bốn báu vật lớn của đất nước. Đến thế kỷ thứ XIV dưới thời trụ trì của vị tổ thứ II của phái Thiền Trúc Lâm mới thực sự trở thành trung tâm Phật Giáo lớn của Việt Nam: vào năm 1316 vị tổ của phái Thiền Trúc Lâm nói trên cho xây dựng theo một kiến trúc đồ sộ hơn ngôi chùa này rồi lập ra Phật viện Quỳnh Lâm. Người ta cho rằng về quy mô kiến trúc của ngôi chùa thì chiến mã nếu chạy chỉ một vòng quanh chùa là đã mệt chảy mồ hôi rồi! chính ở ngôi chùa Quỳnh Lâm và Phật viện

Quỳnh Lâm này là nơi truyền Kinh giảng đạo Phật và đào tạo hàng ngũ sư sãi của đạo Phật. Qua chiều dài và các diễn biến của lịch sử, đến nay hiện vật chỉ còn là tấm bia đá lớn nổi trên cùng khánh đá và vườn tháp mà thôi.

Tỉnh Hà Tây hiện là một tỉnh có nhiều ngôi chùa nổi tiếng trong cả nước nên khách du lịch đi theo các chuyến du lịch đều ham muốn được vãng cảnh các chùa.

Chùa Hương ở huyện Chương Mỹ, cách Hà Nội 60km về phía Tây-Nam. Di sản văn hoá tôn giáo này có phong cảnh đẹp về hang động, trong đó đẹp nhất là động Hương Tích. Cảnh chùa này được phát hiện dưới triều nhà Lý và được xây dựng có quy mô rộng. Hằng năm lễ hội của Chùa Hương được tổ chức từ ngày 12 tháng giêng đến ngày 15 tháng ba âm lịch. Nhân dân ở các vùng quê lân cận và ở các tỉnh xa trong nước đều đến tham quan và lễ ở đây. Các đoàn du khách quốc tế nếu trùng khớp vào thời kỳ của "tua" du lịch đều đến chùa và thường có cảm tưởng quý trọng.

Chùa Tây Phương ở huyện Thạch Thất chỉ

cách Hà Nội 30 km về phía Tây-Nam được xây vào thế kỷ thứ XI cũng dưới triều nhà Lý. Chùa này có 200 bậc thang đá dốc đi dần lên. Trong chùa có 60 bức tượng phật hình thành các phiên bản đẹp nhất của nghệ thuật tượng gỗ truyền thống của Việt Nam được lưu giữ đến nay.

Chùa Trầm cũng ở huyện Chương Mỹ cách Hà Nội 20 km về phía Tây-Nam. Ngôi chùa này còn có tên gọi là chùa Long Tiên được xây dựng năm 1669. Hằng năm lễ hội được tổ chức vào ngày 2 tháng 2 âm lịch và thường có tổ chức múa rồng.

Ở tỉnh Bắc Ninh cũng là một tỉnh có nhiều cảnh chùa xưa còn lưu giữ đến nay, có thể kể một số như sau:

Chùa Dâu ở huyện Thuận Thành cách Hà Nội 30 km được xây dựng từ đầu thế kỷ thứ III. Trong khu thờ phật du khách được chiêm ngưỡng một bức tượng lớn của thánh mẫu Pháp vân ngự tọa trên toà sen, do đó người dân trong vùng còn gọi ngôi chùa này là đền Pháp Vân.

Chùa Bút Tháp cũng ở huyện Thuận Thành nổi tiếng về giá trị kiến trúc chạm khắc gỗ, đá và trang

trí trên tường cùng với bức tượng phật bà Quan Âm có nghìn mắt và nghìn tay.

Tỉnh Ninh Bình có các chùa như sau: Chùa Nội Long phía Nam thôn Phúc An thuộc phường Nam Thành huyện Yên Khánh được trùng tu cuối triều nhà Nguyễn. Năm 1946 ở chùa này đã thành lập đại đội Lê Lợi của Ninh Bình chống giặc Pháp.

Chùa Nhị Long thuộc phường Đông Thành được xây dựng trên một gò đất cao ráo. Hằng năm vào ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch người dân các xóm quỳên tiến làm lễ. Sau cuộc lễ là các trò chơi đặc biệt hấp dẫn đối với trẻ nhỏ.

Chùa Dậu Long được xây dựng ở phía Bắc thôn Phúc An thuộc phường Tân Thành. Chùa này đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1994. Vì chùa được xây trên vùng đất hình rồng do đó người ta đặt tên là Chùa Dậu Long. Đặc điểm của chùa này là cùng với chức năng thờ Phật còn thờ các nhân vật lịch sử gồm chín vị là đức Thánh Cả chính là một vị tướng đời vua Hùng Vương thứ XVIII; vua Lê Đại Hành kế tục sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng; Nguyễn Bặc là

vị tướng thời nhà Đinh có công lớn cùng vua nhà Đinh dẹp 12 sứ quân để thống nhất đất nước và được phong là Đinh quốc công; Trần Hưng Đạo; Nguyên Từ quốc mẫu là thân mẫu của Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tăng; Trần Quốc Tăng con thứ ba của Trần Hưng Đạo có công trong hai lần đánh đuổi quân Nguyên - Mông về sau tu hành ở chùa Đậu Long; Trương Hán Siêu là người thôn Phúc Am một vị vua của nhà Trần uyên bác; Phổ Hộ Đại vương và Thánh Hoàng.

Chùa Bát Long được xây từ trước đến năm 1950 đã bị giặc Pháp tàn phá hiện chỉ còn một số di tích. Cũng như chùa Đậu Long, chùa Bát Long cùng với chức năng thờ đức Phật còn thờ tám vị danh tướng của nhà Lê đã hy sinh trong cuộc kháng chiến cứu nước.

Như vậy thôn Phúc Cam có đến bốn ngôi chùa có khác với các thôn thường chỉ có một ngôi chùa thờ Phật mà thôi.

Ở tỉnh Hải Dương có chùa Côn Sơn ở huyện Chí Linh cách Hà Nội 70 km dưới chân núi Côn Sơn được xây dựng trước triều nhà Lê và đến triều

đại này được mở rộng có chức năng là một trong ba trung tâm của Thiền phái Trúc Lâm.

Ở tỉnh Thái Bình có Chùa Keo trên diện tích được xây dựng trước đây khoảng 1.080 ha với 17 công trình kiến trúc được tôn tạo dần qua các triều đại.

Ở tỉnh Nam Định có chùa *Phổ Minh* được xây dựng từ triều nhà Lý, đến năm 1262 được mở rộng dưới triều nhà Trần và năm 1305 được xây dựng thêm một cảnh tháp theo hình một toà sen tam cấp cao đến 21m. Từ đó người dân ở Nam Định đặt tên chùa là Tháp *Phổ Minh* được du khách trong nước và du khách quốc tế trong tuyến du lịch Hà Nội - Nam Định - Thái Bình đã đến văn cảnh chùa.

Ở tỉnh Thừa Thiên - Huế có các chùa *Báo Quốc*, *chùa Từ Đàm* v.v... đều là những ngôi chùa cổ kính, cùng với ngôi chùa *Thiên Mụ* là một cảnh chùa có kiến trúc cổ đẹp được xây dựng vào thế kỷ thứ XIV và đến năm 1844 triều nhà Nguyễn xây thêm toà tháp cao 7 tầng là tháp *Phước Duyên* có dáng uy nghi bên cảnh sông *Hương* thoáng đãng. Trước cách mạng tháng Tám

năm 1945 một số cảnh chùa ở cố đô Huế là một số cơ sở bí mật mà các nhà hoạt động cách mạng tiến khởi nghĩa thường lui tới gặp nhau dưới hình thức "đến lễ chùa".

Ở thành phố Hồ Chí Minh có chùa Giáo Lâm được xây dựng vào năm 1744 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoá ở huyện Tân Bình lưu tồn được 113 bức tượng Phật bằng gỗ quý và đồng thau.

Ở thành phố Vũng Tàu có ngôi chùa gọi là *Thích ca Phật đài* được xây dựng năm 1941 trên sườn núi Lớn với toà tháp Bát giác màu trắng cao gần 20 m và pho tượng Sa-ki-a-mu-ni được du khách đến văn cảnh khi tới điểm du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu v.v...

Về miếu thờ tuy quy mô không như các công trình văn hoá lịch sử khác nhưng có những miếu được xây dựng từ lâu được người dân trong vùng tôn tạo, thờ cúng trọng thể. Ở tỉnh Quảng Ninh có nhiều miếu ở các huyện, có huyện như huyện Yên Hưng có một số miếu sau:

Miếu vua Bà: Trên địa phận xã Yên Giang thuộc huyện Yên Hưng. Miếu vua Bà được xây từ

triều nhà Trần trên một thửa đất cổ cạnh bến đò cư, đến nay đã được sửa chữa nhiều lần.

Theo truyền thuyết tướng quân Trần Hưng Đạo trong khi đi thị sát địa hình để chuẩn bị hệ thống bãi cọc ngầm đón đánh quân phương bắc, ngài qua bến đò gặp một bà cụ đang bán hàng. Trong cuộc trò chuyện tình cờ bà cụ đã nói về quy luật lên xuống của dòng nước triều, về địa thế của dòng sông, về sự kết hợp chiến thuật hoả công trong cuộc chống giặc ở vùng sông nước này.

Tướng quân Trần Hưng Đạo nghe lời và sau khi đánh thắng quân xâm lược đã quay lại nơi gặp bà cụ bán nước thì không tìm thấy. Ngài tâu lên nhà vua phong sắc cho bà là Vua Bà và lập đền thờ và hàng năm lễ hội miếu Vua Bà được tổ chức đúng vào ngày mồng 8 tháng ba âm lịch.

Miếu Tiên công: Trên địa phận xã Cẩm La cũng thuộc huyện Yên Hưng. Miếu Tiên công được xây dựng từ lâu đời và đến năm 1804 thì được trùng tu lại. Miếu này thờ 17 vị Tiên công có công đầu tiên trong công cuộc khai khẩn lấn biển để lập thành đảo Hà Nam. Miếu Tiên công theo kiểu

kiến trúc gồm ba gian, hai chái tiền đường và ba gian hậu cung, có khám thờ bài vị, câu đối, bia đá và đại tự chạm trổ điêu khắc. Lễ hội miếu Tiên công hàng năm diễn và vào ngày mồng bảy tháng năm âm lịch.

Trong các di sản văn hoá về tôn giáo ở Việt Nam ở các làng, xã, bản, ấp về Phật giáo đã giới thiệu một số ngôi chùa cổ kính nổi tiếng còn có các di sản về Công giáo, về Tin Lành, về đạo Cao Đài v.v... thường được các du khách kết hợp theo các tuyến du lịch để văn cảnh, tìm hiểu.

Về nhà thờ nổi tiếng ở các tỉnh ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhà thờ Bùi Chu huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định; nhà thờ Phát Diệm ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình; nhà thờ Hàm Long, nhà thờ Lớn ở Hà Nội; nhà thờ La Vang ở tỉnh Quảng Trị; nhà thờ Phú Cam ở thành phố Huế v.v... Đặc biệt nhà thờ Phát Diệm được xây vào năm 1878. Về kiến trúc ngôi nhà lớn này là một tổ hợp công trình kiến trúc kết hợp lối kiến trúc Âu - Á và nổi rõ toàn vật liệu xây dựng chủ yếu bằng đá. Thường các du khách công giáo kể

cả du khách thuộc các đạo giáo khác trong các "tour" du lịch Hà Nội - Tam Cốc - Bích Động - Kim Sơn hoặc Hà Nội - Ninh Bình - Thanh Hoá đều đến vãng cảnh nhà thờ Phát Diệm và dành thời gian tham quan hệ thống kênh đào Kim Sơn, một công trình thuỷ lợi của nhà khoa học Nguyễn Công Trứ để lại từ triều đại nhà Nguyễn.

Về công trình của đạo Cao Đài hiện còn lưu giữ là toà Thánh Tây Ninh cách thị xã Tây Ninh ở vùng Đông Nam Bộ 4 km là một quần thể công trình kiến trúc được xây dựng từ năm 1936 - 1956 là một toà thánh đẹp,

.CHƯƠNG III**CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH CỦA VIỆT NAM**

Ngành du lịch của Việt Nam có nhiều loại hình đa dạng, đặc biệt là nhiều loại hình du lịch dựa vào những tài nguyên tự nhiên sẵn có như tài nguyên núi rừng, hang động độc đáo, cảnh đèo thông thoáng, ngoạn mục, thác nước đẹp trắng xoá, vùng cây đặc sản tự nhiên... tài nguyên vùng biển đảo, cửa sông, đầm phá, bãi tắm biển, ven vùng cát vàng thẳng mịn...; tài nguyên về các di sản lịch sử, văn hoá nổi tiếng, kể cả các di sản lịch sử hiện đại, các làng bản, các bộ tộc, các đô thị, các làng nghề truyền thống v.v...; tài nguyên về các di sản văn hoá phi vật thể với những đặc trưng nổi bật...

Với những loại tài nguyên phong phú, đa dạng trên từng vùng, từng tỉnh, từng điểm của đất nước với các đới khí hậu khác nhau, các tuyến giao thông ven đường núi, đường trung du, đường đồng bằng,

đường làng bản, ngõ xóm; các tuyến đường thủy trên sông, hồ, đầm phá, trên biển cả... ngành du lịch của Việt Nam có điều kiện thuận lợi để thực hiện các loại hình du lịch như du lịch sinh thái ở vùng núi rừng, vùng sông biển, ở vùng có di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Ngay ở từng vùng, từng khu du lịch các loại hình du lịch cũng có không ít đặc điểm khác nhau.

I. DU LỊCH NÚI - RỪNG.

Trên diện tích 330.991 km² của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì ba phần tư diện tích là đồi - núi - rừng. Ngọn núi cao nhất là Phan-xi-păng có độ cao đến 3143m ở tỉnh Lào Cai về phía Bắc đất nước. Các tỉnh khác giáp các nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, nước Cộng hoà nhân dân Lào, Thái Lan, Campuchia đều có núi - đồi - rừng - biển và ngay trên một số đảo ở biển Đông cũng có một số diện tích núi - rừng.

Diện tích núi - rừng chính là một lợi thế sẵn có về du lịch núi rừng của Việt Nam. Hơn nữa Việt Nam có dạng rừng nhiệt đới trong khu vực. Ngay

thời kỳ thuộc Pháp các khu du lịch núi - rừng nổi tiếng được sử dụng là Sa Pa, Tam Đảo, Bạch Mã, Đà Lạt, trong số này khu du lịch Đà Lạt là lớn nhất. Sau khi đất nước thống nhất một số khu du lịch núi rừng khác được hình thành như Ba Vì, Ba Nà v.v...

Các khu du lịch núi - rừng trước đây đã được quy hoạch mở rộng, đầu tư thêm cơ sở hạ tầng về đường sá, cầu cống, khách sạn, nhà hàng tiện nghi để phục vụ lưu trú của du khách. Một số nơi có cả sân cầu lông, sân bóng rổ, khu giải trí, phòng họp, bưu điện phục vụ thông tin liên lạc của du khách...

Các vùng núi rừng mới sau đây đã trở thành khu du lịch sớm phát triển:

1. Vườn quốc gia Cúc Phương nằm giữa ba tỉnh Thanh Hoá, Hoà Bình và Ninh Bình về phía Tây - Nam thủ đô Hà Nội là vườn quốc gia được Nhà nước quyết định thành lập ngày 7 tháng 7 năm 1962 thành khu rừng là cơ sở nghiên cứu (khoa học về thực vật, động vật, lâm học nhiệt đới. So với các vườn quốc gia khác địa hình của Cúc Phương tương đối thấp với độ cao trung bình từ 300 đến 400m so

với mặt nước biển và nơi cao nhất là đỉnh Mây Bạc cũng chỉ gần 650m.

Từ năm 1962 đến những năm 1975-1976 trên diện tích 25.000 ha rừng, các nhà lâm học Việt Nam cùng đã với các nhà lâm học Liên Xô, Hung-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc... nghiên cứu điều tra phân loại thực vật, động vật. Vào năm 1969 Phân Viện nghiên cứu Cúc Phương được thành lập với số đội ngũ cán bộ khoa học và công nhân viên gần 200 người.

Từ năm 1976 đến năm 1986 số người dân đến sinh cơ lập nghiệp tăng thêm. Họ chủ yếu đốt rừng làm rẫy, săn bắt thú, chim, chặt phá rừng để bán gỗ làm cho khu rừng nguyên sinh bị tàn phá nặng.

Sau năm 1985 Nhà nước đã phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật và Vườn quốc gia Cúc Phương được điều chỉnh với diện tích là 22.200 ha. Đồng thời số dân được di chuyển ra ngoài vùng rừng được giúp đỡ mọi mặt để phát triển sản xuất bảo đảm đời sống. Trong phạm vi lân cận của Vườn quốc gia các câu lạc bộ bảo tồn thiên nhiên được thành lập và hoạt động có kết quả trong việc bảo

tồn thiên nhiên. Đến nay vườn quốc gia Cúc Phương là khu rừng nguyên sinh đa dạng và phong phú. Kể cả các yếu tố sinh thái nguyên sinh đến đầu năm 2003 Vườn quốc gia Cúc Phương đã tổng hợp được trên 2.000 loài thực vật, trong số này có 118 loài thực vật quý hiếm ở Việt Nam như chân chim leo, giẻ đầu đều, cà lồ, mang sạn v.v... Cho đến thời điểm này ở Cúc Phương đã gieo trồng 366 loài cây và chúng vẫn phát triển tốt; đồng thời các nhà khoa học và công nhân vẫn đang bảo tồn và phát triển nguồn gen của 10 loài cây quý như vũ hương, kim giao, chò xanh, đấng, trai lý, chè đấng, trượng vân, mun, sáng v.v...

Về động vật chỉ kể riêng số loài có xương sống đã chiếm gần 31% trong số động vật của cả nước, trong đó số thú trên 39%; số chim 37%, số ếch nhái trên 52% số loài của cả nước. Theo số thống kê của Vườn quốc gia này trong số trên 570 loài động vật có xương sống và 12 loài giáp xác đã có đến 64 loài động vật có tên trong sách đỏ Việt Nam. Các nhà khoa học mới phát hiện ở Vườn quốc gia có hai loài cá niếc hang và loài sóc bụng

đỏ. Ở đây đang tiếp tục thuần dưỡng trên 100 con hươu sao và nai cùng với một số loài voọc quý hiếm là voọc mông trắng, voọc đen tuyền, voọc Hà Tĩnh, voọc Cát Bà, voọc Lào, voọc chà vá chân xám v.v...

Nếu xét về tài nguyên du lịch thì Vườn quốc gia Cúc Phương chỉ cách thủ đô Hà Nội 120 km, rất thuận tiện cho việc du lịch bằng đường bộ. Du khách có điều kiện thực hiện các "tour" du lịch sinh thái hoà nhập với cảnh quan môi trường sinh thái nguyên sinh đa dạng, hấp dẫn ở đây.

2. Khu bảo tồn Vân Long ở huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình có diện tích 3.500 ha, trong đó diện tích ngập nước là 1.000 ha. Số diện tích còn lại phần lớn là núi rừng, hang động, suối nước cùng một số di sản văn hoá cổ. Khu bảo tồn này có nhiều loại thực vật, động vật. Trong số động vật bước đầu có khoảng 30 cá thể loài voọc quần đùi trắng, loài cò, vạc, chim sâm cầm v.v... Từ cuối năm 1999 Quỹ môi trường toàn cầu⁽¹⁾ đã giúp triển khai dự án "Bảo vệ đa dạng sinh học khu bảo tồn Vân Long". Tỉnh

(1) GEF/SGP.

Ninh Bình đã xúc tiến giải quyết nhiều vấn đề giữ gìn môi trường, đồng thời thực hiện hình thức du lịch sinh thái trên khu bảo tồn Vân Long.

3. Ngũ Hành Sơn là năm ngọn núi đẹp ở vùng Non Nước - Ngũ Hành Sơn. Du khách đến Đà Nẵng không thể bỏ qua điểm du lịch này. Ngũ Hành Sơn chỉ cách thành phố Đà Nẵng có 10 km về phía Đông trên đường từ trung tâm đến Hội An. Bên trái con đường nhựa này là Thuỷ Sơn, Mộc Sơn; bên phải con đường này là Thổ Sơn và đối diện với Mộc Sơn là Kim Sơn rồi đến Hoả Sơn. Khi ngoạn cảnh đẹp trên hòn Thuỷ Sơn có thể thấy Vọng Giang Đài, Vọng Hải Đài, chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng, Động Huyền Không và hang Âm Phủ. Đến hòn Kim Sơn có động Quan Âm, Dương Hoả Sơn với chùa Phổ Đà; đến động Huyền Vi với nhiều cảnh đẹp gần hồ nước có 5 phiến đá giống tượng người v.v...

4. Núi Thiên ấn là một cảnh núi giữa vùng đồng bằng huyện Sơn Tịnh của tỉnh Quảng Ngãi, bên tả ngạn sông Trà Khúc. Thiên Ấn là "cái triện của trời" đỉnh núi khá bằng phẳng với khoảng 10 mẫu có

nhieu cây cối xanh tươi về phía Đông - Nam thị xã Quảng Ngãi. Từ trên đỉnh núi có thể nhìn thấy dòng sông Trà Khúc và biển Đông xa xa xanh ngắt tằm mắt của du khách; Ngoảnh nhìn lên xa là dãy núi Trường Sơn. Đối diện với núi Thiên Ấn là dãy núi Thiên Bút phê vân (Bút trời vẽ lên mây) chạy dài xa tít đến chân trời cùng tạo thành một phong cảnh nên thơ ở vùng Nam Trung Bộ.

Vốn là một quả núi hoang vu những năm gần đây Thiên Ấn được chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy hoạch thành khu du lịch sinh thái nối với bãi biển Mỹ Khê và di tích Mỹ Sơn đang được đầu tư thành điểm du lịch nghỉ mát hấp dẫn.

5. Đà Lạt: Trong loại hình du lịch núi - rừng Việt Nam có nhiều khu du lịch phát triển trên cơ sở các khu, điểm nghỉ núi - rừng dành cho các du khách muốn tham quan, nghỉ dưỡng ở những nơi có cây cao bóng mát, thoáng đãng. Trong số khu nghỉ mát này thì khu du lịch núi lớn nhất hiện nay là Đà Lạt ở tỉnh Lâm Đồng. Đà Lạt vốn là khu du lịch nghỉ mát được đầu tư, nâng cấp từ những năm thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam. Sau năm 1975

Nhà nước Việt Nam đã tiếp tục đầu tư mở rộng, có thể nói khu du lịch núi này là một điểm du lịch rộng lớn, hấp dẫn nhất trong các khu du lịch núi hiện nay.

Hiện nay Tổng cục Du lịch Việt Nam cùng Sở Du lịch tỉnh Lâm Đồng ngoài những công trình khách sạn, biệt thự được phục chế và xây dựng mới, đang có dự án đầu tư khu du lịch mới hồ Đan Kĩa - Suối vàng. Khi dự án này hoàn thành thì Đà Lạt lại có thêm những cơ sở vật chất mới phục vụ cho du lịch nghỉ dưỡng. Đồng thời các khu du lịch núi - rừng khác như Tam Đảo, Ba Vì, Bạch Mã, Bà Nà, Sa Pa cũng được tôn tạo cùng một số công trình được xây mới nữa.

Các khu du lịch núi - rừng chủ yếu hiện nay chủ yếu thu hút du khách nội địa, nhưng có nơi cũng có một lượng du khách quốc tế đến tham quan tùy theo các tuyến, các "tour" du lịch phù hợp với thời hạn du khách đến Việt Nam. Một số khu du lịch núi - rừng như Sa Pa, Ba Vì thì du khách quốc tế thường chọn đến có sự kết hợp với loại hình du lịch làng bản bộ tộc có những đặc

trung văn hoá truyền thống mà họ được thông tin trên đài - báo v.v...

Một số thế mạnh của du lịch núi - rừng của Việt Nam là ở một số vùng có nhiều suối nước nóng có tác dụng chữa bệnh. Ở đó đã thu hút du khách nội địa và đặc biệt là cả du khách quốc tế vì qua chuyến du lịch họ có điều kiện để chữa bệnh.

Việt Nam có nhiều tỉnh ở miền Đông - Bắc, miền Tây - Bắc, miền Trung Bộ kể cả Tây Nguyên và một số tỉnh ở miền Đông - Bắc Nam Bộ là tỉnh núi rừng với những đới khí hậu không giống nhau. Những tỉnh này đều chủ yếu thuộc loại hình du lịch núi - rừng. Trong số tỉnh này có tỉnh còn có không ít các loại tài nguyên du lịch phong phú, đặc biệt khác, ví như tỉnh Hà Giang ở phía Bắc.

Tỉnh Hà Giang tiếp giáp hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây thuộc miền Nam nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa trên 270 km đường biên giới. Là một tỉnh nằm trong vùng ôn đới lại có nhiều cảnh quan đẹp, thơ mộng như Tây Côn Lĩnh, thác Thuý, thác Bay, núi Cô Tiên, Cổng Trời, đỉnh Mã Pì Lèng, Khu du lịch Suối Khoáng Quảng Ngần, nhiều

hang động, nhiều suối, sông Nho Quế, rừng tự nhiên có nhiều loại động, thực vật quý hiếm.

Riêng về yếu tố là con người thì Hà Giang có đến 22 bộ tộc anh em cùng chung sống đoàn kết trong lao động sản xuất, cần cù, đã từng kề vai sát cánh đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, ghi đậm nhiều chiến công oanh liệt. Cùng với nghề nông nói chung còn có nhiều loại sản phẩm truyền thống như các loại túi vải, khăn thêu, áo váy hoa văn đẹp được bán ở phiên chợ vùng cao mang đậm nét truyền thống dân tộc ở vùng cao miền núi. Đã theo các tour, các tuyến du lịch núi rừng thì du khách không thể bỏ qua phiên chợ ở đây.

Các lễ hội ở tỉnh này cũng đa dạng, độc đáo như lễ hội lồng tồng của người Tày, lễ hội nhảy bửa của người Pà Thẻn... cùng với "Chợ tình" Khau Vai (Mèo Vạc)... đều là những di sản văn hoá phi vật thể nổi tiếng của các bộ tộc miền núi biên giới.

Việc đầu tư phát triển du lịch Hà Giang mới thực sự bắt đầu từ năm 1997-1998. Đến cuối năm 1999 đã có 52 nhà nghỉ và khách sạn, trong số đó có 8

khách sạn được xếp loại một đến hai sao, 15 nhà hàng dịch vụ du lịch có chất lượng v.v... Về đường giao thông vào các điểm du lịch được tu sửa, nâng cấp, làm mới trên trăm km đường, xây dựng mới được 6 điểm du lịch. Năm 2002 riêng số du khách Trung Quốc qua cửa khẩu Thanh Thủy đạt 22.850 lượt người. Năm 2003 đã tiếp nhận hợp tác đầu tư du lịch của nước ngoài từ hai tập đoàn kinh doanh lớn của Trung Quốc, của Tổ chức phi chính phủ Thụy Sĩ hỗ trợ chương trình thử nghiệm "Du lịch có trách nhiệm" ở Quản Bạ...

Trước tài nguyên du lịch sẵn có, đặc biệt thích hợp với loại hình du lịch núi rừng như trên cho đến nay hoạt động du lịch của Hà Giang trong kinh doanh lữ hành thì tốc độ phát triển còn chậm so với kinh doanh dịch vụ. Việc đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch ở đây chưa thật đủ, còn yếu về trình độ chuyên môn, về quản lý. Về mặt quảng bá xúc tiến du lịch với các tỉnh trong khu vực và rộng ra ngoài khu vực ở miền Bắc đất nước cũng mới bắt đầu.

II. DU LỊCH BIỂN - ĐẢO.

Về loại hình du lịch biển - đảo quả là nước ta có lợi thế quý về yếu tố sinh thái nguyên sơ. Việt Nam có chiều dài bờ biển là 3.260 km bao gồm rất nhiều bãi biển. Trong số đó có bãi biển đạt chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như bãi biển Trà Cổ, Cửa Lò, Cát Bà, Mũi Né, Nha Trang v.v... Nhiều bãi biển lại rất thuận tiện đối với loại hình du lịch bơi lội thể thao trên mặt biển như Thuận An, Mỹ Khê, Long Hải, Đại Lãnh, Cửa Tùng, Sa Huỳnh, Tam Thanh v.v... Tuy nhiên cho đến nay, các bãi biển này chưa được các nhà quản lý du lịch đầu tư phát triển. Một số bãi biển khác như Cửa Hội, Cửa Việt, Đá Nhảy v.v... nếu có điều kiện tôn tạo thì có thể trở thành những bãi tắm đẹp, sạch.

Cho đến nay trong danh mục thắng cảnh du lịch biển - đảo nổi tiếng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam được ghi nhận với điểm du lịch biển - đảo Vịnh Hạ Long. Từ năm 2000 điểm du lịch biển - đảo này thực tế đã thu hút nhiều khách nội địa và khách quốc tế.

Một số hải đảo xa bờ như Côn Đảo, Phú Quốc, Bạch Long Vỹ... đến nay đã có các cơ sở nghỉ ngơi đối với khách du lịch của tour du lịch trong ngày.

1. Vườn quốc gia Côn Đảo rộng khoảng 6.000 ha trên cạn và 14.000 ha vùng nước, chưa kể gần 20.500 ha thuộc vùng đệm.

Tài nguyên của vùng quốc gia Côn Đảo không những có ý nghĩa về kinh tế, mà còn có ý nghĩa về sinh thái học nữa. Theo các nhà hải dương học thì tài nguyên biển ở vùng này có ý nghĩa đặc biệt về cả sinh thái và kinh tế. Các rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn, đã tạo nên mối quan hệ sinh thái giữa các loại tài nguyên làm cho môi trường sinh sản thuận lợi, nên qua các thời đại có thể bảo tồn các loài sinh vật biển một cách ổn định. Việc duy trì sự khai thác một cách bền vững nguồn lợi thủy sản ở ngư trường xa bờ phía Đông - Nam Côn Đảo làm cho các tour du lịch sinh thái trở nên rất hấp dẫn. Ngay vùng nước nông ven đảo vừa có nhiều loài động vật quý hiếm như rùa biển, cá heo vừa đa dạng về thành phần giống loài sinh vật. Riêng về loài san hô cho đến đầu thiên niên kỷ thứ

ba này người ta đã phát hiện có 185 loài san hô cứng cùng một số loài san hô tạo rạn⁽¹⁾ v.v... và người ta đã thống nhất ý kiến cho rằng vùng lãnh hải này của Việt Nam là nơi vừa đa dạng về san hô, vừa đa dạng về thảm cỏ biển, và rừng ngập mặn làm cho các dạng sinh thái ở đây vừa phong phú, vừa đa dạng hiếm có.

Trong thực tế đã có sự quy hoạch phân vùng Vườn quốc gia Côn Đảo theo các vùng chức năng như sau:

a. Vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên diện tích là 1.836 ha với nguồn lợi là rạn san hô phân bố rộng chiếm toàn bộ diện tích vùng nước nông đến 20m sâu.

b. Vùng bảo tồn nguồn lợi thủy sản có diện tích là 1.064 ha có nguồn lợi chủ yếu là rạn san hô phong phú bao quanh hầu hết vùng ven đảo và rừng ngập mặn.

c. Vùng du lịch biển trên diện tích là 738 ha với nguồn lợi trên 4 tiểu vùng như sau:

(1) Hermatypic corals.

- Tiểu vùng 1 với rạn san hô tương đối đa dạng và có thể đạt độ sâu 20m.

- Tiểu vùng 2 với rạn san hô phân bố dọc bờ phía Nam và phía Tây của đảo Hòn Cau.

- Tiểu vùng 3 là khu vực xa trung tâm dân cư và thường chịu ảnh hưởng lớn của biển khơi, thủy vực có sự trao đổi nước tốt giữa các hệ sinh thái ven đảo và vùng nước sâu phía ngoài.

- Tiểu vùng 4 với rạn san hô bao bọc hầu hết cả vùng ven đảo có thể đạt độ sâu đến 15m.

d. Vùng phục hồi sinh vật quý hiếm có diện tích 202 ha.

đ. Vùng bảo tồn du gông⁽¹⁾ và thảm cỏ biển với diện tích 791 ha.

e. Vùng bảo tồn rùa biển có diện tích 569 ha.

g. Vùng khai thác hợp lý có diện tích 29.300 ha.

h. Vùng neo đậu của tàu thuyền không ảnh hưởng đối với tài nguyên và môi trường của vùng biển.

(1) Một loài động vật quý hiếm ở vùng nước nông của Côn Đảo.

2. Đảo Phú Quốc có diện tích gần 600 km², là vùng quần đảo lớn nhất của Việt Nam gồm 27 hòn đảo lớn nhỏ và 99 ngọn đồi núi. Đặc điểm nổi rõ của Phú Quốc là 12 vùng đảo có sự đa dạng về rừng nguyên sinh cấu thành hệ sinh thái độc đáo ở vùng biển phía Nam của đất nước. Các hòn núi Chùa có độ cao đến 565m; hòn núi Hàm Rồng có độ cao 368m; hòn núi Đá Bọc có độ cao 365m v.v... Còn rừng thì có các loại gỗ quý như gỗ cẩm lai, sao, trắc, săng đa, trầm hương... Các loại động vật khác ở đây cũng đa dạng góp phần làm cho tài nguyên của vùng đảo phong phú, đặc biệt là tài nguyên du lịch.

Các du khách đến một lần không quên nét đẹp của biển Phú Quốc với làn cát trắng mịn trong dòng nước biển trong xanh làm cho các bãi tắm Cửa Cạn, bãi Khem, bãi Thơm đầy vẻ quyến rũ. Không xa các bãi tắm kỳ thú là khu du lịch Dương Tơ lộng gió giữa các dãy núi đá sát biển cách không xa biên giới lãnh hải Cam-pu-chia khoảng 12 km. Vườn quốc gia nguyên sinh có diện tích hai chục ngàn ha về phía Bắc đảo Phú Quốc. Cũng trong khu vườn quốc gia có ngôi am cổ kính Hàm Ninh, đền thờ năm bà

Thánh Mẫu mà hàng năm vào ngày rằm tháng mười âm lịch người dân trong vùng đảo thường đến làm lễ cầu an, cầu phước lành. Khách du lịch mỗi khi đến Phú Quốc được hướng dẫn tham quan nhà tù Phú Quốc, một di tích lịch sử được xây từ thời thuộc Pháp và đến khi đế quốc Mỹ xâm lược đã biến thành các "chuồng cọp" giam cầm trên 40.000 chiến sĩ cách mạng, trong số đó một số lớn đã bị Mỹ - Ngụy giết chết!

Phú Quốc có 7 xã và thị trấn Dương Đông. Ở phía Nam thị trấn này là cảng cá An Thới chính là cảng nước sâu ở Phú Quốc có thuyền và tàu biển vào ra cảng nhộn nhịp vừa phục vụ du khách, vừa mua hàng hải sản được chế biến ở thị trấn cung ứng thị trường trong nước hoặc xuất khẩu. Trong các mặt hàng này nổi tiếng là nước mắm Phú Quốc có chất lượng cao chế biến từ cá cơm có độ đậm cao và thịt ngon của vùng biển Phú Quốc. Ở phía bắc cảng An Thới hiện đang nuôi trai, cấy ngọc trai cung cấp cho du khách các loại sản phẩm đặc biệt từ ngọc trai, vỏ trai v.v... với giá mà người mua lấy làm vừa lòng để khi về làm quà tặng.

III. DU LỊCH SÔNG - HỒ

Loại hình du lịch sông sớm nhất là ở Thừa Thiên - Huế. Ở đây đã tổ chức du lịch trên sông Hương, từ trung tâm thành phố Huế du khách được thuyền đưa đến gần chùa Thiên Mụ, lên khu lăng các triều vua nhà Nguyễn. Trên dòng sông Hương êm ả, trong lành, du khách vừa thưởng ngoạn cảnh quan tự nhiên, cùng những khu dân cư ven bờ sông, những cảnh đền, chùa nổi tiếng v.v... nhất là dưới đêm trăng trong lành, có giọng hò Huế mơn man, lạnh lạnh, dịu ngọt làm cho du khách ấm lòng, triu mến, khó quên. ,

Từ năm 2002 trên dòng sông Hồng tuyến du lịch sông được tổ chức từ bến Chương Dương đến bến Yên Lệnh thuộc tỉnh Hưng Yên. Du khách có dịp thưởng ngoạn các yếu tố sinh thái dưới vòm trời, trên dòng sông, hai bên bờ một cách thoải mái. Du khách có dịp ghé thăm các di tích văn hoá như đền Đa Hoà, đền Dạ Trạch, đền Mẫu, đền Trần, đền Thiên Hậu, chùa Chuông, Văn Miếu - Xích Đằng...

Trong loại hình du lịch sông - hồ ở Việt Nam

còn một số nơi có điều kiện hấp dẫn đối với du khách thực hiện loại hình du lịch mạo hiểm trên các dòng sông có nước chảy xiết bằng việc bơi thuyền và thám hiểm các hang động thiên nhiên như Phong Nha, Thác Bờ... Ở những nơi này du khách có thể bằng thuyền vào sâu trong hang động.

Hồ Ba Bể có diện tích gần 500 ha với độ sâu 35-40 mét, chỗ sâu nhất là Na Đán Deng đến 50 mét. Hồ này có hai eo ở giữa tạo thành ba cái bể liên thông nhau. Nếu du khách đi từ đầu nguồn Pác Ngòi xuống là đến bể thứ nhất, nơi đây thường diễn ra lễ hội xuân Ba Bể vào ngày mồng 10 tháng giêng hàng năm. Du khách xuôi thuyền trên hồ vừa được thưởng thức cảnh quan của khu rừng nguyên sinh rộng lớn, cảnh quan của mặt hồ nước ngọt trên núi, vừa có dịp thăm các điểm du lịch sinh thái như gò Pò Giả Mải (gò Bà Goá), gò Pò An Mã (gò Yên Ngựa), Ao Tiên có nhiều truyền thuyết nhân văn. Từ hồ Ba Bể thuyền xuôi ra sông Năng đến một đoạn không xa ngược dòng sông là đến động Puông và xuôi dòng lại tới cảnh thác Đầu Đẳng vốn là một cảnh quan tuyệt đẹp ngắm nhìn không thấy chán.

Hồ Ba Bể thuộc xã Mẫu Ninh trước kia, nay gồm hai xã là xã Nam Mẫu và xã Khang Ninh. Chính ở xã Mẫu Ninh vào dịp đầu xuân những năm trước đây người dân thường tổ chức lễ hội Lồng Tồng (hội xuống đồng) ở gò Pò An Mã là nơi doi đất nhô ra giữa bể thứ hai.

Lễ hội Lồng Tồng lúc bây giờ có cả lễ và hội. Về lễ thì có các nghi lễ cầu mưa, cầu thần nông và các vị thần linh trên núi cao và dưới bể sâu phù hộ bản mường một năm mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, bản mường thịnh vượng, an khang. Về hội thì có các trò vui chơi mang tinh thần thượng võ, đấu vật, kéo cờ, chơi cù (đánh quay), đánh cầu, tung còn thụ hút, hấp dẫn nhiều người, đặc biệt là thanh niên nam nữ. Chính hội tung còn là cuộc vui nhằm tự giới thiệu về mình trước bè bạn, khách vãng lai giao lưu tình cảm, thử ướm tình nhau, nếu vừa ý thì hẹn nhau đến mùa nương rẫy sẽ đến giúp nhau, đến vụ cấy lúa thì đến cấy giúp; nếu yêu nhau thì qua mùa hoa đào tổ chức lễ ăn hỏi; đến mùa trám rụng là cưới nhau. Hiện nay hội xuân Ba Bể tập trung chủ yếu vào phần hội thể hiện ở

chỗ vài ngày trước hội thì trai, gái ở hẻm trên, lòng dưới và người trong huyện Ba Bể, trong tỉnh đến gặp nhau, chuyện trò, đối đáp và vang lời sli, câu lượn, câu hát giao duyên. Từ ngày mồng 9 tháng giêng các hàng quán đã có các mặt hàng nông, lâm sản phẩm, thủ công, các món ăn, thức uống truyền thống của các lễ hội Lồng Tồng trước đây. Các món ăn có chè lam, bỏng miếng (khẩu thi), bỏng cục (khẩu thác), bánh khảo... Các cô gái Tày chèo thuyền độc mộc lướt nhẹ nhanh trên mặt hồ, hát sli, hát lượn với làn điệu du dương, thánh thót, trữ tình.

IV. DU LỊCH ĐÔ THỊ

Trong hệ thống các đô thị của Việt Nam loại hình du lịch đô thị đã phát triển sớm từ các triều đại phong kiến. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mặc dù phải trải qua 30 năm kháng chiến gian khổ chúng ta đã chú ý đến du lịch đô thị và đến khi đất nước thống nhất loại hình du lịch này đã sớm được thực hiện và thu hút số lượng du khách quốc tế càng ngày càng nhiều.

Hai thành phố lớn ở gần hai đầu phía Bắc và

phía Nam của đất nước và một số thành phố khác như Hạ Long, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt... là những điểm du lịch gắn với các tuyến, các tour du lịch ở từng vùng và cả nước.

Ở một số đô thị của Việt Nam có những phố cổ, ngôi nhà cổ, những công trình tôn giáo lâu đời, đền chùa, miếu mạo, những bảo tàng lịch sử, văn hoá, những nhà hàng siêu thị, những cơ sở sản xuất truyền thống về thủ công, mỹ nghệ v.v... Đó là những điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách. Đặc biệt Hà Nội, Huế, Hội An, Đà Nẵng, Đà Lạt v.v... còn có nhiều cảnh hồ đẹp nổi tiếng vừa là những yếu tố sinh thái nguyên sinh được nâng cấp, tôn tạo đã thu hút du khách. Nếu tổ chức được các tuyến, các tour du lịch đến các điểm du lịch nói trên diễn ra trong ngày thì số lượng du khách sẽ tăng lên đáng kể. Du lịch đô thị còn là điểm hẹn đối với các doanh nhân, các nhà khoa học trong các cuộc hội thảo, gặp gỡ có điều kiện đến các cơ sở văn hoá, lịch sử, các điểm vui chơi giải trí nếu được tổ chức tốt. Ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh thường có các

khách mời của Nhà nước, của các bộ, ngành v.v... đều là những du khách quan trọng đối với du lịch đô thị.

1. Thành phố Hải Phòng nằm ở hạ lưu hệ thống sông Thái Bình, diện tích là 1.503,5 km². Về phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh; về phía Tây - Bắc giáp tỉnh Hải Dương; về phía Tây - Nam giáp tỉnh Thái Bình; về phía Đông là Vịnh Bắc Bộ. Hải Phòng cách Hà Nội 105 km, là cảng biển lớn nhất ở miền Bắc Việt Nam, đồng thời cũng là đầu mối giao thông quan trọng gồm các tuyến giao thông đường biển, đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Với vị trí địa lý tự nhiên và với thế độc đáo về các tuyến giao thông như trên Hải phòng có thể nối liền với các tỉnh trong nước và các nước trên thế giới. Về vị trí kinh tế du lịch Hải Phòng có thể là trung tâm du lịch hấp dẫn ở Đông Á với thêm lục địa rộng vừa có nhiều tài nguyên trên đất liền, vừa có biển và các đảo biển, trong đó vườn quốc gia Cát Bà nằm bên cạnh Di sản thiên nhiên thế giới là Vịnh Hạ Long đã được tổ chức Giáo dục - Khoa học - văn hoá của Liên Hợp Quốc công nhận.

Chỉ nhìn về sự đa dạng của các kiểu địa hình lục địa và các đảo biển cũng đã thấy Hải Phòng có sẵn những điều kiện để phát triển các loại hình du lịch, nhất là loại hình du lịch sinh thái. Các núi thấp phân bố ở quần đảo Cát Bà, Long Châu và ở phía bắc huyện Thuỷ Nguyên đều có độ cao khoảng từ 100 đến 250m, nơi cao nhất là trên 330m. Một đặc điểm chung là các núi này đều được cấu tạo bằng đá vôi, đỉnh sắc nhọn, sườn có dạng răng cưa dốc đứng, lởm chởm tai mèo và có nhiều hang động. Về các cảnh đồi thì bị chia cắt mạnh, đều tập trung chủ yếu ở phía bắc huyện Thuỷ Nguyên, quận Kiến An, thị xã Đồ Sơn. Các đồi đều có độ cao khoảng từ 40 đến 100m, cũng có cảnh đồi cao từ 100 đến 250m và kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và được cấu tạo bằng đá cát, bột và sét kết với độ dốc trung bình từ 15° đến 20° . Vùng đồng bằng thì bằng phẳng chiếm khoảng 85% diện tích của cả thành phố.

Hải Phòng có bờ biển dài trên 125 km, nếu tính cả đường bờ quanh các đảo biển thì là trên 300 km với khoảng 397 hòn đảo lớn nhỏ có diện tích

khoảng 180 km² được phân bố trên một không gian khá rộng. Hòn đảo xa nhất là Bạch Long Vỹ cách bờ 136 km. Căn cứ vào sự cấu tạo vật chất và sự khác biệt về hệ sinh thái người ta chia thành hai nhóm đảo đá gồm quần đảo Cát Bà, Long Châu, Hòn Dấu, Bạch Long Vỹ và nhóm đảo cát gồm đảo Cát Hải, Phù Long. Hai nhóm đảo trên đây rất đẹp và hấp dẫn du khách.

Về hang động có hang Vua, hang Lương, hang Đốc Tít, hang Trung Trang, hang Tiên Đức, hang Hùng Sơn, động Đá Hoa, động Cao Vọng... Các hang động chủ yếu nằm ở đảo Cát Bà và vùng đá vôi ở phí Bắc huyện Thuỷ Nguyên. Nói chung các hang động ở các đảo đều có độ dài chưa đến 200m, hang dài nhất là chưa quá 500m. Các hang động đều ở độ cao khoảng 4-6m; 15-20m và 30-40m. Như vậy kích cỡ các hang động đều không lớn nhưng đều có hình dáng xinh đẹp với nhiều thạch nhũ, nhiều ngách thường có tác dụng tích cực trong quá trình chống giặc ngoại xâm. Một số hang động ở đảo Cát Bà được Viện khảo cổ học xác nhận hiện tượng hoá thạch răng của

người tiền sử và các công cụ đồ đá của nền văn hoá từ xa xưa ở Hạ Long.

2. Thành phố Huế cách thủ đô Hà Nội về phía Nam khoảng 650 km và về phía Bắc cách thành phố Hồ Chí Minh 1.080 km, cách cửa bể Thuận An trên 25 km. Dòng sông Hương chảy chia đôi thành phố Huế, về phía Bắc là khu Cố đô và về phía Nam là các khu Nam Giao, Bến Ngự, An Cựu...

Về vị trí địa lý, thành phố Huế nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa được phân thành 4 mùa rõ rệt với nhiệt độ trung bình năm là 25 độ.

Khu Cố đô chính là khu Hoàng thành gồm quần thể các lâu đài, đền miếu được xây dựng từ thế kỷ XIX, nhưng trải qua cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ khu Hoàng thành đã bị tàn phá làm cho Hoàng thành vốn có sự hài hoà đậm nét giữa nền nghệ thuật dân gian với nền văn hoá cung đình bị phá vỡ, đó là một tổn thất đáng kể đối với loại hình du lịch sinh thái.

Năm 1993 thành phố Huế đã được Tổ chức giáo dục - khoa học - văn hoá của Liên Hợp Quốc

công nhận là di sản văn hoá thế giới. Như vậy đã mười năm qua thành phố Huế với những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể và những cảnh quan hình thành các tài nguyên du lịch sinh thái đặc thù là sông Hương Giang, núi Ngự Bình, chùa chiền, lăng tẩm và không xa Huế có đầm phá Tam Giang, vườn quốc gia Bạch Mã có khu nghỉ dưỡng từ thời thuộc Pháp, cửa sông Ô Lân, bãi biển Thuận An, Lăng Cô v.v... đều là những điểm, những khu du lịch sinh thái đặc sắc của Huế...

Đặc biệt đối với cảnh quan sinh thái của Huế là cùng với các yếu tố sinh thái nguyên sinh như núi, sông, nông thôn, vùng biển v.v... còn có những di sản văn hoá vật thể của một thủ đô như lâu đài, đền miếu, chùa chiền, lăng mộ, vườn sân cổ kính v.v... tuy một số di sản đã bị tàn phá trong chiến tranh, một số còn lại được người dân và Nhà nước tôn tạo lưu giữ được những đặc điểm của kiến trúc truyền thống. Một vẻ đẹp của nền văn hoá sông Hương ở Thừa Thiên-Huế làm cho không những người dân Việt Nam vẫn tự hào, mà không ít du khách quốc tế đến Huế đã từng ghi nhớ đậm nét đó là nghệ thuật

cung đình. Đã không ít người có dịp du ngoạn hàng giờ bằng thuyền trên dòng sông Hương êm ả để thưởng thức nghệ thuật này.

3. Trong loại hình du lịch đô thị ngoài thành phố Hải Phòng và Cố đô Huế còn có loại hình du lịch đô thị ở các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh v.v... Những đô thị nói trên đã được giới thiệu về một số tài nguyên sinh thái du lịch nhất định trong các chương có liên quan.

V. DU LỊCH CÁC DI SẢN LỊCH SỬ - VĂN HOÁ

Thường các di sản lịch sử - văn hoá được phân thành hai loại là di sản lịch sử - văn hoá vật thể và di sản lịch sử - văn hoá phi vật thể. Các di sản lịch sử - văn hoá vật thể có các di chỉ khảo cổ và lịch sử, các đô thị lịch sử, các khu công trình mang tính lịch sử trong các đô thị, các địa bàn có những sự kiện lịch sử như các chiến khu cách mạng, các chiến trường, các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử như lăng mộ, các đình chùa, các nhà thờ tôn giáo v.v... Cũng trong nhóm di sản lịch sử - văn hoá vật thể có

những tác phẩm nghệ thuật, điêu khắc như các bức tranh, bức tượng, thêu, các trang phục truyền thống, các đồ mây tre đan v.v...

Các di sản lịch sử - văn hoá phi vật thể có nghệ thuật sân khấu, các điệu múa, nhạc, hát kịch, các tập tục truyền thống, các hệ tôn giáo, tín ngưỡng, các nghi lễ, hội hè, các phong tục tập quán, các kỹ thuật canh tác v.v...

Các loại hình du lịch về di sản lịch sử - văn hoá nói trên của Việt Nam quả là đa dạng, phong phú, là nguồn tài nguyên du lịch mà ở bất cứ tỉnh nào, vùng nào cũng có. Trong cuốn sách này cũng chỉ giới thiệu sơ bộ một số có tính chất tiêu biểu...

1. Du lịch các di sản lịch sử - văn hoá vật thể

Thuộc nhóm các di sản lịch sử - văn hoá này mà loại hình du lịch đang triển khai cho đến nay trước hết là các di sản lịch sử và tôn giáo như đền Hùng ở Phú Thọ, Văn Miếu ở Hà Nội, đền thờ tám vị vua nhà Lý ở Bắc Ninh, cố đô Hoa Lư ở Ninh Bình, thành Cổ Loa ở huyện Đông Anh (Hà Nội), đền Trần, tháp Phổ Minh ở Nam Định, chùa Keo ở Thái Bình...

Về địa bàn các chiến trường có Điện Biên Phủ, Khe Sanh, thành cổ Quảng Trị, Cầu Hiền Lương, địa đạo Củ Chi, Vĩnh Mốc, Buôn Ma Thuột, một số đoạn đường mòn Hồ Chí Minh ở khu vực miền Trung...⁽¹⁾.

2. Du lịch các di tích lịch sử văn hoá phi vật thể

Việt Nam có 54 bộ tộc chung sống lâu đời với nhau. Mỗi bộ tộc có một nền văn hoá riêng thể hiện rõ ở phong cách kiến trúc về nhà ở, về lối sống hàng ngày với các dạng trang phục có khác nhau, về phong tục tập quán, về kỹ thuật canh tác, về lễ hội, âm nhạc thủ công mỹ nghệ v.v...

Mỗi vùng của đất nước có những hình thái văn hoá dân gian truyền thống riêng với những nét đặc sắc hấp dẫn và cho đến nay có nơi không biết hình thái văn hoá dân gian truyền thống có giá trị đó đã ra đời từ lúc nào. Trong những vốn quý nói trên có thể nói đến dân ca *quan họ* của vùng Kinh Bắc xưa, nay là Bắc Ninh. Quả đúng như nhận định của

(1) Xem chương II.

Hoàng Việt Thắng: "cái đặc sắc của quan họ không chỉ là những lời ca tiếng hát, cách ăn mặc của các bậc liên anh, liên chị mà nó còn là "cái hồn" của người dân trong vùng"⁽¹⁾. Rõ ràng giá trị của quan họ Bắc Ninh mỗi lần được nghe trình diễn làm cho con người Việt Nam ấm được cõi lòng!

Hằng năm đến ngày 9 tháng 4 âm lịch người dân ở xã Phù Đổng huyện Gia Lâm ở Hà Nội tổ chức Hội Gióng là lễ hội mang dấu ấn truyền thống từ nhiều năm. Du khách cùng người dân xã Phù Đổng được sống lại giữa bầu không khí vẻ vang của thửa xa xưa với sự mô tả rõ cảnh Thánh Gióng bài binh bố trận phá tan đám giặc Ân qua hình ảnh vị anh hùng cưỡi ngựa sắt hiên ngang xung trận cùng đoàn quân anh dũng của mình do người dân của xã Phù Đổng diễn tả. Du khách còn được thưởng thức những tiết mục hát tuồng, hát quan họ, xem chọi gà, cờ tướng lễ rước nước v.v..., được viếng cảnh chùa Kiến Sơ là một ngôi chùa cổ nhất nơi vua

(1) Xem "Du lịch" số 13 ngày 28 tháng 3 năm 2003 của Tổng cục Du lịch Việt Nam, trang 10.

Lý Công Uẩn tu hành thừa còn hàn vi, ngôi đền thờ mẹ Gióng, miếu Ban là nơi Thánh Gióng được sinh ra.

Yên Tử vốn là trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam hàng năm cũng được người dân tổ chức lễ hội đã thu hút khách du lịch đến ngoạn thưởng cảnh núi non trùng điệp, các khoảnh rừng 6-7 trăm tuổi, có đến 11 cảnh chùa và hàng trăm ngôi am, ngôi cổ nhất là có từ năm 1758.

Ở Thanh Hoá người dân huyện Nga Sơn hàng năm vào dịp từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 3 âm lịch cùng nhân dân trong vùng tập hợp về đền thờ Mai An Tiêm. Đền thờ tuy nhỏ nhắn, nhưng phía trước đền là một bãi đất rộng cùng cánh đồng lúa và phía sau đền trên lưng chừng núi rộng hàng chục héc-ta vốn là nơi Mai An Tiêm đã trồng những cây dưa đỏ lúc đầu để tưởng nhớ người đã có công tìm ra và gieo trồng thứ quả làm ngọt cho cuộc sống của người dân.

Ở tỉnh Khánh Hoà hàng năm từ ngày 20 đến ngày 23 tháng ba âm lịch người dân trong vùng cử hành lễ hội Tháp Bà ở khu di tích Pôn-na-ga ở phía

bắc thành phố Nha Trang. Đến dịp lễ hội Tháp Bà đồng bào trong tỉnh Khánh Hoà và các tỉnh ở phía Nam đều đến Nha Trang dâng hương tế Nữ thần Poyan Ino Nagan để tỏ lòng tri ân nữ thần và cầu mong được mọi điều tốt lành trong năm.

Theo truyền thuyết của người Chăm thì Nữ thần có công tạo lập trái đất, ban phát thóc gạo cùng các thứ cần thiết cho cuộc sống của cư dân. Với công đức lớn nên người Chăm đã xây toà tháp ở Nha Trang. Cuối thế kỷ thứ XVII người Việt đã tôn bà Poyan Ino Nagan là Tiên nữ Thiên Y rồi là Thiên Y thánh mẫu. Đến triều nhà Nguyễn các vua đã ban sắc phong bà là Thiên Y thánh mẫu.

Lễ Tháp Bà có hai phần chính là lễ thay y và lễ cúng. Ngày 20 tháng 3 âm lịch trong buổi lễ trọng thể các xiêm y, mũ miện cũ trên các pho tượng cởi bỏ, các pho tượng được tắm rửa bằng nước nấu các loài hoa thơm, sau đó người ta mặc bộ xiêm y lớn. Các ngày sau người ta làm lễ cầu cúng bằng một con heo sống cùng các lễ chánh tế, bồi tế v.v... trong tiếng nhạc trang nghiêm, hùng tráng.

Sau phần lễ người ta tổ chức phần hội có múa

bóng, múa dâng hoa của người Việt, người Chăm, có hát và trình diễn những tích tuồng truyền thống v.v...

Công trình kiến trúc văn hoá Tháp Bà đã được xếp hạng, tôn giữ ấn tượng đặc sắc của kiến trúc cổ của người Chăm.

Hằng năm đến trung tuần tháng ba âm lịch đồng bào Khơ-me ở huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng tổ chức *Lễ cầu an Thắc Côn*⁽¹⁾ vốn là một lễ hội của nền văn minh lúa nước được tổ chức để cầu xin mùa màng bội thu, sau một năm lao động vất vả. Thời điểm diễn ra lễ này là lúc giao thời chuyển từ mùa nắng sang mùa mưa để nhắc người dân Khơ Me chuẩn bị vụ mùa sắp đến.

VI. DU LỊCH LÀNG, BẢN CỦA CÁC BỘ TỘC

Một loại hình du lịch ở Việt Nam được hình thành từ các năm cuối thế kỷ XX và được phát triển chưa đều từ những năm gần đây là loại hình du lịch làng, bản của các bộ tộc. Loại hình du lịch làng, bản

(1) Theo tiếng Khơ me "Thắc" có nghĩa là đập, còn "Côn" có nghĩa là chiêng. Vậy "Thắc Côn" có nghĩa là đập công chiêng.

chính là loại hình du lịch mà khách quốc tế hài lòng vì qua đó họ có điều kiện thuận lợi làm quen nền văn hoá truyền thống ở từng bộ tộc của Việt Nam. Họ có thể tìm hiểu cuộc sống, tập quán hàng ngày của người dân Việt Nam. Việt Nam có 54 dân tộc, nếu ngành du lịch tổ chức tốt loại hình du lịch làng, bản của các dân tộc để thu hút du khách nói chung và du khách quốc tế nói riêng thì thực sự không những đạt kết quả trong hoạt động du lịch sinh thái, mà còn đóng góp đáng kể vào việc phát huy mối quan hệ hợp tác hữu nghị quốc tế lành mạnh nữa.

Về di sản văn hoá phi vật thể của một số bộ tộc ở miền núi Việt Nam quả là những nét độc đáo rất khác nhau giữa con người của các bộ tộc và cả giữa từng nhóm con người trong cùng một bộ tộc. Xin dẫn chứng một điển hình của bộ tộc Dao ở một tỉnh tiêu biểu là tỉnh Sơn La ở vùng Tây - Bắc của đất nước.

Ở Sơn La người Dao có ba nhóm là Dao Đỏ, Dao Tiền và Dao Quần Chẹt. Giữa ba nhóm này về phong tục, tập quán cũng có khác nhau. Về phong tục làm nhà ở họ có kiểu nhà sàn, kiểu nhà nửa sàn

nửa đất và kiểu nhà đất, nhưng kiểu nhà đất thì lại là phổ biến. Về trang phục thì mỗi nhóm người Dao này kể cả nam và nữ đều có kiểu trang phục riêng. Về mô típ hoa văn trên bộ trang phục của họ gồm có hoa văn hình học, hoa văn cỏ cây, hoa văn hoa lá, hoa văn chim thú và trong số này có loại hoa văn mang dấu ấn Bàn Vương là hình con chó, chân chó và răng chó.

Để tạo hoa văn trên trang phục cùng với kỹ thuật thêu hoa văn người phụ nữ thuộc nhóm Dao Tiền còn có kỹ nghệ in hoa văn bằng sáp ong vừa bền màu, vừa duyên dáng mang vẻ đẹp đặc sắc. Người phụ nữ thuộc nhóm Dao Tiền này quấn tóc quanh đầu; còn người phụ nữ thuộc nhóm Dao Đỏ và nhóm Dao Quần Chẹt khi đến tuổi trưởng thành là phải cắt tóc, cạo trọc đầu để sơn một lớp sáp ong trên đầu rồi cứ sau một năm thì họ lại dỡ bỏ lớp sáp ong cũ để sơn lớp sáp ong mới. Và tập quán này được kéo dài cho đến khi mãn đời họ. Do tập quán nói trên người phụ nữ Dao này có tên là Mán Sơn Đầu.

Mỗi người đàn ông Dao đều phải qua lễ lập tịch

(cấp sắc). Có qua lễ lập tịnh này người đó mới được công nhận và được cấp âm binh. Còn người nào chưa qua lễ lập tịnh thì khi chết là không được về Dương Châu, tức đất tổ của người Dao!

Về nghề nghiệp thì ngoài nghề săn bắt, hái lượm trước đây và trong những năm sau Cách mạng tháng Tám thành công người Dao đã dần dần định canh, định cư, quen dần tập quán mới. Họ cùng với người Kinh sản xuất nông nghiệp, họ còn thạo nghề làm giấy và hầu như gia đình nào cũng làm giấy. Họ dùng rơm rạ, vỏ cây dó, cây dương, cây tre, cây nứa sắn quanh vùng nhà ở để làm giấy. Về chất lượng giấy thì thường là giấy mỏng, dai và ăn mực.

Các nhóm người Dao đều có tiếng nói và chữ viết riêng. Về chữ viết thì người Dao có loại chữ Hán biến thể. Vốn sẵn chữ viết và kỹ thuật làm giấy người Dao thường có các quyển gia phả dày, các loại sách lịch sử, văn học, sách cúng, sách hát v.v... Người Dao ở Sơn La còn có loại di sản văn hoá vật thể quý là các bản tranh thờ trên giấy dó được họ lưu giữ trân trọng.

Đối với trang phục của người phụ nữ Mông cũng

ở tỉnh Sơn La thì chủ yếu thể hiện trên các mô típ hoa văn và màu sắc. Về hoa văn thì được trang trí ở váy, ở cổ áo, tay áo và tạp dề của váy. Hoa văn được tạo bằng ba phương pháp là thêu, ghép vải và được vẽ bằng sáp ong. Về kỹ thuật thêu thì ở mặt trái các mô típ hoa văn sẽ hiện ra ở mặt phải thêu bằng cách luồn sợi, đếm sợi thành đường kim, mũi chỉ là phải thật chính xác vì nếu sai lệch một chút là các mô típ hoa văn sẽ bị hỏng.

Về chỉ thêu phải là sợi tơ tằm, sợi chỉ phải là loại sợi to mới làm nổi rõ hoa văn vừa bền, vừa đẹp. Theo truyền thống của người Mông thì ở trang phục phải thể hiện sự may mắn trong cuộc sống nên cần có những mảng hoa văn rực rỡ được họ tạo ra bằng dấu nhân (x) với các sợi chỉ thêu có nhiều màu sắc đẹp.

Nói chung bằng ba phương pháp kỹ thuật thêu, ghép vải và in sáp ong, người phụ nữ Mông tạo được những nét độc đáo trên bộ trang phục của họ. Hoa văn thì chủ yếu là hoa văn hình học, hoa bí, hoa dưa, hình con ốc núi... Nét tài hoa của người phụ nữ Mông ở Sơn La là họ không sử dụng các

mẫu hoa văn vẽ sẵn mà chủ yếu là họ dùng trí tưởng tượng của mình để sáng tạo ra các loại hoa văn trên trang phục của mình bằng cách nhìn khái quát.

Trên đây là chỉ dẫn chứng một số nét về di sản văn hoá phi vật thể của một số bộ tộc để tạo thành các hiện vật, sản phẩm thường dùng trong cuộc sống hằng ngày của họ. Những hiện vật, sản phẩm đa dạng của các bộ tộc hiện có trong các chuyến du lịch, các loại hình du lịch nông thôn, làng bản, các loại hình du lịch sinh thái, nghiên cứu... đều là những tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng mà ngành du lịch của Việt Nam cần khai thác nhằm tạo cơ hội cho các du khách có thêm cách nhìn đối với con người Việt Nam. Đó là một yếu tố sinh thái quan trọng trong các yếu tố sinh thái trên thế giới.

Thường các làng bản của bà con người miền núi nằm ở rải rác xa theo các triền đồi, núi; có nơi đường sá còn rất khó khăn. Tuy vậy ở những bản tập trung gần huyện lỵ, trung tâm thị xã, thị tứ v.v... hiện nay đường sá giao thông đi lại được tu sửa, nâng cấp thuận tiện, điều kiện về thông tin, liên lạc,

văn hoá, vui chơi giải trí, chợ búa ở nhiều nơi đã được Nhà nước đầu tư xây dựng nên loại hình du lịch làng, bản đã được triển khai ở những điểm nói trên phát triển. Sau đây xin giới thiệu một số điểm du lịch làng, bản ở một số vùng.

Bản Lác ở Mai Châu tỉnh Hoà Bình từ năm 1994-1995 đã hưởng ứng loại hình du lịch làng, bản. Đến đầu năm 2003 ở bản này đã có trên 20 hộ đăng ký đón khách nghỉ, trong đó có hộ tiếp đón số khách quốc tế đông như các hộ số 1, 6, 8, 9 và 10, trong số này các hộ số 6 và số 9 là các nhà nghỉ đầu tiên thực hiện dịch vụ du lịch kiểu làng, bản tương đối được du khách mến mộ.

Nói chung theo yêu cầu của khách du lịch ở bản Lác có ba đội văn nghệ bán chuyên nghiệp thay nhau diễn, tiếng đàn, tiếng khèn hoà nhịp tiếng hát êm dịu cùng các điệu nhảy rộn rã bên bếp lửa hồng khoan nhặt càng làm cho du khách thêm ấm lòng, thoải mái trong tour du lịch làng, bản đầm ấm, thân tình.

Cùng với loại hình du lịch sinh thái làng bản thể hiện ở các nghề dân làng, bản người Thái vừa hát

hay, vừa múa đẹp, Ở đây lại có các cảnh quan sinh thái hữu tình càng làm cho du khách gắn bó một cách chân tình và các dịch vụ thuận tiện về ăn, nghỉ làm cho du khách hài lòng.

Ngoài khu du lịch bản Lác ở huyện Mai Châu thuộc tỉnh Hoà Bình, từ năm 2002 đến nay về hình thức du lịch cộng đồng đã có thêm các khu du lịch bản Pắc Ngòi ở tỉnh Bắc Kạn; bản Sín Chải ở huyện Sa-Pa, tỉnh Lào Cai; khu du lịch suối Voi ở huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên - Huế; khu du lịch ở Vườn quốc gia Cúc Phương tỉnh Ninh Bình v.v...

Thực ra du lịch cộng đồng chính là loại hình du lịch làng, bản. Đây là một hoạt động du lịch có tính chất xã hội hoá về tổ chức và quản lý du lịch đầy triển vọng. Tuy là loại hình du lịch mới, qua thực tiễn có thể thấy được những kết quả như sau:

- Thêm một loại hình du lịch làm phong phú tính xã hội hoá của hoạt động du lịch vốn là ngành kinh tế có đặc điểm kinh tế - xã hội sẵn có thể thu hút các tầng lớp dân cư của cộng đồng tham gia.

- Thực sự tạo thêm công việc làm và từ đó tăng

được thu nhập của cư dân, thực sự góp phần xoá đói giảm nghèo ở những địa bàn, tuyến du lịch.

- Thực sự bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần hạn chế để khắc phục tình hình ô nhiễm môi trường sinh thái, bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

Điều cần lưu ý là vấn đề đào tạo năng lực tổ chức và quản lý để người dân có kiến thức cần thiết và hạn chế các hoạt động xâm hại đến thuần phong mỹ tục, xâm hại đối với môi trường sinh thái.

Lạc Dương cách thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng khoảng 26 km về hướng Tây - Bắc hiện trở thành một điểm du lịch mà mấy năm gần đây du khách tìm đến vốn là một làng du lịch có phong cảnh thiên nhiên đẹp. Thường du khách đi bộ qua những đồi trọc xuyên suốt khu rừng thông đẹp lên đỉnh núi Lang Biang đã trở thành vùng núi huyền thoại từ những năm của thế kỷ trước. Đêm đến du khách thưởng thức các điệu múa dân tộc của người Lạc quanh đồng lửa hồng và uống rượu cần. Những điệu múa dân tộc do thiếu nữ người Lạc trình diễn có điệu công chiêng của các vị bô lão trong làng phụ hoạ làm

ấm trong thêm giọng ca thanh thoát của các thiếu nữ giữa đêm rừng Lang Biang mát và thoáng đăng.

Trong loại hình du lịch làng, bản nói trên còn có loại hình du lịch làng nghề cũng sớm được hình thành. Qua các chuyến du lịch làng nghề đã thể hiện một cách có hiệu quả tiềm năng của du lịch Việt Nam. Một số thành phố và một số tỉnh có số làng nghề truyền thống từ nhiều thế kỷ như thủ đô Hà Nội, thành phố Nam Định, Cố đô Huế... Các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Dương, Nam Định, Hà Tây, Hoà Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hải Dương, Hà Tĩnh, Hoà Bình... từ những năm 1994-1995 đã sớm tổ chức các tour du lịch mới nói trên đối với các đoàn du khách quốc tế và du khách nội địa có kết quả.

Hầu hết các làng nghề truyền thống từ vài trăm năm đã dày công tra cứu tài liệu lịch sử để tìm ông tổ và dựng đền thờ tôn kính là những di sản văn hoá quý.

Quả thật du khách qua các tour du lịch nói trên có thêm hiểu biết về truyền thống của nghìn làng nghề, trong đó có gần vài trăm làng nghề truyền

thống của Việt Nam và mua sắm một số quà lưu niệm. Về phía các làng nghề và ngành Du lịch nói chung cho đến những năm gần đây cũng chưa có điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng đường sá, dịch vụ, vệ sinh môi trường, nghỉ ngơi đối với du khách, kể cả các hoạt động kết hợp về các lễ hội đúng dịp có các tour du lịch của du khách.

Về mặt đầu tư cần có sự kết hợp từ nhiều phía để các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất có điều kiện nâng cao tay nghề, sản phẩm làm ra đạt chất lượng tốt vừa bảo đảm uy tín đối với ngành nghề, vừa có thể kết hợp một số hoạt động văn hoá đặc trưng của từng làng, từng vùng để du khách có điều kiện tìm hiểu truyền thống văn hoá, tập tục của địa phương v.v... Lợi thế vốn có của các làng nghề truyền thống của Việt Nam là có thể phát huy thuận tiện về xuất khẩu tại chỗ, tăng nguồn thu của dân cư góp phần cải thiện đời sống của người dân địa phương một cách đúng đắn.

VII. CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH KHÁC

Ngoài các loại hình du lịch nêu trên còn có một số loại hình du lịch khác được đề cập tới ở một số

tài liệu nhất định như du lịch nghiên cứu, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm v.v...

Về loại hình du lịch nghiên cứu là loại hình tổ chức trao đổi văn hoá kết hợp các chuyến tham gia nghiên cứu của du khách quốc tế, kể cả sinh viên, học sinh tạo điều kiện tìm hiểu về đất nước, về các yếu tố sinh thái trong đó có con người Việt Nam và nền văn hoá của Việt Nam. Các hoạt động du lịch này nếu kết hợp khéo có tác dụng giáo dục mối tình hữu nghị quốc tế lành mạnh. Có lần được dịp gặp một số người Ý, Pháp, Canada, các du khách quốc tế đã thổ lộ cảm tưởng chân tình như sau: "Việt Nam quả là một đất nước giàu về tài nguyên du lịch như tài nguyên tự nhiên, tài nguyên con người, tài nguyên truyền thống lịch sử, trong đó các bạn có nhiều tập tục nhân văn quý. Qua chuyến du lịch lần đầu ở Việt Nam chúng tôi chưa đi được nhiều, nhưng chúng tôi cảm nhận trong quá trình giao tiếp hàng ngày cũng như trong các buổi hướng dẫn tham quan chúng tôi biết thêm được nhiều về đất nước, về con người Việt Nam khiêm tốn, năng động, nghị lực và chân thật. Chỉ tiếc là Việt Nam chưa có đầy đủ các

sách, báo để giới thiệu rộng rãi giúp người nước ngoài hiểu biết về Việt Nam nhiều hơn".

Loại hình du lịch nghỉ dưỡng dựa vào các điểm tài nguyên du lịch tự nhiên sẵn có của Việt Nam ở hầu hết các vùng núi rừng, biển đảo, văn hoá vật thể và phi vật thể v.v... Thường du khách trong tuyến du lịch nếu có điều kiện thì họ sẵn sàng đi du lịch kết hợp thời gian nghỉ dưỡng và như vậy thời gian họ cần lưu trú có thể kéo dài thêm. Theo con số của ngành du lịch Việt Nam thì năm 2000 đã có trên 11 triệu lượt khách nội địa và số du khách nghỉ dưỡng chiếm khoảng một phần ba. Số du khách quốc tế có khoảng 1.138.000 lượt người thì khoảng hơn một nửa là đi nghỉ phép và nghỉ dưỡng.

Loại hình du lịch mạo hiểm là loại hình mà du khách kết hợp các chương trình mạo hiểm mềm dẻo như du lịch dã ngoại⁽¹⁾, lặn biển, leo núi, chèo thuyền buồm hoặc các hoạt động ngoài trời trên một khoảng vùng rộng như trên bãi cát có bóng cây rợp mát, trên vùng đầm phá hấp dẫn...

(1) Trekking.

Loại hình du lịch thương mại là loại hình du lịch mà các thương gia nước ngoài trong những chuyến công tác thương mại đến Việt Nam đã kết hợp thực hiện một số chuyến du lịch nhất định. Tuy hiện nay Việt Nam chưa thực sự có một nền ngoại thương phát triển, nhưng hằng năm rất nhiều khách thương gia nước ngoài đã đến Việt Nam vì mục đích kinh doanh hay hợp tác phát triển và đầu tư. Nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ⁽¹⁾, nhiều chương trình tài trợ đang hoạt động ở Việt Nam nên thường có khách quốc tế nghỉ ngắn ngày hoặc dài ngày v.v..., vì vậy mà loại hình du lịch thương mại thường không phải là ít. Đặc biệt là từ khi chúng ta thực hiện mở cửa với bên ngoài các khách là thương gia từ các nước trong khu vực như Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Lào và các nước vùng Đông Nam Á kể cả các nước ở xa như Pháp, Mỹ v.v... đến Việt Nam ngày càng đông hơn. Theo số liệu thống kê thì năm 2000 số khách là thương gia chiếm gần 20% trong tổng số lượng khách đến Việt Nam, bằng

(1) NGO.

419.000 lượt khách. Họ sử dụng những tiện nghi, dịch vụ như các khách sạn lớn, các nhà hàng có chất lượng ở các thành phố lớn, các điểm du lịch nổi tiếng với thời gian lưu trú vào các kỳ nghỉ cuối tuần, trong thời gian nghỉ dưỡng v.v... Đôi khi còn có cả gia đình họ đi cùng.

Loại hình du lịch nội địa thường là khách du lịch nghỉ ở gia đình người thân hoặc bạn bè của họ như bà con Việt kiều hàng năm vào dịp Tết Nguyên đán hoặc ngày giỗ tổ về thăm quê hương rồi kết hợp những chuyến đi du lịch do họ tự tổ chức bằng việc sử dụng giao thông công cộng hoặc sử dụng phương tiện của họ. Đến nay chưa có con số thống kê đầy đủ về lượng lượt khách du lịch này, nhưng quả là một thị trường du lịch khá lớn.

*CHƯƠNG IV***LOẠI HÌNH DU LỊCH SINH THÁI**

Trong chương các loại hình du lịch ở Việt Nam có loại hình du lịch biển - đảo, loại hình du lịch núi - rừng, loại hình du lịch đô thị, loại hình du lịch văn hoá ở các di sản lịch sử, các làng bản bộ tộc, các làng nghề truyền thống, loại hình du lịch mạo hiểm, loại hình du lịch sinh thái. Ở chương này trình bày cụ thể về loại hình du lịch sinh thái.

Từ sau những năm 1990-1991 ở một số nước đã phát triển dần loại hình du lịch sinh thái như ở các nước Úc, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Pháp, Thụy Điển, Đan Mạch v.v... Ở Việt Nam loại hình du lịch sinh thái này tuy có muộn hơn như từ những năm 1995-1996 mới được bắt đầu ở một số thành phố, tỉnh như thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế, thủ đô Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, ở Nha Trang, Bình Thuận v.v... nhưng

loại hình này luôn được chú ý tới. Và trong kế hoạch từ năm 2001 đến năm 2010 nhiều nơi đã có quy hoạch mở rộng loại hình du lịch sinh thái này.

Loại hình du lịch sinh thái cũng là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên như một số loại hình du lịch truyền thống từ trước của các nước và của Việt Nam, song nó có một số đặc trưng phù hợp với tình hình hiện đại.

Loại hình du lịch sinh thái về thực chất là loại hình có quy mô không lớn, nhưng có tác dụng hoà nhập với môi trường tự nhiên ở điểm du lịch, khu du lịch và nền văn hoá ở đó. Chính loại hình du lịch này cũng là một loại hình du lịch bền vững mà hiện nay Tổ chức Du lịch thế giới đã khẳng định đối với các hoạt động du lịch nhằm vừa đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách cùng người dân ở vùng có du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng v.v... đồng thời chú trọng việc tôn tạo nhằm bảo tồn các nguồn tài nguyên du lịch để có điều kiện phát triển hoạt động của du lịch trong tương lai.

Loại hình du lịch sinh thái có nhiệm vụ:

- Bảo tồn tài nguyên của môi trường tự nhiên.

- Bảo đảm đối với du khách về các đặc điểm của môi trường tự nhiên mà họ đang chiêm ngưỡng.

- Thu hút tích cực sự tham gia của cộng đồng người dân bản địa trong việc quản lý bảo vệ và phát triển du lịch đang triển khai thực hiện trong điểm du lịch, khu du lịch v.v...

Qua các yêu cầu nhiệm vụ đề ra nói trên loại hình du lịch sinh thái vừa bảo đảm sự hài lòng đối với du khách ở mức độ cao để tạo lập sự hấp dẫn đối với họ, đồng thời qua du khách quảng bá uy tín của điểm du lịch, khu du lịch. Từ đó ngành du lịch có điều kiện bảo đảm và nâng cao hiệu quả của hoạt động du lịch và cũng là cơ hội tăng thu nhập từ hoạt động du lịch đối với các nhóm cư dân trong cộng đồng địa phương, cũng tức là có điều kiện thuận lợi về xã hội hoá thu nhập từ du lịch.

Cho đến nay vẫn chưa có sự xác định hoàn hảo về loại hình du lịch sinh thái. Loại hình du lịch này quả vẫn còn mới mẻ, mặc dầu những năm 1997-1998 Tổ chức Du lịch thế giới và Liên Hợp Quốc đã nêu một số quan điểm chuyển mạnh sang loại hình du lịch sinh thái phù hợp với điều kiện mới của sự phát triển du lịch.

Một số nhà khoa học về du lịch cũng đã khẳng định các loại hình du lịch sinh thái như sau:

- Du lịch xanh, du lịch dã ngoại.
- Du lịch nhảy cảm, du thuyền trên sông, hồ, trên biển...
- Du lịch thiên nhiên, tham quan miệt vườn, làng bản...
- Du lịch môi trường.
- Du lịch thám hiểm, mạo hiểm, lặn biển, thăm hang động...

Từ những năm 1985-1990, đặc biệt là sau năm 1990 khoa học sinh thái được chấp nhận khá rộng rãi trên thế giới và cũng từ khoa học sinh thái trở thành một lĩnh vực khoa học có giá trị nên nhiều ngành kinh tế - xã hội có ý thức vận dụng những lý thuyết cơ bản của sinh thái học. Ngành du lịch thế giới từ sau cuộc Hội nghị về Trái đất ở Ri-ô đê Gia-nây-rô ở Bê-nê-dinh năm 1992 đã thực sự vận dụng sinh thái học dưới mục tiêu sự phát triển bền vững.

Việc tổ chức và điều hành loại hình du lịch sinh thái như thế nào để có thể:

- Bảo tồn môi trường tự nhiên mà du lịch đang sử dụng.

- Nâng ý thức của du khách để họ nhận rõ đặc điểm của môi trường tự nhiên trong khi du khách đang hoà mình vào đó.

- Động viên trách nhiệm của cư dân ở điểm du lịch, khu vực du lịch có trách nhiệm quản lý bảo vệ và phát triển du lịch nhằm bảo đảm sự bền vững của môi trường du lịch và thiết thực tạo được lợi ích lâu dài.

Nói chung du lịch sinh thái là loại hình du lịch vừa dựa vào những hình thức truyền thống sẵn có, nhưng có sự hoà nhập vào môi trường tự nhiên và nền văn hoá bản địa, du khách có thêm những nhận thức về đặc điểm của môi trường tự nhiên, về những nét đặc thù vốn có của nền văn hoá của điểm, vùng, khu du lịch và có phần trách nhiệm tự giác để không xảy ra những tổn thất, xâm hại đối với môi trường tự nhiên và nền văn hoá sở tại. Còn về quy mô của loại hình du lịch sinh thái thì tùy khả năng, điều kiện biện pháp tổ chức của nhà quản lý hoạt động du lịch, có thể dần dần từ quy mô khiêm tốn để phát triển rộng rãi.

Trong vùng du lịch phía Bắc và Bắc Trung Bộ có điều kiện hình thành tuyến du lịch sinh thái phía Đông Bắc từ thành phố Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Kạn - Lạng Sơn - Cao Bằng phong phú và đa dạng về các yếu tố sinh thái vốn có của đất nước. Chiều dài của tuyến du lịch khá thuận tiện về đường bộ những năm gần đây nhiều đường sá đã được nâng cấp hoàn chỉnh như đường quốc lộ mới, đường 32 v.v... Về mặt lưu trú của du khách cũng có các khách sạn, các tiện nghi hiện đại. Nhiều tổ chức lữ hành, phục vụ thông tin liên lạc, quảng bá v.v... các sở du lịch các công ty kinh doanh du lịch kể cả các làng, bản, nhân dân địa phương trên tuyến du lịch đã có kinh nghiệm tốt bảo đảm niềm tin, gây được cảm tình đối với du khách. Tuyến du lịch có thể tổ chức dài ngày từ 4 đến 5 ngày đối với toàn tuyến, cố nhiên có thể tùy theo yêu cầu của du khách mà có thể phân thành một số tuyến nhất định.

Đầu tiên có thể kể đến tour du lịch Hà Nội - Bắc Ninh. Tour du lịch này có thể tổ chức một ngày hoặc gần một ngày. Bắc Ninh là địa danh Kinh Bắc trước đây của Việt Nam. Du khách được hướng dẫn

tham quan đền thờ Lý triều bát đế⁽¹⁾ ở xã Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn cách Hà Nội trên 20 km. Cùng với hệ thống đền thờ tám vị vua nhà Lý (1010-1225) du khách được hướng dẫn tham quan các ngôi mộ bình dân khiêm tốn của các vị vua của triều đại lớn này:

1. Ngôi mộ của vua Lý Thái Tổ.
2. Ngôi mộ của vua Lý Thái Tông.
3. Ngôi mộ của vua Lý Thánh Tông.
4. Ngôi mộ của vua Lý Nhân Tông.
5. Ngôi mộ của vua Lý Thần Tông.
6. Ngôi mộ của vua Lý Anh Tông.
7. Ngôi mộ của vua Lý Cao Tông.
8. Ngôi mộ của vua Lý Huệ Tông.
9. Ngôi mộ của vua Lý Thánh Mẫu.
10. Ngôi mộ của vua Lý Chiêu Hoàng.
11. Ngôi mộ của Nguyên Phi Ỗ Lan.

(1) Tám vị vua triều nhà Lý.

12. Ngôi mộ của Lý Khánh Vân.

13. Ngôi mộ Cô Tiên.

Những ngôi mộ trên đều ở khu vực đền Đô (Đình Bảng) gồm các ngôi mộ của triều vua nhà Lý cùng các thân tộc của triều đại này. Khu đền Đô còn có đền chùa như:

- Chùa Cổ pháp là nơi tu hành của các vị thiền sư Vạn Hạnh, Khánh Vân...

- Chùa Dâu là nơi tu hành của sư Lý Khánh Vân. Theo truyền thuyết chính nơi này Lý Thánh Mẫu sinh ra Lý Công Uẩn và được sư Lý Khánh Vân nuôi dưỡng từ lúc còn nhỏ.

Chùa Tiên Sơn được xây trên sườn núi Tiên Sơn cách xã Đình Bảng 5km về phía Đông-Bắc, là nơi tu hành của sư Vạn Hạnh.

- Chùa Tam Sơn được xây trên đỉnh núi Tam Sơn, nay thuộc xã Tam Sơn.

- Đền Rổng là nơi thờ Lý Chiêu Hoàng.

Điều đáng mừng là những năm gần đây nhiều tỉnh, thành trong nước đã hưởng ứng tích cực loại hình du lịch sinh thái. Loại hình du lịch này bước

đầu đã được chú ý đầu tư để thu hút nhiều khách tham gia, đồng thời hình thành và phát huy chất lượng phục vụ của các tour du lịch làm cho du khách thấy thoải mái, chủ động.

Sở Du lịch tỉnh Hà Tây đã mở thêm các tour du lịch sinh thái vườn lồng ghép các tour du lịch làng nghề như vườn sinh thái ở Chương Mỹ, ở Thường Tín, khu du lịch sinh thái Song Phương, trang trại sinh thái Vân Canh ở Hoài Đức, vườn cò Ngọc Nhị ở Ba Vì v.v...

Ở Khánh Hoà cũng mở các tour du lịch mới đưa du khách đến khu vực Đầm Môn, bãi tắm Xuân Hùng ở vịnh Văn Phong v.v... các du khách bơi thuyền trên vịnh, thăm một số bãi biển gần như nguyên sơ, thăm làng Hà Đăng từ nhiều năm còn cách biệt với đất liền, thưởng ngoạn Dốc Lết, tắm suối nước nóng Tháp Bà v.v...

Huyện Sa Pa nằm sâu trong rìa Tây-Nam sườn áp cao lục địa lạnh khô vẫn là huyện từ khi ra đời được coi là vùng khí hậu ôn đới đặc biệt của Việt Nam. Đây là điểm du lịch sinh thái rất hấp dẫn đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

Trong vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ phải kể đến tiểu vùng (hoặc khu vực) du lịch Cần Thơ có các yếu tố sinh thái đặc trưng mà các tỉnh trong vùng này khó hội đủ. Tỉnh này là vùng đất màu mỡ của đồng bằng sông Cửu Long, nên ngay từ thời còn thuộc Pháp người dân Nam Bộ đã mệnh danh Cần Thơ là Tây Đô. Ở đây chính quyền thực dân đã bố trí đầy đủ quyền lực để củng cố địa vị độc tôn của họ về mặt chính trị - hành chính; còn về kinh tế - xã hội cũng sớm phát triển. Là tâm điểm thu hút nhà buôn, nhà đầu tư, nhà khoa học, nhà văn hoá do các yếu tố sinh thái đa dạng của Cần Thơ vốn sẵn ưu thế về địa lý, về giao thông, về thương mại, cả về du lịch nữa.

Riêng về địa lý tự nhiên ở đây là hàng trăm dòng kênh, dòng rạch trên hàng ngàn ki-lô-mét chằng chịt bồi đắp phù sa màu mỡ của sông Hậu cho các cánh đồng rộng bảo đảm năng suất cây lúa của miền Nam. Các khu vườn cây trái theo mùa vụ trĩu quả, đậm đà hương vị riêng biệt như bưởi, ổi, chôm chôm, quýt đường, cam sành, sầu riêng, xoài cát, đu đủ, măng cụt, mận, nhãn v.v... Cùng các khu vườn

nhà của các hộ dân cư nông trường Sông Hậu trên diện tích 7.000 ha vừa gieo trồng các giống lúa mới đạt năng suất cao, có chất lượng, các dòng rạch với hai bờ xanh cây bạch đàn và các loại cây ăn quả cùng các ao cá, tôm, các chuồng lợn v.v... nổi tiếng về mô hình kinh tế sinh thái độc đáo "Ruộng, vườn, ao chuồng" tiêu biểu v. v...

Sự hấp dẫn về du lịch sinh thái của vùng Cần Thơ làm cho du khách trong các tua du lịch cùng với việc tham quan các yếu tố kinh tế - xã hội đa dạng phong phú đã tăng liên tục từ năm 2000 góp phần vào số doanh thu của ngành du lịch của Việt Nam.

Từ năm 2002 ở Củ Chi thuộc thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu đón du khách đến nghỉ mát ở khu du lịch thuộc xã Nhuận Đức trên diện tích rộng đến 180 ha gồm 3 khu vực: một khu du lịch 25 ha gồm nhà lưu niệm, vườn hoa, khu vui chơi trên nước, khu các bộ tộc Bana, Chơ Ro, Mường, khu nhà hàng v. v... Khu thứ hai có các trại gia cầm, trại cá gồm 19 ao với diện tích khoảng 20.000 m² nuôi trên 100.000 vịt anh đào, có diện tích riêng nuôi cá

rô phi, cá chép... Khu thứ ba rộng trên 100 ha trồng thuần loại cây giống nhập từ Đài Loan là cây Ma-li-ba-lu có gốc từ Nam Mỹ được mệnh danh là cây phát tài để xuất khẩu. Khu này do công ty trách nhiệm hữu hạn Phô-ta-cô đã đầu tư với số vốn đến 10 triệu đôla Mỹ.

Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh quan tâm đầu tư loại hình du lịch sinh thái trong kế hoạch 5 năm 2001-2005, trong đó có quy hoạch tổng thể phát triển du lịch sinh thái Cần Giờ, chuẩn bị xây dựng một cầu cảng du lịch tại Bình Thung ở quận VII để phát triển du lịch bằng đường biển và đường sông, tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Tây - Bắc thành phố cùng với dự án hình thành khu phố văn hoá - dịch vụ - du lịch người Hoa ở quận V. Đồng thời trong kế hoạch 2001-2010 nhằm phát triển loại hình du lịch sinh thái - mô hình rất cần thiết, các nhà quản lý du lịch ở thành phố Hồ Chí Minh còn liên kết mật thiết với một số tỉnh như Quảng Nam, Bình Thuận, Tây Nguyên v.v... để thu hút du khách thực hiện các "tour" du lịch sinh thái.

Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 19 km về phía bắc thuộc phường Tân Phú ở quận IX Khu du lịch Suối Tiên có diện tích khoảng 100 hecta từ năm 1999 đã trở thành một điểm hẹn du lịch mới ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Vốn là một nơi hoang dã có một dòng suối nhỏ chảy qua từ nhiều năm trước đó mãi đến cuối năm 1995 các nhà quản lý của Công ty xuất nhập khẩu lâm sản, mỹ nghệ, thương mại và du lịch Suối Tiên đã nhìn thấy triển vọng rõ ràng của khu Suối Tiên về phát triển du lịch nên đã thống nhất mạnh dạn hợp tác đầu tư thành điểm du lịch sinh thái.

Ở điểm này có công trình như Đền Vua Hùng, cổng Thần Tiên, Cầu Kiệu, cung Kỳ Lân, Giếng Mỹ Nương v.v... là những cảnh quan nghệ thuật gợi cho du khách về truyền thống hào hùng của dân tộc Việt Nam. Gần đây có khu vui chơi giải trí cùng với hệ thống cáp treo từ trên cao nhìn xuống thấy rõ các công trình long - lân - quy - phụng nên khu Suối Tiên được người đương thời gọi là vùng đất Tứ Linh.

Trong năm 2002 công trình biển Tiên Đồng bao bọc cả dãy núi gọi là Giả Sơn cùng những di

tích văn hoá sinh thái là núi Lạc Long Quân đối diện với núi Âu Lạc v.v... Phía bên trong các dãy Giã Sơn có những hang động mô phỏng các hang động như Phong Nha, Nam Thiên đệ nhất động v.v... Khi du khách leo đến bậc đá cuối cùng ở núi Lạc Long Quân là nhìn thấy cảnh quan bát ngát của thành phố Hồ Chí Minh.

Ở làng du lịch nghỉ mát Xi-va tại Mũi Né ở Phan Thiết do công ty du lịch Thanh Niên thành phố Hồ Chí Minh và công ty lương thực tỉnh Bình Thuận đã đầu tư trên diện tích ở bãi Mũi Né sát biển dưới các hàng phi lao thoáng mát cùng gió biển gồm các nhà nghỉ bằng bê tông kết hợp các loại vật liệu dân tộc như gỗ, mây, tre, dừa, trang trí phù điêu bằng thạch cao, bằng gạch theo phong cách cổ truyền bộ tộc Chăm-pa. Trong các tháng đầu năm 2003 này các nhà quản lý làng nghỉ mát Xi-va lần lượt tổ chức các chuyến du lịch cho du khách dạo chơi bằng ca-nô, đánh bắt hải sản, tham quan tìm hiểu các hòn đảo gần kề, thăm làng thổ cẩm, làng gốm Chăm. Các tiết mục múa Chăm có trình diễn các nhạc cụ Chăm làm cho

du khách có dịp thuận tiện tìm hiểu thưởng thức các nét văn hoá đặc sắc của bộ tộc Chăm v.v...

Ở huyện Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hoà cũng đang triển khai các dự án phát triển loại hình du lịch sinh thái như dự án khu du lịch sinh thái Bãi Dài, dự án khu du lịch sinh thái thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn du lịch - địa ốc Hồng Hà, khu du lịch Cam Ranh thế kỷ thứ XXI. Ở vịnh Văn Phong du khách thường bơi thuyền thăm các bãi biển gần như nguyên sơ, thăm làng Hà Đăng từ nhiều năm vẫn còn cách biệt với đất liền, thưởng ngoạn Dốc Lết, tắm suối nước nóng Tháp Bà...

Cùng với các hang động như đã liệt kê điển hình ở một số nơi trong hệ sinh thái rừng - núi - hang động của Việt Nam có trên 400 suối nước nóng được xác định là phương tiện quý đối với loại hình du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh như suối nước nóng Kim Bôi ở tỉnh Hoà Bình, suối nước nóng Kênh Gà ở tỉnh Ninh Bình, suối nước nóng Hội Vân ở tỉnh Bình Định v.v... Đồng thời không ít vùng còn có nhiều thác nước mát nổi tiếng như thác Mơ nằm giữa khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hang cách thị xã

Tuyên Quang 100 km tạo nên một cảnh quan hấp dẫn; thác Bản Giốc ở huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng trên dòng sông Quây Sơn chảy vòng quanh lãnh thổ Việt Nam đến xã Đàm Thuỷ và từ độ cao trên 30m dòng nước trắng xoá đổ xuống qua các bậc đá vôi. Ở tỉnh Bắc Kạn có thác Đầu Đẳng cách hồ Ba Bể khoảng 3 km. Ở tỉnh Nghệ An có thác Khe Kẽm trong khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát thuộc huyện Côn Cường. Ở tỉnh Gia Lai có thác Xung Khoeng thuộc huyện Chư Pờ Rông. Ở tỉnh Đắk Lắk có thác Drây Sáp. Ở tỉnh Lâm Đồng có thác Prenn, thác Pong Gua, thác Đam-bờ Ri, thác Cam Ly, thác Đan Ta La, thác Gou Gah v.v... cũng cách thành phố Đà Lạt chừng 7 km về phía Đông-Bắc từ thời thuộc Pháp có thung lũng khá đẹp do một số du khách nước này đã đặt tên là Thung Lũng Tình Yêu⁽¹⁾ có một cảnh hồ rộng chừng 6 ha với cái tên là hồ Đa Thiện được du khách, đặc biệt là giới trẻ thường đến ngắm cảnh đẹp.

Cùng với các loại tài nguyên du lịch tự nhiên Việt

(1) Vallée d'amour.

Nam còn có nhiều di sản văn hoá lịch sử cổ đại, hiện đại quý mà các loại hình du lịch cần khai thác để phát triển du lịch. Lịch sử lâu đời của đất nước cho thấy trước khi có nhà nước khoảng 2000-4000 năm những người tiền sử đã sống, hái lượm, lao động sản xuất, phát triển tập quán, phong tục và để lại những di chỉ có giá trị. Tiếp theo các thế hệ liên tục vừa xây dựng nền kinh tế, phát triển đời sống vật chất và tinh thần, không ngừng đấu tranh bảo vệ nền độc lập của đất nước làm cho các di sản văn hoá phát triển vừa đa dạng, vừa độc đáo. Kho tàng tài nguyên du lịch về di sản văn hoá phi vật thể và những tài nguyên văn hoá đương đại nói chung quả là lớn góp phần tạo thêm cơ sở vật chất ổn định để ngành du lịch có điều kiện khai thác, bảo tồn nhằm góp phần tích cực, có hiệu quả vào sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Về các loại tài nguyên cụ thể sẽ được giới thiệu thêm ở các phần có liên quan trong các chương sau của bộ sách.

Tính ra trong cả nước từ miền xuôi đến miền ngược có đến hàng ngàn tục lễ hội đậm đà tính chất truyền thống xã hội - nhân văn biểu hiện rõ tình cảm quý giá đối với các nhân vật tiền sử, tiền bối,

những anh hùng, liệt sĩ có công nhưng nói chung đều ghi nhớ những đóng góp vô giá của các tiền nhân lịch sử và là những di sản văn hoá phi vật thể mà 54 dân tộc anh em Việt Nam rất tự hào.

Các lễ hội đều thường diễn ra vào các tháng đầu năm âm lịch; có lễ hội kéo dài qua nhiều ngày. Nếu đúng dịp diễn ra lễ hội mà có các đoàn du khách trong các tour du lịch thì quả là cơ hội hiếm có đối với họ. Các du khách có thể hoà nhịp cùng lễ hội, tận mắt nhìn thấy những điều diễn ra, nghe rõ những giọng hát chân thành, êm dịu, cùng tham gia các điệu múa v.v... là chắc chắn khi về họ mãi nhớ những buổi hội ngộ lắng đọng đối với họ.

Trước hết, xin nêu một số nét về lễ hội *Lim* được diễn ra thường vào tháng 2 âm lịch của 49 làng quan họ Kinh Bắc tổ chức trên đồi *Lim* thuộc huyện Tiên Du của tỉnh Bắc Ninh. Sau đám rước của làng Nội Duệ, đến phần khai mạc về chương trình biểu diễn "Về Kinh Bắc" của đoàn nghệ thuật dân ca quan họ Bắc Ninh là đến hội xuân với các cuộc giao lưu, đối đáp quan họ trên đồi, trên thuyền, trong sân đình, sân chùa của các liên

anh, liền chị từ các làng quan họ đến; sau đó đến các trò chơi vui như đánh đu, vật, cờ người, thi dệt vải Nội Duệ...

Hằng năm đến ngày mồng 10 tháng 2 âm lịch ở đền thờ Chủ Đồng tử - Tiên Dung thuộc huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên nhân dân tổ chức lễ hội tung bồng tưởng nhớ "thánh bất tử" Chủ Đồng Tử - Tiên Dung.

Lễ hội mở đầu bằng nghi lễ rước nước từ sông hồng về đền Hoá Dạ Trạch. Con rồng vàng uy nghi lượn theo nhịp trống phách đi đầu đến đoàn người rước kiệu gần hai hàng là các bà, các chị mặc áo xiêm dài có màu sắc. Trên chiếc kiệu đầu người ta đặt chiếc gậy, đến bát bửu, Kiệu thánh rồi đến các đoàn người theo sau. Khi đến đền thờ người ta cử hành lễ dâng hương dẫn đầu là một cụ già và một bà cụ cao tuổi, theo sau là các cô đội mâm nhang, oản, quả đặt lên bàn thờ. Các em gái 13-14 tuổi múa sinh tiền trước bàn thờ.

Cùng với lễ hội người dân tổ chức các trò chơi dân gian như chơi gà, bịt mắt bắt dê, kéo co, múa rồng, múa sư tử, cờ người, đu quay v.v... Đồng thời

các tiết mục văn nghệ như quan họ, ca trù, trống quân cũng được tổ chức xen kẽ cùng với các môn thể thao: cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn v.v...

Từ năm 1999 đến nay lễ hội Chử Đồng tử - Tiên Dung ở huyện Khoái Châu trở thành điểm du lịch sinh thái văn hoá hấp dẫn trong chương trình các tuyến du lịch truyền thống của tỉnh Hưng Yên mở đầu ở đền thờ Chử Đồng Tử trong quần thể kiến trúc lịch sử văn hoá cách Hà Nội khoảng 20 km về phía Nam ven sông Hồng.

Như đã trình bày Việt Nam có 54 bộ tộc anh em, mỗi bộ tộc có nền văn hoá lâu đời, đặc sắc, như ở Tây Nguyên các dân tộc Gia Lai, Ba Na, Xê Đăng, Ê Đê, M'Nông, Mạ v.v... có lễ hội, phong tục, đặc biệt là nền âm nhạc với các loại nhạc cụ độc đáo, trong đó có loại nhạc cụ công chiêng nổi tiếng. Công chiêng có từ lâu đời cho đến nay vừa được xem là một di sản văn hoá vật thể dùng theo bộ, theo dàn và tùy theo từng tộc người như người Ê Đê thì phối hợp bộ 6 chiêng 3 công, 9 chiêng và có khi dùng riêng rẽ v.v... Các tộc người sử dụng công chiêng với nghi thức phong tục trong các lễ hội và

thường là họ kết hợp nhảy múa, cũng có khi được sử dụng vào lúc tiếp đón khách xa, vui chơi. Trong mỗi bộ công chiêng từng chiếc công, từng chiếc chiêng có tên gọi riêng tùy theo kích cỡ, màu sắc, âm thanh kể cả tùy chúng năng trong âm nhạc nữa. Trong dàn nhạc có nhạc cụ chính, có nhạc cụ phụ họa, thường là công thì đảm nhiệm phần đệm, giữ nhịp và chiêng lại tấn giai điệu. Cũng có tộc người lại còn sử dụng cả chũm chọe, hoặc quanh mặt trống còn gắn thêm cả một số lục lạc, chuông đồng nhằm hoà âm rôm rả, hoà nhịp một cách đều luyện, hấp dẫn.

Đồng bào miền núi ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam có nhiều lễ hội phong tục, trong đó có thể nêu một số lễ hội tiêu biểu mà cho đến nay đã được các du khách du lịch có cảm tưởng trân trọng. Cụ thể là:

1. Lễ hội Lồng Tồng (xuống đồng) của người Tày ở tỉnh Hà Giang, của người Tày ở tỉnh Lào Cai.
2. Lễ hội cầu mưa của người Hà Nhì ở tỉnh Lào Cai.

3. Lễ tết cơm mới của người La Trí ở tỉnh Hà Giang.

4. Lễ hội Pày Tái, tết rằm tháng bảy của người Tày Nùng ở tỉnh Cao Bằng.

5. Lễ hội Then cầu an giải hạn của người Tày ở tỉnh Lạng Sơn.

6. Lễ hội lập tịch và làm ma khô của người Dao Họ ở tỉnh Lào Cai.

7. Lễ hội Mỡi của người Mường ở tỉnh Hoà Bình.

Về nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm là một kho báu di sản phi vật thể hiếm và quý. Các du khách khi đến tham quan, nghiên cứu khu di sản văn hoá thế giới Mỹ Sơn sẽ được hấp dẫn bằng các phế tích về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm Pa cổ và nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm, nếu hành trình du lịch của họ còn tiếp đến tỉnh Ninh Thuận thì quả kho báu văn hoá dân gian của người Chăm, đặc biệt là nghệ thuật ca múa nhạc của người Chăm sẽ để lại những ấn tượng khó phai đối với họ.

Cho đến đầu thế kỷ thứ XXI số người Chăm ở

Việt Nam chỉ có trên 80.000 người, nhưng có gần 60.000 người sống tập trung ở tỉnh Ninh Thuận. Trên 20.000 người Chăm sống rải rác ở các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, An Giang và thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ cuộc sống quần cư lâu đời trên địa bàn Ninh Thuận nên các sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng, nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm được bảo lưu và phát triển. Cùng với di sản văn hoá vật thể và kiến trúc, điêu khắc được đánh giá nổi trội ở Đông Nam Á có tầm cỡ thế giới thì nghệ thuật ca múa nhạc dân gian Chăm, chuyện cổ dân gian, tục ngữ, ca dao, câu đố, dân ca, nhạc lễ, dân vũ kết quện với hệ thống nhạc cụ đa dạng thường hấp dẫn du khách, trong đó có các du khách quốc tế.

Một đặc điểm nữa là có loại nhạc cụ ở các bộ tộc Tây Nguyên được chế tác bằng tre, nứa và có loại lại kết tác bằng vỏ bầu. Dây đàn có vùng được chế tác bằng dây thảo mộc, cây cật tre. Du khách đến vùng bộ tộc M'Nông, Ê Đê thì thấy loại nhạc cụ đơn giản là Đing-buột-pi là một ống rạ được cắt làm ba lỗ thành sáo thổi thánh thót, êm tai và khi ống rạ

này héo thì lại thay bằng ống rạ khác và cứ thế người phụ nữ Ê Đê, M'Nông thổi một cách quen thuộc. Còn ống tiêu, ống sáo đều bằng ống nứa được người ta khoét lỗ bấm. Loại đàn K'rông-pút là ống nứa dài hoặc ngắn khi dùng hai bàn tay vỗ nhẹ làm cho gió lùa vào các ống thành tiếng êm dịu, thánh thót. Còn loại nhạc cụ khác là Đing-tút mà phụ nữ Ê-Đê hay dùng là loại nhạc cụ gồm 6 ống nứa tạo thành 6 âm thanh do 5 người thổi.

Có nhiều loại đàn, mà nổi tiếng là đàn Tờ-Rưng vốn được tạo giản đơn bằng 4 đến 6 khúc gỗ hoặc một số ống nứa liên kết thành đàn bằng dây và người Ê Đê gõ nhịp; cứ mỗi khúc là một nốt nhạc với hình thức chế tác có khác nhau mà thôi. Đàn môi là loại nhạc cụ bằng một mảnh tre mỏng được cắt chéo hình lưỡi gà. Khèn lại gồm ống nứa nhỏ được gắn lưỡi gà và cắm vào vỏ bầu khô được miết nhựa cây hoặc bằng sáp ong. Đàn Gong được chế tạo từ một gióng tre, gióng nứa, gióng lồ ô mà đơn giản là chỉ tách khéo trên mặt ống bằng mấy sợi cật nhỏ và mỏng rồi kê căng thành dây để gảy.

Một phát hiện đáng kể là người các bộ tộc ở Tây

Nguyên đã phát hiện sớm loại đàn đá được gọi là thạch cầm của người cổ xưa để lại. Mỗi bộ đàn gồm một số thanh đá ngắn dài có khác nhau nhằm tạo được âm thanh ứng với các nốt nhạc khác nhau khi gảy. Theo một số già làng thì loại thạch cầm chính là một cổ vật thiêng liêng được người dân trang trọng.

Điều rất rõ là các cư dân ở các tỉnh Tây Nguyên vốn không có điều kiện để học nhạc lý, nhưng không nói người lớn tuổi, mà ngay những thanh thiếu niên đã nhờ truyền thống về nhạc, múa cổ truyền của từng bộ tộc, tự hào xứng đáng với truyền thống tinh thần không thể thiếu được trong đời sống bình thường. Họ không những thừa kế những di sản văn hoá phi vật thể có kết hợp tốt với các di sản văn hoá vật thể để lưu truyền và cải tiến hơn trước theo ý thức tiến bộ. Các loại nhạc cụ vốn có nhiều loại được nam giới sử dụng và có loại là riêng của nữ giới.

Với các loại nhạc cụ, âm nhạc khác nhau của từng bộ tộc không chỉ hấp dẫn đối với loại hình du lịch truyền thống, mà nền âm nhạc đa dạng, dân

dã, huyền diệu chính là sự hấp dẫn đối với loại hình du lịch sinh thái ở các làng, bản. Vì vậy nó cần được xúc tiến trong những năm tới để tìm hiểu, trân trọng, hoà nhập vào vùng văn hoá tinh cảm độc đáo, đa dạng.

Khác với nghệ thuật sử dụng công chiêng của các bộ tộc Ê Đê, Giê Triêng, Mạ v.v... ở Tây Nguyên, bộ tộc Thái ở miền Tây tỉnh Nghệ An đã sớm có kinh nghiệm về đúc chiêng trống và bằng chính đôi tay của mình, họ đã tạo nên những âm thanh du dương, thánh thót đối với người nghe. Bộ trống chiêng của người Thái ở vùng này gồm có năm chiếc là một trống và bốn chiêng. Theo sự xác nhận của nhiều nhà khảo cổ học thì đúc chiêng vốn là một công việc công phu, đòi hỏi phải có tay nghề lão luyện, đặc biệt là ở khâu đúc rốn chiêng. Bộ phận rốn chiêng có âm thanh rền vang, thánh thót hay không chính là ở bộ phận này của chiêng. Kinh nghiệm là khi đúc chiêng cùng với các chất liệu sẵn có người ta còn pha thêm vàng làm cho âm thanh có thể đạt độ vang xa. Khi luyện đồng, vàng cùng một số kim loại

khác đổ vào khuôn đúc người thợ thường rất công phu để không bị một sự sai sót nhỏ về kỹ thuật làm cho âm thanh của chiêng bị vỡ.

Đến khâu làm trống tuy có đơn giản nhưng người thợ phải rất cẩn thận trong việc lựa chọn nguyên liệu. Thường là tang trống họ chọn thân cây gỗ mọc ở vách núi đá có độ dẻo dai cao. Người Thái thường lấy nguyên một thân cây gỗ khoét rỗng mà không phải dùng các mảnh gỗ được ghép lại. Theo phong tục của người Thái là trước khi đốn cây gỗ được họ chọn để làm tang trống, họ giết một con trâu đực để tế thần. Sau đó thì họ lấy da con trâu để làm mặt trống. Còn dùi trống thì làm bằng loại gỗ xộp, mềm, dẻo, thường là từ cây chân vịt để khi đánh trống thì tiếng trống mới âm và vang. Khi đánh vào trống thì âm thanh sẽ vang xa dồn dập làm cho người nghe như được mời gọi, thúc giục rộn rã. Trường hợp đối với đám tang thì người Thái chỉ sử dụng bộ âm thanh gồm 3 chiêng và 1 trống. Như vậy chiếc chiêng không được sử dụng trong cuộc tang là chiếc chiêng có âm thanh cao thánh thót vang xa. Khi thiếu chiếc chiêng này thì không

khí lạng trầm buồn phù hợp với môi trường có người khuất núi đau thương, ly biệt.

Truyền thống của người Thái ở vùng Tây Nghệ An ngoài việc dùng trống, chiêng trong lễ hội và ma chay còn được dùng vào cho buổi lễ tế tự khác trong đời sống của mình để có thể bày tỏ nỗi lòng thành kính của họ đối với thần linh. Từ đó không phải tự dưng lúc nào cũng có thể nổi trống, nổi chiêng một cách tùy tiện được, cho nên họ coi như một sự cấm kỵ không để làm kinh động đến thần linh, đến hồn bản mường của họ.

*CHƯƠNG V***VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
CỦA DU LỊCH**

Từ sau năm 1991, đặc biệt từ năm 1996 đến nay ngành du lịch vừa phát triển về tổ chức, vừa tăng thêm nguồn nhân lực phục vụ hoạt động của ngành mình. Trong nguồn nhân lực ngoài số người lao động trực tiếp hoạt động ở các khách sạn, nhà hàng của các công ty du lịch, các công ty lữ hành và cán bộ quản lý của Tổng công ty du lịch và các Sở Du lịch, các Sở Thương mại - Du lịch ở các tỉnh, có một số đáng kể lao động gián tiếp ở các ngành kinh tế khác như ngành giao thông, ngành nông nghiệp, hải sản, thủ công mỹ nghệ, văn hoá - thông tin v.v... Cho đến nay chưa có số liệu điều tra chính thức đầy đủ về nguồn nhân lực của ngành Du lịch. Điều rất rõ là vào những năm đầu hình thành tổ chức hoạt động du lịch vừa chưa có kinh nghiệm,

vừa do cơ chế quản lý tách bạch giữa tổ chức của Nhà nước với tư nhân, nên có những địa phương đã biểu hiện sự hạn chế, gò ép không muốn người dân tham gia hoạt động du lịch.

Theo kế hoạch phát triển của du lịch đến năm 2005 và 2010 và sau nữa, rõ ràng ngành du lịch cần số lượng lao động trực tiếp lớn và trong quá trình xã hội hoá hoạt động du lịch, số lao động gián tiếp ở các ngành có liên quan cũng nhất định tăng thêm, đặc biệt là khi ngành du lịch triển khai mạnh các loại hình du lịch đô thị làng, bản, biển, đảo, núi rừng, du lịch sinh thái v.v...

Phát huy lợi thế của bản thân ngành Du lịch bằng quy hoạch tổ chức xã hội hoá và quản lý của mình ngành vừa tăng trưởng bền vững, có những đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời vừa tạo thêm công việc làm cho người lao động có liên quan đến dịch vụ của ngành mình, góp phần xoá đói giảm nghèo bằng một chính sách đúng đắn, hợp lý của Đảng và của Nhà nước. Mặt khác phát triển ngành Du lịch sẽ góp phần vào việc tăng cường tình hữu nghị thăm thiết

trong mối quan hệ quốc tế một cách thực sự với các nước.

Điều nổi rõ là hoạt động của ngành du lịch phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người, cho nên việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phải đạt yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, về kỹ năng giao tiếp đối với các nhóm khách du lịch rất khác nhau đến từ các vùng, các nước của thế giới. Yêu cầu về ngoại ngữ, về tập quán của từng nhóm du khách có sự khác nhau. Kỹ năng giao tiếp lịch sự, thân mật làm vừa lòng khách là yêu cầu, điều kiện đối với nhân viên du lịch để gây được sự tin nhiệm không những chỉ đối với khách quốc tế, mà cả đối với khách nội địa ở các vùng trong nước với những tập tục đối xử khác biệt nhau. Điều quan trọng là phải làm sao để khi du khách kết thúc các "tour" du lịch trở về họ luôn giữ được ấn tượng tốt. Trong những năm phát triển của ngành du lịch có những công ty du lịch, tour du lịch, điểm du lịch v.v... được du khách mến mộ thực sự, nhưng đã có không ít nơi bộc lộ những yếu kém, thậm chí kém văn hoá, lễ độ. Điều này đã thể hiện những thiếu

sót đáng ra có thể khắc phục được của ngành du lịch.

Vấn đề đào tạo lại đội ngũ lao động nói chung của ngành du lịch cũng là vấn đề cần thiết. Tính đến năm 2003 trong số 15 vạn người trực tiếp mới có 30% người qua đào tạo và khoảng 7% có trình độ đại học. Số người qua các trường dạy nghề còn thấp, đặc biệt là đối với một số người được chuyển từ các ngành khác sang ngành du lịch vừa yếu về giao tiếp, vừa yếu về ngoại ngữ v.v...

Theo dự tính đến năm 2010 ngành Du lịch Việt Nam sẽ có 130.000 phòng khách sạn thì cần có trên 550.000 người lao động, trong đó khoảng 33.000 cán bộ quản lý, chưa kể một số cán bộ phụ trách giám sát v.v... và số lao động lành nghề khác. Hiện nay hầu như các trường đại học kinh tế, xã hội nhân văn, các trường cao đẳng... có khoa kinh tế du lịch - khách sạn hoặc bộ môn chuyên ngành du lịch và có trên 20 trường trung học chuyên nghiệp và trung tâm dạy nghề chuyên nghiệp du lịch. Tính ra hàng năm mới có khoảng 3.000 - 3200 người được

đào tạo. Như vậy quy mô đào tạo nguồn nhân lực còn thấp, chất lượng chưa đều, cơ cấu chưa hợp lý, thiếu cán bộ lữ hành, lễ tân, tiếp thị, hướng dẫn du lịch, kể cả người phục vụ về khách sạn, nấu ăn có tay nghề.

Về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập trừ một số trường vốn có sẵn như trường Đại học Xã hội nhân văn, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Ngoại thương và một số trường cao đẳng, nói chung về giáo trình, tài liệu tham khảo v.v... chưa được đầu tư biên soạn hoàn chỉnh, còn có tình trạng dựa vào chương trình của nước ngoài. Đội ngũ giáo viên thiếu về chất lượng, về kinh nghiệm đào tạo, nhất là đối với lĩnh vực quản lý và hướng dẫn viên du lịch.

Từ những năm cuối thế kỷ thứ XX ngành Giáo dục - đào tạo và Tổng cục Du lịch đã quan tâm đào tạo nguồn nhân lực của ngành du lịch có trình độ kiến thức cao đáp ứng tổ chức và quản lý các doanh nghiệp, công ty lữ hành, khách sạn v.v... Các trường này đã phối hợp với Sở Du lịch Hà Nội mở các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

ngắn hạn 2 tháng, 4 tháng, 6 tháng cho các cán bộ đang công tác trong ngành Du lịch.

Trong những năm tới Bộ Giáo dục và đào tạo cùng Tổng cục Du lịch cần phối hợp trình Quốc hội và Chính phủ cho phép mở một trường đại học Du lịch để đáp ứng nhu cầu về nhân lực đối với ngành du lịch đồng thời có thể phục vụ đào tạo nhân lực cho một số nước trong khu vực có triển vọng phát triển du lịch nữa. Trường đại học Du lịch có thể tổ chức trên địa bàn vùng du lịch trọng điểm như Quảng Ninh hoặc Nha Trang hoặc Bà Rịa - Vũng Tàu ở vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ...

Nhìn chung việc đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành Du lịch đã có sự đóng góp của một số trường đại học, nhưng những cơ sở đào tạo chính vẫn là các Trường trung học nghiệp vụ du lịch của Tổng cục Du lịch ở Hà Nội, Huế, Vũng Tàu và trường trung học nghiệp vụ Du lịch - Khách sạn ở thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn. Ở một số tỉnh, thành phố khác cũng có một số Trường trung học nghiệp vụ du lịch. Tính

đến năm 2002 trong tổng số 13.500 học sinh được các trường nói trên đang đào tạo thì đã có 6.000 người được các cơ sở kinh doanh du lịch tiếp nhận công tác.

Có thể nêu một số vấn đề cần khắc phục trong chính sách đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành Du lịch như sau:

- Những người được đào tạo chuyên ngành này còn bị hạn chế về hoạt động của ngành du lịch trong hoàn cảnh kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ như kỹ năng lễ tân, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng phục vụ thông tin...

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các trường kể cả các trường đại học thường nặng về lý thuyết, còn thiếu nhiều kiến thức thực tế trong việc xây dựng quy hoạch, tính toán hiệu quả kinh tế, đánh giá tác động của môi trường văn hoá - xã hội, tiếp thị... để bảo đảm sự phát triển bền vững của ngành Du lịch. Hiện nay Đảng và Nhà nước đã có chiến lược tạo sự phát triển của ngành từ năm 2001 đến năm 2010, Tổng cục Du lịch Việt Nam

có sự hỗ trợ đáng kể về đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực của các tổ chức quốc tế kể cả các tổ chức phi chính phủ và một số nước từ những năm 1995. Về các dự án song phương như giữa Việt Nam với Xingapo, Lúc-xăm-bua, Thái Lan, Pháp, Bỉ, Đức, Nhật, về dự án hỗ trợ đa phương như giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu, giữa Việt Nam với Hiệp hội Đông Nam Á v.v... Các dự án hỗ trợ nói trên đã thực sự giúp cho ngành du lịch của Việt Nam có điều kiện tăng cường các cơ sở vật chất đối với các trường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ giảng dạy, mở thêm các khoá đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý kinh doanh du lịch ở các công ty, doanh nghiệp v.v...

Đồng thời bản thân ngành Du lịch Việt Nam cũng đang xúc tiến một số chương trình về các lĩnh vực như: thực hiện một số khoá bồi dưỡng về sản xuất và bán hàng thủ công mỹ nghệ ở một số thành phố lớn; mở một số khoá bồi dưỡng cán bộ quản lý du lịch ở các tỉnh, các vùng du lịch, các doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức đúng đắn

về vấn đề khai thác - bảo tồn tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái để du lịch phát triển bền vững; thực hiện các chương trình truyền hình, truyền thanh v.v... nhằm tăng cường nhận thức của các cộng đồng về du lịch, thực sự động viên, thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư ở các điểm, khu... có hoạt động du lịch vừa bảo đảm an ninh, vệ sinh thực phẩm, bảo vệ cây xanh, vệ sinh môi trường v.v...

Để đáp ứng sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành Du lịch ngoài các trường đại học và cao đẳng trong cả nước, từ tháng 7 năm 1972 trường Du lịch Việt Nam mà hiện nay là trường Trung học nghiệp vụ Du lịch Hà Nội đã được thành lập. Trường có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nhân viên kỹ thuật phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn và hướng dẫn viên, điều hành quản lý du lịch.

Quá trình xây dựng của trường ngoài số nhân lực tốt nghiệp ra, hàng năm trường cũng dần dần trang bị cơ sở giảng dạy, học tập theo tiêu chuẩn quốc tế gồm các phòng học lý luận, phòng thực

hành, phòng học ngoại ngữ, phòng vi tính, thư viện cùng các cơ sở phục vụ thể dục, thể thao. Trường đã có quan hệ hợp tác với một số học viện du lịch, trung tâm đào tạo du lịch và khách sạn của các nước Xingapo, Bỉ, Trung Quốc...

Về hệ trung học và hệ dạy nghề trường Trung học nghiệp vụ Du lịch Hà Nội đã có giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ dạy và học. Nếu trước năm 2001 trường đào tạo bốn chuyên ngành thì từ năm 2002 trường đã có năm chuyên ngành trung cấp, năm chuyên ngành hệ 1 năm và một số chương trình đào tạo nghề v.v... Tính đến năm 2002 đã có trên 30.000 cán bộ, công nhân viên của ngành Du lịch được nhà trường đào tạo và bồi dưỡng. Khoảng 85% số học sinh ra trường đã có việc làm ổn định. Cùng với kết quả đào tạo, bồi dưỡng nói trên trường Trung học nghiệp vụ Du lịch Hà Nội còn thực hiện một số công trình nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy cùng một số nhiệm vụ mà Tổng công ty Du lịch giao cho trường, trong đó có hai đề tài cấp ngành được bảo vệ thành công.

.CHƯƠNG VI

**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ
CỦA KINH TẾ DU LỊCH**

Nói chung hoạt động của ngành du lịch vốn có tính chất xã hội hoá cao, vì vậy trong công tác tổ chức và quản lý cần thể hiện tính chất đó một cách khoa học. Trong điều kiện hiện nay tính chất xã hội hoá cao trong tổ chức và quản lý của hoạt động du lịch vừa không đối lập về tính thống nhất quản lý kinh tế nói chung của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, vừa tạo thêm những điều kiện cần thiết để hoạt động của ngành Du lịch phát triển đúng hướng thu hút các thành viên của cộng đồng tham gia hoạt động du lịch.

Qua pháp lệnh về du lịch được ban hành vào năm 1999 đã khẳng định định hướng đúng đắn nói trên ở chỗ xác định cơ quan chính trong việc lựa chọn các điểm du lịch và bảo vệ chất lượng của môi

trường là các cấp chính quyền ở tất cả các tỉnh và thành phố trong nước. Tính chất xã hội hoá về tổ chức và quản lý du lịch không mâu thuẫn gì về cơ cấu tổ chức của Tổng cục du lịch, của các Sở Du lịch, Sở Thương mại - du lịch ở tỉnh, thành phố kể cả sự phối hợp giữa các bộ, ngành ở cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố, cùng giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các doanh nghiệp du lịch v.v...

Điều rất rõ đối với Việt Nam là tính đa dạng sinh học trong từng vùng có những đặc điểm riêng do các yếu tố sinh thái gắn với đặc điểm môi trường ở từng vùng. Vì vậy đối với hoạt động của du lịch để phát triển bền vững cần lưu ý vấn đề này để khai thác, tận dụng có hiệu quả các yếu tố sinh thái ở từng vùng. Trong quy hoạch đối với vùng lớn đã rõ, mà ngay các vùng nhỏ hoặc các khu du lịch, điểm du lịch v.v... nhất thiết không cào bằng về các yếu tố sinh thái mới xác định được đúng đắn tính đa dạng sinh học.

Đối với vùng du lịch lớn như vùng đồng bằng sông Hồng có thể thấy rõ diện tích vùng đất có hạn

do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp từ hàng ngàn năm về yếu tố sinh thái tự nhiên ở các tiểu vùng trong vùng đồng bằng sông Hồng đã có những đặc trưng vốn có nhiều ít khác nhau; còn các yếu tố sinh thái nhân tạo, nhất là các di sản văn hoá phi vật thể có những nét không giống nhau rõ rệt. Nhìn về các vùng như Tam Đảo, Ba Vì, Tam Cốc, Bích Động, Xuân Thuỷ, Tiên Hải v.v... các loài động vật, thực vật có những nét riêng biệt.

Ở vùng du lịch lớn thứ hai là vùng đồng bằng sông Cửu Long kể cả vùng Đông Nam Bộ và vùng Tây Nam Bộ rất đa dạng sinh học về động, thực vật v.v. .. Hoặc vùng Đông - Bắc, vùng Tây - Bắc, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Tây Nguyên v.v... nếu nhìn về yếu tố sinh thái là hệ sinh vật thì điều lưu ý nói trên vẫn là vấn đề cần cân nhắc.

Trong điều kiện nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú và tính đa dạng sinh học cao trong các hệ sinh thái đó đòi hỏi sự phát triển của ngành Du lịch phải bền vững.

Hoạt động của ngành du lịch có tính chất liên ngành nên sự phối hợp giữa các ngành có liên quan

là cần thiết mới bảo đảm sự phát triển bền vững của bản thân ngành Du lịch. Điều này qua mấy năm cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI các bộ - ngành đã nhận thức rõ.

Về tổ chức nhà nước thì hiện nay có 14 thành phố và tỉnh có Sở Du lịch; một số tỉnh khác thì có Sở Thương mại - Du lịch. Bốn thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh có Sở Du lịch. Các địa phương có các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh. Tính đến giữa năm 2003 đã có một số doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá như Công ty cổ phần Ao Vua của Sở Du lịch Hà Tây, Công ty cổ phần Phú Gia, Khách sạn Sài Gòn... Điều cần thiết đặt ra là giữa các doanh nghiệp nói trên phải có sự liên kết, hợp tác với nhau và các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần thực hiện sự phối hợp giữa các cấp với các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp du lịch.

Tính đến năm 2002 ngành Du lịch của Việt Nam có trên 100 doanh nghiệp điều hành được

cấp giấy phép phục vụ du khách quốc tế. Những doanh nghiệp này chủ yếu ở những khu vực đô thị sau đây:

Tên địa phương	Số lượng doanh nghiệp
Thủ đô Hà Nội	32
Thành phố Hồ Chí Minh	19
Thành phố Hải Phòng	5
Thành phố Đà Nẵng	3
Thành phố Vũng Tàu	3
Thành phố Huế	2
Tỉnh Quảng Ninh	7
Các tỉnh khác	30
Liên doanh	8

Số doanh nghiệp được cấp giấy phép phục vụ khách nội địa là 250 công ty ở rải rác các tỉnh, thị trấn v.v... Ở nhiều nơi có các hàng quán, cơ sở

ngủ trọ và một số nhà hàng phục vụ khách du lịch ít tiền hoặc làm đại lý cho các doanh nghiệp điều hành lớn ở các đô thị lớn.

Trong các doanh nghiệp điều hành lớn nói trên có một số công ty nhà nước hoặc của thành phố, tỉnh. Đã có một số công ty được cổ phần hoá, một số công ty có các văn phòng ở các trung tâm du lịch chính đồng thời đã thực hiện hoạt động liên doanh rộng ra ở các địa phương khác. Có thể khẳng định đã có một số đơn vị hoạt động kém hiệu quả đang bị thua lỗ chưa khẳng định được rõ hướng phát triển.

Trong công tác tổ chức điểm, khu du lịch, các tour du lịch cần khắc phục tư tưởng hẹp hòi chỉ quan tâm đến lợi ích cục bộ gây ảnh hưởng đến lợi ích chung của ngành du lịch. Tình hình này đã từng xảy ra và đang diễn biến phức tạp.

Kinh nghiệm tốt ở một số nơi là trong khi hoạch định về tổ chức phát triển điểm, khu du lịch người ta mở rộng phạm vi có thể có các điểm du lịch nhỏ gần điểm, khu du lịch hấp dẫn chính. Quả thật du khách thường muốn đến điểm, khu du lịch hấp dẫn

chính trong tour du lịch mà mình lựa chọn, song ở gần khu, điểm du lịch chính lại có những điểm du lịch nhỏ nhưng không kém hấp dẫn sẵn có những yếu tố sinh thái như làng, bản có nghề truyền thống đặc thù, thác nước đẹp, di tích văn hoá nổi tiếng (đền, chùa, lăng, miếu, nhà thờ đầy vẻ kiến trúc v.v...) lại thuận tiện về giao thông, về cơ sở dịch vụ là họ có thể sẵn sàng dành thêm thời gian để đến thăm quan. Tâm lý du khách một lần đến điểm, khu du lịch nhất định là họ sẵn sàng tìm hiểu những vùng lân cận để kết hợp trong chuyến du lịch tham quan, văn cảnh, mà họ khó có thể có dịp đến lại được. Làm được như vậy rõ ràng các cơ sở dịch vụ hoặc các điểm du lịch lân cận có cơ hội đóng góp phần mình vào ngành du lịch nói chung của địa phương và của đất nước. Đương nhiên để thực sự góp phần vào việc phân phối thu nhập của hoạt động du lịch như đã nêu cần có sự hợp tác và sự giáo dục về trách nhiệm đối với các cơ sở dịch vụ, tránh những hiện tượng vì lợi ích riêng mà co kéo du khách làm phiền lòng họ và gây nên sự lộn xộn đến môi trường du lịch. Trong quá trình xã hội hoá tổ chức và quản lý du lịch đã có một số điển hình triển khai

tốt, có kết quả đáng hoan nghênh. Xin nêu điển hình tiêu biểu của năm du lịch Hạ Long 2003 làm ví dụ. Cảnh Di sản Vịnh Hạ Long đã được Tổ chức giáo dục - Khoa học và văn hoá của Liên Hợp Quốc chọn có các thôn Cửa Vạn, Vong Viêng, Ba Hang, Cặp Dè, Cống Tàu hình thành làng chài Cửa Vạn thuộc xã Hùng Thắng với trên 1.400 khẩu sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt hải sản ven bờ, đời sống chật vật có ảnh hưởng không ít đối với môi trường sinh thái du lịch của Vịnh Hạ Long. Để bảo vệ môi trường sinh thái du lịch của Vịnh Hạ Long, Chính phủ Nhà nước Việt Nam đã đề nghị Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc hỗ trợ xây dựng các dự án phát triển trung tâm văn hoá nổi làng chài Cửa Vạn thành một phần của Dự án bảo tồn sinh thái của Vịnh Hạ Long. Ngày 22 tháng 5 năm 2003 Đại sứ của Chính phủ Na Uy tại Việt Nam, văn phòng của Tổ chức Giáo dục - Khoa học và văn hoá của Liên Hợp Quốc và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ký thoả thuận viện trợ cho Việt Nam số tiền nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng cư dân Cửa Vạn tham gia giữ gìn di sản văn hoá và

phát triển kinh tế - xã hội trên Vịnh Hạ Long và các vùng lân cận.

Nội dung của dự án khiếm tốn nói trên gồm có: xây dựng trung tâm thuyết minh nổi kể làng chài Cửa Vạn tạo thành điểm tham quan chung đối với du khách đến Vịnh Hạ Long; xây dựng và xúc tiến chương trình giới thiệu những phong tục truyền thống, lễ hội cùng những bài hát của các ngư dân Giang Vĩng và Trúc Vĩng tạo điều kiện cho du khách hiểu được những nét văn hoá truyền thống của làng chài Cửa Vạn, đồng thời giáo dục, truyền thụ kinh nghiệm quản lý trung tâm văn hoá nhằm bảo tồn sinh thái. Như vậy trung tâm văn hoá nổi của Cửa Vạn tạo thêm một điểm tham quan lý thú mới đối với du khách đến Vịnh Hạ Long, đồng thời ngư dân làng chài Cửa Vạn ở đây có điều kiện nâng cao tri thức và đời sống của mình nữa.

Trong kế hoạch 2001 - 2005 tỉnh An Giang ở vùng du lịch Nam Bộ đang triển khai quy hoạch lại nhiều dự án du lịch nhằm phát huy các tiềm năng sẵn có về du lịch như những di tích lịch sử văn hoá, lễ hội truyền thống hấp dẫn: lăng Thoại Ngọc Hầu,

Lăng Ông, miếu Bà Chúa Xứ, Núi Cấm, Núi Tô, đồi Túc Dụp, rừng tràm... Khu du lịch Núi Sam có diện tích gần 300 ha có miếu Bà Chúa Xứ, chùa Ông... có dự án về đường vòng dài gần 3 km vòng quanh núi Sam; một con đường khác dài trên 2 km dẫn du khách đi thẳng lên núi qua khu khách sạn lớn, vườn Tao Ngộ và Pháo đài được nâng cấp và mở rộng; một số nhà nghỉ, khách sạn khang trang và một số nhà trọ của cư dân cộng đồng được xây dựng. Đồng thời nhằm xử lý nước mưa, nước thải, rác quanh khu vực chùa Bà với diện tích trên 10 ha và bảo đảm nước sinh hoạt thường xuyên, tỉnh đang thực hiện dự án đầu tư trên 2 triệu USD. Thường hàng năm vào dịp lễ hội Vía Bà đã xảy ra tình trạng quá tải về đi lại nên tỉnh đã đầu tư xây dựng một khu dân cư ở phía Bắc Miếu Bà và một con đường ở phía sau đó.

Còn ở khu du lịch Núi Cấm gồm 5 đồi, bảy đỉnh với độ cao trên 710 m được du khách khi đến An Giang rất muốn tham quan, văn cảnh "Đà Lạt của Đồng bằng sông Cửu Long". Diện tích của Khu du lịch Núi Cấm này có 4.000 ha cũng được quy hoạch

200 ha thi công một số công trình như đường lên Võ Thiên Tế trên núi với độ cao 470 m so với mặt nước biển; 150 ha dành cho các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hành hương, khu trưng bày di tích dân tộc, công viên trò chơi, hội nghị, khu bảo tồn ôn đới và nhiệt đới, khu trung tâm điều hành... Hồ chứa nước ngọt số 1 nằm giữa khu vực Chùa Phật Lớn với diện tích trên 20 m² đủ chứa trên 60.000 m³ nước để cung cấp cho 1.000 người dân và dự định tiếp tục thi công hồ số 2 có diện tích 164 ha có sức chứa đến 600.000 m³ nước.

Ở khu di tích văn hoá Óc Eo gồm khu du lịch Núi Sập - Thoại Sơn có sẵn các hồ nước lớn nhưng do tình hình khai thác đá nhiều năm qua, tỉnh An Giang đầu tư xây dựng 4 hồ nước quanh núi để hình thành khu du lịch có cảnh quan hữu tình, trong đó một hồ đã xây dựng xong, một con đường từ chân Núi Sập đến đỉnh núi Ba Thê vòng qua quần thể di tích Óc Eo, một thắng cảnh độc đáo về di tích văn hoá - lịch sử ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ trở thành điểm du lịch độc nhất ở vùng đồng bằng rộng lớn của đất nước.

Theo đồng chí Lê Minh Hùng, Giám đốc ban quản lý dự án du lịch An Giang, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc làm thủ tục xuất nhập cảnh cho du khách quốc tế theo luồng sông Mê Kông, ngành du lịch tiến hành dự án xây dựng tại Châu Đốc một cầu tàu du lịch trên sông với kinh phí khoảng 1 triệu USD. Với các dự án đầu tư và các loại hình du lịch, trong đó để thực hiện có kết quả loại hình du lịch sinh thái ngành du lịch An Giang sẽ phải từng bước xã hội hoá về tổ chức và quản lý du lịch mở rộng tới tận các cộng đồng dân cư của mình trong các kế hoạch năm năm sắp tới.

Cùng với An Giang và thành phố Hồ Chí Minh các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long như Cần Thơ, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau v.v... đã phối hợp xây dựng các cơ sở hạ tầng và triển khai loại hình du lịch miệt vườn trong điều kiện ưu thế về cảnh quan sông nước, hoa trái và đời khí hậu đặc thù nhất định sẵn có. Loại hình du lịch miệt vườn là một dạng của loại hình du lịch làng, bản đã giới thiệu trong chương các loại hình du lịch của Việt Nam.

Trong điều kiện Nhà nước mở rộng sự hợp tác về kinh doanh du lịch và Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Du lịch quốc tế thì trách nhiệm và uy tín của ngành Du lịch Việt Nam càng quan trọng.

Tính đến nay ngành du lịch Việt Nam đã ký được các hiệp định hợp tác du lịch song phương với 18 nước trên thế giới, đã mở rộng quan hệ hợp tác với Tổ chức Du lịch thế giới, với Hiệp hội du lịch châu Á - Thái Bình Dương⁽¹⁾. Ngành Du lịch Việt Nam còn tham gia hợp tác phát triển du lịch tiểu vùng sông Mê Kông được mở rộng nữa. Ngoài ra ngành du lịch Việt Nam đang chuẩn bị nội dung, lộ trình hợp tác trong Tổ chức Thương mại thế giới, Diễn đàn Kinh tế Á - Âu⁽²⁾, hợp tác với Liên minh châu Âu⁽³⁾ và một số nước về đào tạo nguồn nhân lực v.v...

Ngành cũng đã tranh thủ gần 20 triệu đô - la Mỹ

(1) PATA.

(2) APEC.

(3) EU.

về tài trợ quốc tế với 194 dự án đầu tư nước ngoài có số vốn 5 tỷ đô - la trong lĩnh vực du lịch.

Chương trình bảo tồn và phát triển vườn quốc gia Ba Bể và Khu bảo tồn tự nhiên Nà Hang ở tỉnh Bắc Kạn được thành lập trong dự án tạo dựng các khu bảo tồn tài nguyên⁽¹⁾ do Liên Hiệp quốc tài trợ với sự hợp tác của Vườn quốc gia Ba Bể và Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì dự án; Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới⁽²⁾ hỗ trợ về lĩnh vực quy hoạch.

Dự án tạo dựng các khu bảo tồn tài nguyên có nhiệm vụ gắn mục tiêu bảo tồn với mục tiêu cải thiện đời sống của người dân địa phương, tức quan tâm tới sự phát triển du lịch sinh thái. Dự án cũng nêu rõ là: chỉ có thể đạt được mục tiêu bảo tồn bền vững nếu thu hút được sự tham gia của cộng đồng địa phương, đồng thời gắn kết được sự hỗ trợ thực sự của những nội lực bảo tồn. Dự án được triển khai vào giữa năm 1999 và kết thúc vào cuối năm 2003.

(1) PARC.

(2) IUCN.

Từ sau năm 2000 giữa các thành phố và các tỉnh có khoảng cách gần và cả khoảng cách xa đã triển khai rộng rãi mối quan hệ hợp tác trong tổ chức và quản lý hoạt động các "tour", các tuyến du lịch. Ngành du lịch nói chung đã thấy tính chất xã hội hoá cao riêng có của lĩnh vực hoạt động này.

Đầu năm 2002 thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên thực hiện chương trình hợp tác du lịch mở đầu do Công ty du lịch và thương mại tổng hợp Thăng Long đã tổ chức chuyến du lịch phục vụ 100 du khách trên chuyến tàu Du lịch sông Hồng diễn ra trong một ngày, bắt đầu từ bến Chương Dương đến bến Yên Lệnh kết hợp thăm các di tích đền Đa Hoà, Dạ Trạch, đền Mẫu, đền Thiên Hậu, đền Trầm, chùa Chuông, Văn Miếu - Xích Đằng ở Hưng Yên. Tuyến du lịch này được thực hiện mỗi tuần hai chuyến.

Giữa thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh cũng bắt đầu tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15 NQ.TU về hợp tác giữa Hà Nội và các địa phương từ ngày 14 tháng 3 năm 2003 về cả trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các sản phẩm du lịch, mở

rộng các tour, tuyến du lịch mới như du lịch biển - đảo, 2 cuối tuần, du lịch di sản văn hoá, du lịch sinh thái..., trao đổi thông tin, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và tạo điều kiện đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch giữa Hà Nội và Quảng Ninh có bước phát triển mới.

Giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh như Khánh Hoà, Lâm Đồng, Đắk Lắk cũng đã hợp tác về du lịch bằng việc tổ chức các tour, các tuyến du lịch phục vụ du khách theo loại hình du lịch biển - đảo, núi - rừng với thời gian 4 ngày và 3 đêm v.v...

Một sự cố gắng đáng kể của ngành du lịch Việt Nam từ năm 2002 trong quan hệ hợp tác quốc tế về du lịch là việc xúc tiến quảng bá du lịch Việt Nam ở một số nước như Pháp, Thái Lan, Nhật Bản... bằng việc mở văn phòng xúc tiến du lịch và tổ chức quảng bá du lịch.

Các văn phòng cung cấp những thông tin cần thiết, tổ chức những chương trình tuyên truyền quảng bá du lịch, cung cấp một số tour du lịch từ các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí

Minh, Huế, Nha Trang; các di sản văn hoá thế giới như Vịnh Hạ Long, Hội An, Mỹ Sơn, Huế; các hang động độc đáo, đa dạng; các di sản văn hoá đặc sắc của Việt Nam qua các tài liệu đã được xuất bản, giới thiệu để các tổ chức, doanh nghiệp du lịch của một số nước chủ động lựa chọn. Đồng thời nếu các tổ chức doanh nghiệp, công ty du lịch ở những nước có quan hệ hợp tác cần tư vấn về các tuyến du lịch, các điểm du lịch v.v... chúng ta cũng sẵn sàng phục vụ một cách nhiệt tình, không gây những yêu sách để các mối quan hệ hợp tác quốc tế được bền vững.

Ngày 5 tháng 6 năm 2001 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nghị định số 27 ND-CP về kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch.

Theo nghị định trên tổ chức và cá nhân kinh doanh lữ hành nội địa phải hội đủ ba điều kiện như sau: có phương án kinh doanh du lịch, ký quỹ 50 triệu đồng, đăng ký kinh doanh lữ hành quốc tế thì phải hội đủ bốn điều kiện như sau: có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, ký quỹ 250 triệu đồng, đăng ký kinh doanh theo đúng quy

định của pháp luật, có ít nhất là 3 hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ.

Riêng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép kinh doanh lữ hành theo giấy phép do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp, có quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của nghị định này và các quyền và nghĩa vụ quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan.

Về điều kiện để một người được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch như sau: có quốc tịch Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự; không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng các chất gây nghiện; có bằng cử nhân trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng về hướng dẫn viên du lịch do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp; có bằng cử nhân ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ du lịch do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

Nghị định trên cũng nêu rõ như sau: các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đã có giấy phép, đã đăng ký kinh doanh **trước** ngày ban hành Nghị định số 27 ND-CP ngày 6 tháng 6 năm 2001 vẫn phải điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các điều kiện để hoạt

động theo đúng quy định của nghị định mới. Nghị định mới có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và những quy định trước đây trái với nghị định nói trên đều bãi bỏ.

Du lịch ở một số thành phố từ năm 2001 tăng hàng năm thể hiện công tác tổ chức các tua du lịch có những nét đổi mới và việc quản lý các khâu lễ hành, lưu trú, dịch vụ đạt kết quả. Các công ty lễ hành ở thành phố Hồ Chí Minh vào dịp tết Nguyên đán năm 2003 tăng đến 25% so với dịp tết năm 2002. Khách du lịch từ nước Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v... đến Việt Nam cũng đông, kể cả số người Việt Nam định cư ở nước ngoài đạt con số trên 110.000 người. Những khách sạn ở đây như Ma-giét-tích, Gờ-răng, Rếch⁽¹⁾ đạt công suất phòng cao từ 85 đến 90% v.v...

Thành phố Hải Phòng đã đầu tư nhiều cơ sở hạ tầng du lịch để tổ chức các tuyến du lịch như Gia Luận - Vườn quốc gia - thị trấn Cát Bà; nâng cấp cải tạo Vịnh Tùng Dinh; dự án cấp nước sạch cho

(1) Majestic, Gran, Rex.

Cát Bà; cải tạo mở rộng đường 353 Đồ Sơn, đường xuyên đảo Đình Vũ - Cát Bà; xây dựng cầu Bính, di tích Núi Voi - An Lão, khu du lịch lịch sử Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm - Vĩnh Bảo, khu giải trí nhà nghỉ Cát Cò 3, khách sạn, Giếng Ngọc v.v... Hải Phòng dự tính phấn đấu năm 2010 trong số 4,7 triệu lượt khách du lịch có 1,2 triệu lượt khách quốc tế trên cơ sở các loại hình du lịch biển - đảo, đô thị v.v..., đồng thời trong năm 2003 thành lập trường Nghiệp vụ du lịch vùng Đông - Bắc để đào tạo đội ngũ nhân lực du lịch.

Một số công ty du lịch lữ hành ở một số thành phố, tỉnh trong nước từ những năm 2000 đã có nhiều kinh nghiệm tổ chức quản lý tốt. Có thể nêu một số điển hình sau đây: Công ty dịch vụ lữ hành Saigon tourist ba năm qua liên tục được Tổng Công ty Du lịch Việt Nam xếp hàng đầu trong số 10 đơn vị lữ hành quốc tế do bản thân Công ty bảo đảm chất lượng dịch vụ tốt và liên tục tăng lợi nhuận. Công ty có trên 300 cán bộ, công nhân viên am hiểu nghiệp vụ bảo đảm chất lượng và đội xe gần 50 chiếc với 3 chi nhánh ở Đà Nẵng.

Quảng Ninh và Côn Đảo có thể sẵn sàng đón đưa 150.000 lượt khách quốc tế và 80.000 lượt khách nội địa hàng năm. Công ty bảo đảm tích cực vai trò của nhà điều hành các tour du lịch chuyên nghiệp của cả nước.

Ở thành phố Hà Nội Công ty du lịch Việt Nam được thành lập từ năm 1993. Trong những năm qua Công ty vẫn giữ được thế ổn định về phát triển và dịch vụ phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam cũng như phục vụ khách Việt Nam đi du lịch ở nước ngoài. Số lượng khách du lịch của công ty tăng 15% bình quân năm. Bài học thành công của công ty trong công tác tổ chức và quản lý nghiệp vụ là chú trọng nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tự giác của đội ngũ cán bộ, công nhân viên về mặt nghiệp vụ, bảo đảm uy tín của công ty, thực sự phối hợp hài hoà với các công ty và các điểm du lịch mà công ty có khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu v.v..., đặc biệt là những điểm thắng cảnh, làng bản bộ tộc kể cả những thành phố khác trong nước và ở nước ngoài như ở Trung Quốc, Thái Lan, Lào v.v...

Trong quá trình đầu tư tôn tạo hoặc xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch nói chung, đặc biệt từ sau năm 2000 ngành du lịch đã chú ý nhiều mặc dầu khả năng về nguồn vốn đầu tư có hạn. Ở tầm vĩ mô hàng năm Nhà nước có phân bổ một lượng vốn nhất định của ngân sách. Như tỉnh Lạng Sơn, một tỉnh có các di tích thắng cảnh nổi tiếng cần tôn tạo đã đầu tư sửa chữa nâng cấp đến 16 hạng mục công trình gồm có lầu Tô Thị, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, âm thanh, thông báo bằng tiếng Pháp, Anh, Trung Quốc..., hệ thống cửa tự động, quan sát giúp du khách tham quan, văn cảnh cả ngày lẫn đêm v.v... Sau khi các công trình nói trên được hoàn chỉnh điều kiện về cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được hiện đại hoá làm cho du khách yên tâm tham quan, nghỉ dưỡng.

Ở tỉnh Đắk Lắk riêng thành phố Buôn Ma Thuột có các dự án phát triển du lịch như dự án đầu tư xây dựng khu du lịch Đồi Thông - Hồ Chư Luê ở Đông - Bắc phường Khánh Xuân, dự án du lịch ở hồ Ea Kao, khu du lịch Hiệp Phúc, công viên nước ở phường Tân An v.v...

Các tỉnh khác như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tây, Hoà Bình, Sơn La, Hà Giang, Lào Cai v.v... đều có các dự án đầu tư có quy mô về du lịch cùng các ngành kinh tế khác để phát triển bền vững không tụt hậu và bảo đảm môi trường một cách chủ động.

Hoạt động du lịch hiện nay vẫn có sự tác động xấu đến môi trường. Sự ô nhiễm môi trường không phải chỉ có Việt Nam, mà là ở không ít nước, tuy hiện tượng ô nhiễm diễn ra có khác nhau. Sau đây xin nêu một số tình hình để minh chứng: du lịch không chỉ tác động không lành mạnh đến môi trường các yếu tố sinh thái tự nhiên mà còn tác động không lành mạnh đến cả môi trường đối với các di sản văn hoá phi vật thể như đối với các lễ hội bị xâm phạm bởi tệ nạn mê tín, dị đoan...

- *Ô nhiễm không khí* - Trong các khu du lịch, điểm du lịch tình hình ô nhiễm không khí thường xảy ra do tác động của các phương tiện cơ giới hoặc do việc đốt rác thải. Có nơi trong điều kiện thời gian đang tiến hành xây dựng các công trình cơ sở hạ

tăng du lịch cũng gây nên tình hình ô nhiễm không khí v.v...

- *Ô nhiễm nước* - Trường hợp ngành du lịch có những loại hình du lịch như đã trình bày, tình hình ô nhiễm nguồn nước ngầm và nước mặt của sông, hồ, đầm lầy, ven bờ biển v.v... thường xảy ra do tình hình xả bừa bãi nước thải ngay từ các cơ sở du lịch. Nguyên nhân của tình hình này có thể là do sự hoạt động của hệ thống thoát nước không có hiệu quả, có thể do xăng dầu của các thuyền bè có động cơ hoặc do việc xả nước một cách bừa bãi làm nước thải đọng thành vũng v.v... Ngay việc xả rác bừa bãi cũng không tránh được hậu quả làm ô nhiễm nước. Trường hợp khai thác nguồn nước ngầm quá công suất cho phép ở các hải đảo hoặc ở ven bờ biển cũng thường gây nên tình trạng nhiễm mặn nguồn nước.

- *Ô nhiễm vì tiếng ồn* - Đặc biệt là những phương tiện giao thông phục vụ hoạt động của du lịch trong các vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên v. v... Ngay ở các khu vui chơi giải trí tiếng ồn do phát âm nhạc lớn hoặc do việc sử dụng loa

phóng thanh của hướng dẫn viên du lịch v.v... cũng gây nên tiếng ồn vượt quá mức cho phép, có khi làm cho du khách khó chịu.

Bên cạnh đó còn một số hiện tượng khác gây ảnh hưởng đối với môi trường như ách tắc giao thông thường xảy ra ở các điểm du lịch nổi tiếng, các khu du lịch phát triển quá mức. Một số công trình du lịch được thiết kế hoặc bố trí không hợp lý, vừa thiếu hệ thống thoát nước hợp lý, vừa thiếu hệ thống cây xanh phù hợp. Ngay việc bố trí không đúng các nẻo đường đi bộ trong các vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên, nhất là trên vườn đồi, sườn núi cao dễ gây tai nạn không lường được. Ở các bãi biển, nhất ở các đầm lầy cần đề phòng hiện tượng sạt lở gây thương vong. Việc sử dụng các khu đất gần kề các điểm, các khu du lịch v.v...

Điều khẳng định là hoạt động du lịch cho đến nay chưa xảy ra tình hình xâm hại đáng kể đối với môi trường như ở một số nơi trên thế giới, nhưng vấn đề là cần chú ý đến những ảnh hưởng đáng kể để ngành du lịch phát triển bền vững và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Từ những năm 1996 - 1997 đến nay, một số khu du lịch phát triển khang trang, sạch đẹp, hấp dẫn du lịch trong nước và du khách quốc tế. Kết quả tốt đạt được có thể là từ nhận thức đúng đắn của các cấp nhà nước và của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư mà bước đầu là công tác quy hoạch đã được chú ý. Các cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, các khách sạn, nhà hàng, các tiện nghi được nghiên cứu quy hoạch, sắp xếp bảo đảm hợp lý môi trường du lịch của khu vực, yếu tố vệ sinh, thẩm mỹ v.v...

Khu vực Sầm Sơn ở Thanh Hoá được chỉ đạo việc xây dựng các phương án và chương trình bảo vệ môi trường biển. Những cư dân, tổ chức tham gia hoạt động du lịch có trách nhiệm bảo vệ môi trường, cụ thể là cam kết bảo vệ môi trường du lịch đối với ba phường nội thị là phường Trường Sơn, phường Bắc Sơn và phường Trung Sơn, đồng thời trong khí thế của toàn thị xã đoàn thanh niên và học sinh ở các trường trên địa bàn thực sự có vai trò tác động tích cực.

Khu vực Cửa Lò ở Nghệ An đã sắp xếp lại hợp lý việc dịch vụ tắm bể bằng hệ thống truyền thanh

rộng rãi, cấp thẻ dịch vụ chụp ảnh, xoá bỏ tình trạng bán hàng rong gây mất vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, sắp đặt các thùng rác công cộng khắp bãi biển v.v... Các đoàn kiểm tra của thị xã thường xuyên giám sát những vi phạm v.v... Cơ quan quản lý du lịch đã đầu tư lắp đặt máy sàng cát làm sạch đẹp bãi tắm, đồng thời thực hiện tích cực biện pháp xử lý nước thải bằng hai mương thải Sào Nam và Bình Minh nên đã thực sự tránh được tình trạng ô nhiễm môi trường nguồn nước.

Về an toàn đối với du khách thị xã Cửa Lò được coi là một yêu cầu hàng đầu trong quản lý du lịch bằng việc bố trí năm trạm cấp cứu trên bờ, hai tàu cao tốc trực liên tục trong ngày và có năm thuyền cứu hộ trên biển. Trung tâm y tế của thị xã bố trí xe ô tô và bác sĩ, nhân viên y tế thường trực cả ngày và đêm.

Hoạt động du lịch đối với Việt Nam cũng như đối với các nước trên thế giới không những được tổ chức và quản lý tốt trong nước, mà còn phải thực hiện chiến lược hợp tác quốc tế một cách phù hợp, đạt hiệu quả.

Từ các năm từ năm 1995 đến nay sự hợp tác quốc tế về du lịch của Việt Nam với các nước ở Đông - Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương đã thực sự có các biến chuyển tốt vừa cả đối với Việt Nam, vừa cả đối với các nước khác. Trong số các nước đã hợp tác du lịch với Việt Nam sự hợp tác du lịch với các nước Tiểu vùng sông Mê-Kông mở rộng⁽¹⁾ gồm có Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan và tỉnh Vân Nam Trung Quốc, đồng thời dự án Hành lang kinh tế Đông - Tây do Ngân hàng châu Á⁽²⁾ và các tổ chức quốc tế tài trợ cũng nối Việt Nam với Lào, Thái Lan và Mi-an-ma trong các năm tới.

Tổ chức Điều phối hoạt động du lịch khu vực sông MêKông mở rộng⁽³⁾ được thành lập năm 1997 có trụ sở tại Tổng cục Du lịch Thái Lan ở Băng Cốc đã hoạt động tích cực từ khi được thành lập đến nay, trong đó có chương trình Du lịch tham quan các công trình của khu vực sông MêKông và gắn kết

(1) GMS.

(2) ADB.

(3) AMTA.

với các chuyến du lịch ở Thái Lan - Lào - Trung Quốc và Việt Nam. Hội chợ thương mại liên lạc trực tiếp đầu tiên của tiểu vùng được tổ chức tháng 4 năm 2000 tại Diễn đàn du lịch Mê Kông lần thứ V họp ở thủ đô Phnôm-pênh. Ngân hàng châu Á còn chuẩn bị thu hoạch cấu trúc đối với các nước khu vực sông Mê-Kông mở rộng, trong đó có Việt Nam được hoàn tất năm 2001 bao gồm các tuyến vận chuyển và phân phối khu vực của quá trình phát triển du lịch của tiểu vùng. Căn cứ vào bản quy hoạch cấu trúc nói trên các bản quy hoạch riêng của từng nước được xác định và triển khai.

Các nước trong Hiệp hội Đông Nam Á⁽¹⁾ cũng tích cực thúc đẩy du lịch như các tổ chức du lịch của các nước có các cuộc họp hằng năm, kể cả các cuộc hội nghị các Bộ trưởng Du lịch của hiệp hội được tổ chức hàng năm.

Hiệp hội lữ hành châu Á - Thái Bình Dương⁽²⁾ có trụ sở ở Băng Cốc đã có các thành viên là Việt Nam

(1) ASEAN.

(2) PATA.

và các nước tiểu vùng sông Mê-Kông mở rộng cũng như các nước khác trong Hiệp hội Đông Nam Á; kể cả một số nước khác ở châu Á - Thái Bình Dương ngoài các cuộc họp hằng năm còn tổ chức các hội chợ du lịch, các diễn đàn du lịch, trợ giúp việc xây dựng các sản phẩm du lịch, việc đào tạo du lịch...

Ủy ban kinh tế - xã hội của Liên Hợp quốc ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương⁽¹⁾ cũng tích cực tham gia hoạt động du lịch của khu vực, đặc biệt tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề, trong đó như hội nghị chuyên đề về mở rộng du lịch tiểu vùng sông MêKông mở rộng được tổ chức năm 1999 ở Viên-Chăn (Lào) hội nghị chuyên đề về mối quan hệ giữa Nhà nước với các cộng đồng để phát triển du lịch năm 2000 ở Băng Cốc; hội nghị lần thứ X của nhóm công tác của các nước tiểu vùng sông MêKông mở rộng năm 1999 cùng với Tổ chức điều phối hoạt động du lịch khu vực sông MêKông mở rộng v.v...

Còn Tổ chức Du lịch thế giới vốn là một diễn

(1) ESCAP

đàn quốc tế về các vấn đề và chính sách du lịch để xúc tiến và phát triển du lịch nhằm cổ vũ nền hoà bình, sự hiểu biết quốc tế vừa phát triển kinh tế - thương mại quốc tế. Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên của Tổ chức Du lịch thế giới.

Trong mối quan hệ hợp tác quốc tế về du lịch của Việt Nam thì khách du lịch từ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã thực hiện các tour du lịch tăng hàng năm. Năm 2002 số du khách của thị trường Trung Quốc đến Việt Nam đạt trên 700.000 lượt khách trên 2,6 triệu lượt khách quốc tế tăng 11,6% so với năm 2001. Các du khách quốc tế của các nước khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Xingapo, Pháp, Mỹ v.v... cũng tăng về lượt khách. Theo các nhà chính sách của Tổ chức Du lịch quốc tế Việt Nam trong những năm tới với ưu thế là một điểm đến an toàn và thân thiện có nhiều điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, ngành du lịch Việt Nam sẽ phát triển tốt. Ngoài những sự hỗ trợ đã làm, Tổ chức Du lịch thế giới sẽ tăng cường sự hỗ trợ về kỹ thuật trong việc quy hoạch phát triển du lịch biển -

đảo, cung cấp thông tin về luật du lịch của các nước thành viên của Tổ chức Du lịch thế giới để ngành du lịch Việt Nam tham khảo, đồng thời hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch Việt Nam v.v...

Điều thuận lợi từ những năm gần đây trong sự hợp tác quốc tế về du lịch đối với các nước là các loại đường bộ, đường biển, đường hàng không giữa Việt Nam với các nước không ngừng được mở rộng, vì vậy các tiện nghi và dịch vụ được thực hiện tốt. Về đường bộ hiện nay có ba nước có đường nối với Việt Nam là Lào, Campuchia và Trung Quốc; riêng với Campuchia hiện có 3 đường bộ là đường số 19, đường số 20 và số 21; với Lào hiện có 5 đường bộ là các đường số 6, 7, 8, 9 và đường 120; với Trung Quốc có 3 đường nối Việt Nam với tỉnh Quảng Tây là đường số 1A, đường số 18 và đường 4B và đường số 70 nối Việt Nam với tỉnh Vân Nam. Giữa các con đường trên do sự khác nhau về điều kiện địa lý của các vùng núi quanh các đồng bằng ở phía Bắc, phía Tây Bắc với vùng đất thấp về phía Tây của Việt Nam. Một tuyến đường bộ nối với Campuchia bằng quốc lộ số 22 ở miền Nam Việt

Nam qua cửa khẩu Mộc Bài ở Tây Ninh. Ở miền Bắc Việt Nam thì Trung Quốc có điều kiện thuận lợi để khách du lịch của nước này đến các tuyến du lịch ở Việt Nam qua tỉnh Lào Cai, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Quảng Ninh.

Về đường sắt hiện Việt Nam có đến 6 tuyến đã được sử dụng cùng hai tuyến nhánh với chiều dài chung đến 2600 km. Trong tổng số trên 2210 km chiếm 85% tổng chiều dài có đường sắt khổ 1 mét; 160 km chiếm 6% tổng chiều dài có đường sắt khổ 1,435 mét và 220 km chiếm 9% tổng chiều dài là đường lồng. Nói chung các khổ đường sắt trên đều là đường đơn chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay.

Về đường biển Việt Nam với nhiều vị trí tự nhiên thuận tiện đối với sự phát triển vận chuyển biển cùng với mạng lưới vận chuyển đường thủy nội địa có tổng chiều dài gần 9.000 km tiếp nối các điểm tiếp cận cửa sông và cảng sông. Cho đến nay những cảng biển Việt Nam có tần suất lớn là cảng Hạ Long, cảng Đà Nẵng, cảng Sài Gòn, cảng Vũng Tàu và cảng Phú Quốc. Các

cảng biển tuy đã được đầu tư hiện đại, nhưng vẫn chưa được đầy đủ trong việc tiếp đón du khách. Từ thành phố Hồ Chí Minh có các tuyến đường thuỷ nội địa và dọc theo sông Hậu đến Cần Thơ để tiếp đến biên giới Campuchia đều là các tuyến đường thuỷ phục vụ sự hợp tác quốc tế về du lịch giữa Việt Nam và Campuchia.

Về đường hàng không có ba sân bay vận chuyển du khách và hàng hoá quốc tế là sân bay Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Từ năm 1993 đến nay tổng số hành khách tăng hằng năm. Sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội) là sân bay quốc tế chính có đường băng chính dài 3.200 mét, rộng 45 mét trải mặt át-phân. Trong diện tích 11.500 m² của nhà ga có công trình chính được cải tạo là 9.800 m² đối với khách quốc tế.

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất ở thành phố Hồ Chí Minh là sân bay lớn nhất hiện nay của Việt Nam, có hai đường băng dài 3.800 mét và 3.048 mét cùng có bề rộng là 46 mét; đường ô tô phục vụ hai đường băng dài 11.700 mét. Nhà ga có diện tích 94.000 m². Cùng với nhà ga nội địa ở Tân Sơn

Nhất đã được mở rộng thì nhà ga quốc tế có diện tích 100.000 m² được xây dựng để đạt 8 đến 10 triệu hành khách/năm.

Sân bay quốc tế Đà Nẵng mới được xây dựng có 2 đường băng dài là 3.048 mét với chiều rộng là 46 mét. Sân bay này mới có chuyến bay từ Đà Nẵng đến Băng Cốc và năng lực vận chuyển còn hạn chế. Ngành hàng không đang có kế hoạch nâng cấp sân bay này để đạt năng lực 1 triệu hành khách/năm.

Công tác phát triển của ngành du lịch công tác quy hoạch và quản lý môi trường du lịch là một trọng tâm công tác nên Nhà nước rất quan tâm. Thực tiễn từ những năm 1990-1991 đến nay đã thể hiện rõ, tuy nhiên việc khai thác, sử dụng hợp lý đa dạng sinh học nhằm phục vụ sự phát triển của du lịch sinh thái bền vững đối với Việt Nam là một lĩnh vực mới và phức tạp. Vì vậy Tổng cục Du lịch thực sự có chủ trương phối hợp các tổ chức trong nước cùng các tổ chức nước ngoài hợp tác nghiên cứu về quy hoạch tổng thể du lịch. Năm 2001 tại thành phố Đà Nẵng Tổng cục Du lịch Việt Nam đã cùng

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản⁽¹⁾ tổ chức cuộc hội thảo về "quy hoạch tổng thể du lịch và các chương trình dự án chọn lọc khu vực miền Trung đến năm 2020" nhằm phát triển du lịch địa phương, quản lý và sử dụng các tài nguyên du lịch, kiến nghị các chính sách du lịch v.v... Góp phần tăng lượng du khách quốc tế từ 2,140 triệu lượt người năm 2001 lên 8 triệu người năm 2020.

Tính đến cuối năm 2000 Việt Nam đã thu hút trên 2 triệu lượt khách và trong số đó thì khoảng một triệu lượt khách là đến tham quan nghỉ dưỡng hoặc nghỉ phép. Số lượt khách này hầu hết đều từ các nước ở châu Á - Thái Bình Dương, còn số lượt khách từ châu Âu, châu Mỹ tăng ít.

Tuy Việt Nam đang là điểm du lịch hấp dẫn đối với du lịch quốc tế nhờ sẵn có nhiều cơ sở văn hoá, lịch sử, khu nghỉ dưỡng giải trí được đầu tư mới v.v... nhưng điều đáng lưu ý là cho đến năm 2002-2003 du khách quốc tế từ các nước chọn Việt Nam vẫn là một điểm du lịch kết hợp trong khu vực du

(1) Jaika.

lịch rộng là vùng đông Nam Á - Đông Dương để cùng thực hiện cả tour du lịch, cho nên thời gian họ lưu lại ở Việt Nam là có hạn. Cũng qua tình hình nói trên ngành du lịch Việt Nam đang có sự liên kết với ngành du lịch của các nước trong khu vực để chủ động về tăng các tour du lịch của du khách quốc tế, đồng thời có quy hoạch hợp lý về đầu tư các cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng bảo đảm đối với du khách.

PHẦN KẾT LUẬN CHUNG

Các chương của cuốn sách "*Du lịch và du lịch sinh thái*" đã giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản nói chung và có đề cập các loại hình du lịch riêng có của hoạt động du lịch ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cho đến nay chưa có một công trình biên soạn tương đối đầy đủ về lý luận và về thực tiễn của Việt Nam đối với các loại hình du lịch, trong đó có các loại hình du lịch sinh thái mới mẻ đang được triển khai ở nhiều vùng trong nước.

Từ sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng và thống nhất, đặc biệt từ những năm 1991-1992 ngành Du lịch của Việt Nam đã dần dần đạt được nhiều kết quả về các mặt. Những kết

quả khiêm tốn, vững vàng một mặt do đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước được các thành phố, các tỉnh và các cấp chính quyền nghiêm túc thực hiện. Mặt khác bản thân ngành Du lịch nói chung và các Sở Du lịch, Sở thương mại - du lịch của các thành phố, các tỉnh, các công ty, doanh nghiệp và công nhân viên chức các cộng đồng dân cư quyết tâm, hoàn thiện tổ chức và quản lý ngành kinh tế đặc thù có tính chất xã hội hoá cao. Tuy nhiên nơi này, nơi khác vẫn còn thiếu sót có ảnh hưởng đối với hiệu quả của hoạt động du lịch như: Quy hoạch đầu tư dàn trải, công trình đầu tư không bảo đảm chất lượng; thái độ giao tiếp, hướng dẫn lễ hành đối với du khách còn thiếu sót; tình hình ô nhiễm môi trường du lịch không chỉ xảy ra cá biệt; vấn đề đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, văn hoá, có trách nhiệm chưa đầy đủ, cùng một số sơ hở, lệch lạc trong quá trình hợp tác kinh doanh quốc tế về du lịch v.v... Những thiếu sót đó cần phải được khắc phục sửa chữa.

Việc tổ chức các tuor du lịch chu đáo đến các khu du lịch, các điểm du lịch theo các loại hình du lịch mà du khách mong muốn thu hút được nhiều du khách. Mặt khác, qua các chuyến du lịch có chất lượng nếu du khách thấy thoả mãn có thể làm cho họ tăng độ dài của chuyến du lịch. Đồng thời cũng thông qua du khách đã từng có các chuyến, du lịch hấp dẫn sẽ là những nguồn thông tin, quảng bá khách quan để thu hút các du khách khác. Như vậy các nhà quản lý du lịch đã thực tế làm tròn được nhiệm vụ xã hội hoá hoạt động du lịch.

Với vị thế sẵn có của một ngành kinh tế mũi nhọn có tính chất xã hội hoá cao, có quan hệ hợp tác quốc tế rộng và mạnh, ngành du lịch có trách nhiệm đảm nhận nhiệm vụ quan trọng trong các kế hoạch năm năm 2001-2005 và 2006-2010 và cả các năm sau Nhà nước cần tạo điều kiện thêm đối với ngành Du lịch để bản thân ngành này có quyền hạn về tổ chức, về khả năng điều hành nhất định để hoàn thành nhiệm vụ. Khi được tăng thêm quyền

hạn về các mặt của một Bộ - ngành kinh tế của đất nước là Bộ Du lịch thì hoạt động của ngành du lịch chắc chắn sẽ đạt những kết quả lớn hơn, đồng thời trong hợp tác quốc tế cũng sẽ có điều kiện mở rộng hơn nữa trong những năm tới.

Hà Nội tháng 10 năm 2003

*Tác giả **THẾ ĐẠT***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại hội lần thứ IV năm 1977; lần thứ V năm 1982; lần thứ VI năm 1986; lần thứ VII năm 1991; lần thứ VIII năm 1996 và lần thứ IX năm 2001 đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Sự thật, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Các luật và pháp lệnh trong lĩnh vực kinh tế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội năm 2001.
- Biên niên sự kiện ngoại thương Việt Nam (1945-1990) của Bộ Thương mại và Du lịch tháng 1 năm 1992.
- Vấn đề kinh tế - sinh thái Việt Nam, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Văn Trường, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội năm 1993.
- Những biến đổi về kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Viện Dân tộc học, Nhà xuất bản Khoa học - xã hội, Hà Nội năm 1993.

- Niên giám thống kê năm 1993, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội năm 1994.
- Tổ chức lãnh thổ kinh tế Á vùng Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội năm 1995.
- Niên giám thống kê năm 1994, Nhà xuất bản Thống kê năm 1995.
- Việt Nam danh bạ xanh, Bộ Khoa học - Công nghiệp và môi trường, Cục môi trường, Hà Nội năm 1997.
- Tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh của Viện kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thống kê năm 1998.
- Niên giám thống kê, Nhà xuất bản Thống kê năm 1999.
- Di tích Hà Tây, Sở văn hoá thông tin Hà Tây năm 1999.
- Nghị Đoàn. Người Hoa ở Việt Nam - thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh năm 1999.

- Rừng, lợi ích văn hoá, kinh tế, môi trường, Viện Kinh tế sinh thái, Hà Nội năm 2000.
- Dền miếu Việt Nam của GS. Vũ Ngọc Khánh chủ biên, Nhà xuất bản Thanh niên Hà Nội năm 2000.
- Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc Hà Nội năm 2000.
- Kho tàng về xứ Nghệ, Nhà xuất bản Nghệ An năm 2001.
- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định 1930-1975, Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Nam Định, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2001.
- Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên, Nhà xuất bản Khoa học - xã hội, Hà Nội năm 2002.
- Báo Nhân Dân; Báo Hà Nội Mới; Báo Du Lịch; Báo Lao Động và một số báo của các tỉnh.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu	5
Chương I. TỔNG QUAN VỀ NGÀNH KINH TẾ DU LỊCH CỦA VIỆT NAM	7
Chương II. TÀI NGUYÊN DU LỊCH CỦA VIỆT NAM	22
Chương III. CÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH CỦA VIỆT NAM	75
Chương IV. LOẠI HÌNH DU LỊCH SINH THÁI	124
Chương V. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CỦA DU LỊCH	152
Chương VI. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ DU LỊCH	162
Phần kết luận chung	199
Tài liệu tham khảo	203

DU LỊCH VÀ DU LỊCH SINH THÁI

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – HÀ NỘI - 2003

175 GIẢNG VỞ – HÀ NỘI

Tel: (04)8515380 - 8439543

Fax: (04) 8515381

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

TRẦN DŨNG

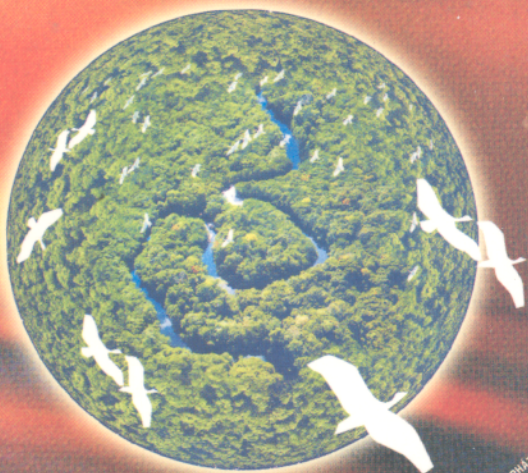
Biên tập: THU NGÀ

Sửa bản in: VIỆT HƯƠNG

Trình bày bìa: NGÔ TRỌNG HIỂN

& DU LỊCH

du lịch sinh thái



ĐƯỢC PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH THĂNG LONG



DU LỊCH & DU LỊCH SINH THÁI



10137288

21000 đ/C C

TL

15/03/4

Giá: 21.000đ